

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN
MÔN

GIÁO DỤC CÔNG DÂN

LỚP 7 (Tái bản lần thứ nhất
có chỉnh lí, bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NXBGDVN

MỞ ĐẦU

Mô hình trường học mới thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành. Nội dung các bài học theo mô hình trường học mới được xây dựng trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ của Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, đồng thời phù hợp với việc thực hiện các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực học sinh.

Tiến trình bài học trong mô hình trường học mới được thiết kế thành các hoạt động học theo tiến trình sư phạm của các phương pháp dạy học tích cực như : dạy học giải quyết vấn đề, dạy học tìm tòi nghiên cứu, phương pháp “Bàn tay nặn bột” và các phương pháp dạy học đặc thù bộ môn... Tuy có những điểm khác nhau nhưng tiến trình sư phạm của các phương pháp dạy học tích cực đều tuân theo con đường nhận thức chung là : *từ vấn đề cần giải quyết – học sinh phải học kiến thức mới, kỹ năng mới để giải quyết vấn đề – vận dụng, mở rộng kiến thức, kỹ năng mới vào thực tiễn*. Vì vậy, mỗi bài học trong mô hình trường học mới đều được thiết kế theo 5 hoạt động : *Khởi động, Hình thành kiến thức, Luyện tập, Vận dụng, Tìm tòi mở rộng*. Giáo viên cần hiểu đúng bản chất của từng hoạt động trong mỗi bài học, trong đó hoạt động cốt lõi là “*Hình thành kiến thức*” và “*Luyện tập*” để đảm bảo cho tất cả học sinh phải học được kiến thức mới, luyện được kỹ năng mới theo mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành. Cụ thể như sau :

Hoạt động khởi động nhằm tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. Giáo viên sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân học sinh có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu hướng dẫn học ; làm bộc lộ “cái” học sinh đã biết, giúp học sinh bộc lộ quan niệm của mình về vấn đề sắp học để nhận ra “cái” chưa biết và muốn biết. Vì vậy, các câu hỏi/nhiệm vụ trong hoạt động khởi động là những câu hỏi/vấn đề mở, không cần và không thể có câu trả

lời hoàn chỉnh. *Kết thúc hoạt động này, giáo viên không chốt về nội dung kiến thức mà chỉ giúp học sinh phát biểu được vấn đề để học sinh chuyển sang các hoạt động tiếp theo nhằm bổ sung những kiến thức, kĩ năng mới, qua đó tiếp tục hoàn thiện câu trả lời hoặc giải quyết được vấn đề.*

Hoạt động hình thành kiến thức nhằm giúp học sinh chiếm lĩnh được kiến thức, kĩ năng mới thông qua việc nghiên cứu tài liệu ; tiến hành thí nghiệm, thực hành ; hoạt động trải nghiệm sáng tạo... *Kết thúc hoạt động này, trên cơ sở kết quả hoạt động học của học sinh thể hiện ở các sản phẩm học tập mà học sinh/nhóm học sinh hoàn thành, giáo viên cần chốt kiến thức mới để học sinh chính thức ghi nhận và vận dụng.*

Hoạt động luyện tập nhằm giúp học sinh củng cố, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng vừa lĩnh hội được thông qua yêu cầu áp dụng trực tiếp kiến thức vào giải quyết các câu hỏi/bài tập/tình huống/vấn đề trong học tập. *Kết thúc hoạt động này, nếu cần, giáo viên có thể lựa chọn những vấn đề cơ bản về phương pháp, cách thức giải quyết các câu hỏi/bài tập/tình huống/vấn đề để học sinh ghi nhận và vận dụng, trước hết là vận dụng để hoàn chỉnh câu trả lời/giải quyết vấn đề đặt ra trong “Hoạt động khởi động”.*

Hoạt động vận dụng nhằm giúp học sinh vận dụng được các kiến thức, kĩ năng đã học để phát hiện và giải quyết các tình huống/vấn đề trong cuộc sống ở gia đình, địa phương. Giáo viên cần gợi ý học sinh về những hoạt động, sự vật, hiện tượng cần quan sát trong cuộc sống hàng ngày, mô tả yêu cầu về sản phẩm mà học sinh cần hoàn thành để học sinh quan tâm thực hiện.

Hoạt động tìm tòi mở rộng nhằm tạo thói quen cho học sinh không bao giờ dừng lại với những gì đã học và hiểu rằng ngoài những kiến thức được học trong nhà trường còn rất nhiều điều có thể và cần phải tiếp tục học, ham mê học tập suốt đời. Giáo viên cần giúp học sinh tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

“Hoạt động vận dụng” và “Tìm tòi mở rộng” không cần tổ chức ở trên lớp và không đòi hỏi tất cả học sinh phải thực hiện như nhau. Giáo viên cần quan tâm, động viên để có thể thu hút nhiều học sinh tham gia một cách tự nguyện ; khuyến khích những học sinh có sản phẩm chia sẻ với các bạn trong lớp.

Mỗi hoạt động học của học sinh trong tiến trình trên phải được tổ chức một cách linh hoạt giữa hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ và toàn lớp. Không nên bố trí học sinh ngồi theo các nhóm cố định mà phải chia nhóm theo yêu cầu của hoạt động học. Nghĩa là các nhóm học tập nói chung đều được hình thành một cách linh hoạt theo từng nội dung học tập. Nếu là hoạt động cá nhân, cặp đôi và toàn lớp thì không cần và không nên bố trí học sinh ngồi thành nhóm, nhất là trong điều kiện lớp học không cho phép. Các hình thức làm việc trong nhóm được thay đổi thường xuyên căn cứ vào yêu cầu của tài liệu Hướng dẫn học và việc thiết kế hoạt động của giáo viên. Nhìn chung, quy trình tổ chức mỗi hoạt động học như sau :

– *Làm việc cá nhân* : Trước khi tham gia phối hợp với bạn, cá nhân phải tự lĩnh hội kiến thức, chuẩn bị ý kiến tham gia thảo luận. Tồn suất của các hoạt động cá nhân rất lớn và chiếm ưu thế hơn so với các hoạt động khác.

– *Làm việc theo cặp hoặc theo nhóm* : Sau khi học cá nhân, học sinh cần được hướng dẫn thảo luận với bạn về nội dung học tập. Tùy điều kiện cụ thể của lớp học và nội dung học tập, giáo viên quyết định giao cho học sinh thảo luận theo cặp hoặc theo nhóm để hoàn thành sản phẩm học tập được giao. *Để hoạt động nhóm đạt hiệu quả, mỗi nhóm chỉ nên có 4 học sinh.*

– *Làm việc cả lớp* : Trong mỗi hoạt động học, sau khi học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi, nhóm, giáo viên tổ chức làm việc chung cả lớp để học sinh được trình bày, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập ; nhận xét, đánh giá về sản phẩm học tập của học sinh ; định hướng hoạt động học tiếp theo ; chốt kiến thức, kĩ năng mới để học sinh chính thức ghi nhận và vận dụng.

Việc lựa chọn hình thức hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm hay toàn lớp phụ thuộc vào yêu cầu của các loại hình hoạt động và luyện tập. Tài liệu Hướng dẫn học chỉ là một gợi ý cho việc tổ chức các hình thức hợp tác này, giáo viên không nên luôn tuân theo một cách máy móc thiết kế có sẵn của tài liệu. Tùy vào tình hình thực tế, giáo viên có thể điều chỉnh một cách linh hoạt, tạo hứng thú cho học sinh trên nguyên tắc đảm bảo mục tiêu bài học.

Khi tổ chức hoạt động học của học sinh, giáo viên cần chú ý giao nhiệm vụ học tập cho các nhóm một cách cụ thể và rõ ràng ; đứng ở vị trí thuận lợi để dễ dàng quan sát các nhóm học sinh làm việc và có thể hỗ trợ kịp thời cho từng học sinh và cả nhóm ; hướng dẫn học sinh ghi tóm tắt kết quả hoạt động cá nhân và kết quả thảo luận nhóm vào vở ; không được đọc cho học sinh ghi bài, không yêu cầu học sinh chép lại toàn bộ nội dung bài học trong tài liệu Hướng dẫn học. Khi giúp đỡ học sinh, cần gợi mở để học sinh tự lực hoàn thành nhiệm vụ ; khuyến khích để học sinh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong việc giải quyết nhiệm vụ học tập ; kết hợp nhận xét, đánh giá bằng lời nói ; trong mỗi giờ học cần tranh thủ ghi nhận xét, đánh giá và có thể cho điểm vào vở học của một số học sinh và luân phiên để mỗi học sinh được ghi từ 2 – 4 lần trong mỗi học kì thay cho việc kiểm tra miệng, 15 phút, 45 phút trước đây.

Phần thứ nhất

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG
VỀ DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN
THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM
CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ**

I – MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7 THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM

1. MỤC TIÊU

Tất cả các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường đều phải hướng tới hình thành những mục tiêu chung của giáo dục phổ thông. Môn Giáo dục công dân lớp 7 cũng nhằm hướng tới các mục tiêu này, cụ thể :

1.1. Mục tiêu chung

1.1.1. Phẩm chất

Chương trình giáo dục phổ thông hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất :

- Yêu gia đình, quê hương, đất nước
- Nhân ái, khoan dung
- Trung thực, tự trọng, chí công vô tư
- Tự lập, tự tin, tự chủ và có tinh thần vượt khó
- Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên
- Tôn trọng, chấp hành kỉ luật, pháp luật và thực hiện nghĩa vụ đạo đức.

1.1.2. Năng lực chung

a) Nhóm năng lực làm chủ và phát triển bản thân :

- Năng lực tự chủ (tự quản lí, tự học...)
- Năng lực giải quyết vấn đề
- Năng lực sáng tạo
- Năng lực thẩm mĩ.

b) Nhóm năng lực về quan hệ xã hội :

- Năng lực giao tiếp
- Năng lực hợp tác.

c) Nhóm năng lực công cụ :

- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT)
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ
- Năng lực tính toán.

1.2. Mục tiêu môn Giáo dục công dân

Sau đây là những đề xuất của nhóm chuyên gia về các mục tiêu của môn Giáo dục công dân trong chương trình tổng thể, đó là học sinh có thể :

- Tự nhận thức về giá trị của bản thân
- Tự điều chỉnh hành vi phù hợp với pháp luật và chuẩn mực đạo đức xã hội
- Tự chịu trách nhiệm về các hành vi và việc làm của bản thân
- Thực hiện trách nhiệm công dân với cộng đồng, đất nước
- Giải quyết vấn đề cá nhân
- Hợp tác giải quyết vấn đề xã hội.

Môn Giáo dục công dân lớp 7 cũng góp phần hình thành những năng lực trên thông qua các nội dung bài học trong chương trình.

2. NỘI DUNG

Từ mục tiêu đã được trình bày ở trên, chương trình được xây dựng với 9 chủ đề. Học sinh được trang bị các nội dung cơ bản cần thiết để tiếp tục rèn luyện trở thành người công dân sống có ý thức với bản thân và xã hội : biết tôn trọng bản thân, biết giá trị của bản thân mình và tin vào bản thân ; biết sống tự lập, có kế hoạch ; có lối sống giản dị, khiêm tốn. Bên cạnh đó, học sinh còn được hướng dẫn cách xây dựng tình bạn trong sáng và làm thế nào để nuôi dưỡng tình yêu thương với con người, xây dựng gia đình văn hoá, hạnh phúc... Ngoài ra học sinh lớp 7 tiếp tục được trang bị kiến thức về Hiến pháp và pháp luật của nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, luật về Quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ tài sản. Các chủ đề được lựa chọn là :

- Tự tin và tự trọng
- Giản dị và khiêm tốn
- Yêu thương con người
- Sống tự lập
- Sống có kế hoạch
- Xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh
- Xây dựng gia đình văn hoá
- Quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ tài sản
- Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Các nội dung được thiết kế theo hướng mở với gợi ý những cách thức tổ chức học tập đa dạng. Mỗi chủ đề được cấu trúc để trả lời các câu hỏi cơ bản sau :

- Khái niệm, từ khoá mà chủ đề hướng tới là gì ?
- Những dấu hiệu, biểu hiện của khái niệm ấy như thế nào ?
- Làm thế nào để học sinh hình thành được cách suy nghĩ tích cực và có hành động đúng đắn theo chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật trong đời sống ?

3. PHƯƠNG PHÁP

3.1. Một số định hướng đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực

a) Cân bằng giữa tổ chức hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm để hình thành năng lực cá nhân và năng lực làm việc nhóm

Quá trình dạy học phải coi hoạt động là bản chất, có nghĩa : dạy học chính là quá trình *tổ chức các hoạt động* khác nhau để học sinh được hoạt động và lĩnh hội kiến thức, hình thành kĩ năng, kĩ xảo và năng lực.

Có nhiều hình thức hoạt động khác nhau, tùy theo tính chất và số lượng người tham gia, mà có những tên gọi : hoạt động tập thể, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân ; hoạt động thực hành, hoạt động vận dụng, hoạt động trải nghiệm, hoạt động nghiên cứu... Các hoạt động này cần sử dụng linh hoạt, hài hoà, cân đối để tăng hiệu quả của hoạt động đối với người học.

b) Tổ chức hoạt động rèn luyện năng lực thực tiễn

Mục đích cuối cùng của quá trình dạy học là tạo ra năng lực thực tiễn cho người học. Phương pháp dạy học theo định hướng này có nghĩa là tổ chức cho học sinh được hành động trong thực tế ; các em học qua tình huống thực tiễn cuộc sống ; học sinh giải thích được thực tiễn bằng lí thuyết đã học ; học sinh được thực hành rèn luyện các kĩ năng...

c) Phát huy cao độ tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh trong quá trình học tập

Trong quá trình lĩnh hội kiến thức, kĩ năng và thái độ ở học sinh, tính tích cực được thể hiện từ cấp độ thấp nhất đến cấp độ cao nhất như sau :

- *Bắt chước* : Tính tích cực thể hiện ở sự cố gắng làm theo mẫu hành động, thao tác, cử chỉ hành vi hay nhắc lại những gì trải qua...

– *Tìm hiểu và khám phá* : Tính tích cực thể hiện ở sự chủ động hoặc ý muốn hiểu thấu đáo vấn đề nào đó để sau đấy có thể tự giải quyết vấn đề...

– *Sáng tạo* : Tính tích cực thể hiện ở khả năng linh hoạt và có thể đưa ra nhiều phương án khác nhau, hiệu quả trong giải quyết vấn đề.

Dựa theo những dấu hiệu này, giáo viên tổ chức hoạt động để học sinh có thể phát huy tính chủ động và sáng tạo ở người học.

d) Kết hợp một cách nhuần nhuyễn và sáng tạo các phương pháp dạy học khác nhau

Tính hiệu quả của phương pháp dạy học phụ thuộc vào người sử dụng. Nếu các phương pháp dạy học được kết hợp và bổ sung cho nhau thì việc dạy học ấy sẽ phù hợp được với sự đa dạng của người học, chống sự nhàm chán và tạo ra sự năng động trong cách nghĩ, cách làm của học sinh.

e) Phát triển khả năng tự học của học sinh

Khả năng tự học không chỉ thể hiện ở việc tự giác học tập ; để có thể tự học tốt, cần hình thành cho học sinh phương pháp tự học, phương pháp lập kế hoạch học tập cá nhân và triển khai kế hoạch, phương pháp quản lí thời gian, phương pháp đọc – hiểu tài liệu, phương pháp tư duy độc lập... và phương pháp tự tìm kiếm tri thức hay ứng dụng tri thức vào cuộc sống. Nếu phương pháp dạy không hướng tới các phương pháp học thì người học khó hình thành được năng lực tự học có hiệu quả.

Nguồn gốc của tính tích cực là nhu cầu. Khi có nhu cầu thì học sinh sẽ tự giác tìm kiếm tri thức. Khi phát hiện các tình huống mâu thuẫn của lí thuyết hay thực tế mà bằng kiến thức cũ không thể giải quyết được, học sinh buộc phải tìm con đường khám phá mới.

Đối với học sinh, tính tích cực bên trong thường nảy sinh do những tác động từ bên ngoài. Giáo viên phải tạo ra hàng loạt các mâu thuẫn, khéo léo lôi cuốn, hấp dẫn học sinh để các em tự ý thức tiếp nhận và tìm tòi cách giải đáp.

Khả năng tự học là năng lực rất quan trọng cho sự thành đạt của mỗi cá nhân. Muốn vậy, người giáo viên cần hướng dẫn học sinh phương pháp tự học sao cho hiệu quả, ví dụ như hướng dẫn học sinh tự lực suy nghĩ giải quyết vấn đề, cách ghi nhớ, tâm thế thi đua, vượt thử thách... Như vậy, khả năng tự học được rèn luyện ngay cả khi học trên lớp và lúc học ở nhà.

g) Kiểm tra và đánh giá thường xuyên kết quả học tập của học sinh

Đánh giá là khâu cuối cùng của quá trình dạy học và nó có thể góp phần điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học. Ngược lại, đổi mới phương pháp dạy học sẽ phải đổi mới cách thức kiểm tra và đánh giá. Không đổi mới phương pháp kiểm tra và đánh giá thì đổi mới phương pháp dạy học chỉ là hình thức. Trong đánh giá, giáo viên lưu ý một điều rằng, cần phải chuyển sự đánh giá của giáo viên thành quá trình tự đánh giá của học sinh về kết quả học tập và rèn luyện của bản thân. Cả thầy và trò cần đánh giá kết quả đạt được trong hoạt động của mình theo hệ mục tiêu đã đề ra.

3.2. Một số phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân

Phương pháp chủ yếu thực hiện chương trình này là tổ chức hoạt động cho học sinh, những phương pháp giúp học sinh tiếp nhận kiến thức một cách tự giác và chủ động, từ đó tự xây dựng kiến thức cho bản thân. Các phương pháp thường sử dụng trong môn Giáo dục công dân lớp 7 :

- Phương pháp dạy học theo nhóm
- Phương pháp dạy học theo dự án
- Phương pháp dạy học dựa trên tình huống
- Phương pháp thuyết trình kết hợp với hỏi đáp
- Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề
- Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình
- Phương pháp đóng vai
- Phương pháp trò chơi
- Phương pháp động não
- ...

4. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hình thức tổ chức dạy học trong các lớp học của mô hình Trường học mới bao gồm các hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm đôi, hoạt động nhóm lớn hơn 2, hoạt động chung cả lớp, hoạt động tư vấn với phụ huynh, với cộng đồng hay hoạt động bên ngoài lớp học. Giáo viên sẽ là người thiết kế ý tưởng các hoạt động, trao đổi với Hội đồng tự quản những nội dung hoạt động mà các em phải triển khai hoặc hỗ trợ trên lớp học.

Trong giờ học, học sinh chủ động điều hành các hoạt động của lớp, giáo viên chỉ là người hỗ trợ, điều chỉnh khi cần thiết.

Để giờ học diễn ra thuận lợi, giáo viên và học sinh cần chuẩn bị môi trường học tập, bàn ghế thuận tiện cho học sinh tương tác trong lớp học cũng như di chuyển và thay đổi các loại hoạt động.

5. THIẾT BỊ VÀ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Dựa trên các hoạt động mô tả trong sách, giáo viên chuẩn bị những vật liệu cần thiết như : bài hát, băng nhạc, tranh ảnh, biển báo, phiếu học tập... ; xây dựng góc học tập với đầy đủ các đồ dùng, tài liệu cần thiết và làm sao đó để học sinh dễ quan sát, dễ lấy, dễ sử dụng.

Đặc biệt lưu ý, giáo viên không nên để học sinh xem trước những tài liệu liên quan đến đáp án cho các câu hỏi trong bài, vì điều này sẽ làm cho học sinh lười suy nghĩ, không có tinh thần vượt khó khăn... từ đó có thể mất đi sự hứng thú với môn học.

II – GIỚI THIỆU VỀ CẤU TRÚC CỦA SÁCH HƯỚNG DẪN HỌC GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7 VÀ TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM

1. CẤU TRÚC NỘI DUNG

Nội dung sách *Hướng dẫn học Giáo dục công dân 7* gồm 9 bài. Mở đầu là bài *Tự tin và tự trọng*. Chủ đề này được thiết kế với hai nội dung tự tin và tự trọng... Hai nội dung giáo dục này có quan hệ mật thiết với nhau nhưng không phải là hệ quả hay nguyên nhân của nhau. Các hoạt động được thiết kế từ việc tìm hiểu biểu hiện, dấu hiệu đa dạng của tự tin và tự trọng, ý nghĩa, đến các biện pháp để hình thành hai phẩm chất này.

Bài thứ hai là *Giản dị và khiêm tốn*. Nội dung chủ yếu dựa trên tấm gương sống giản dị và tiết kiệm của Bác Hồ để chỉ ra ý nghĩa và dấu hiệu của lối sống giản dị và khiêm tốn. Ngoài ra, học sinh được làm rõ nội hàm của sống giản dị còn có nghĩa là không nên phức tạp hoá vấn đề để cuộc sống trở nên nhẹ nhàng hơn. Giản dị và khiêm tốn thường đi đôi với nhau, người giản dị thường biết sống khiêm tốn và người khiêm tốn thì có lối sống giản dị.

Với mục đích giáo dục quan hệ xã hội, các bài *Yêu thương con người, Xây*

dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh và Xây dựng gia đình văn hoá cung cấp cho học sinh về ý nghĩa, dấu hiệu cũng như cách để phát triển quan hệ tình cảm nói chung, tình bạn và tình cảm gia đình nói riêng.

Để giáo dục học sinh biết *Sống tự lập* và *Sống có kế hoạch*, chương trình Giáo dục công dân 7 giúp cho học sinh hiểu rõ thế nào là sống tự lập và có kế hoạch, ý nghĩa của nó cũng như làm thế nào để đạt được yêu cầu này, góp phần đặc lực vào sự hình thành và phát triển năng lực tự chủ cho học sinh.

Bên cạnh giáo dục phẩm chất và kỹ năng sống cần thiết, học sinh tiếp tục được trang bị những hiểu biết về pháp luật (bài *Quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ tài sản*), về bản chất của Hiến pháp và pháp luật (bài *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*) để học sinh thấy ý nghĩa và sự cần thiết phải sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

2. TỔ CHỨC DẠY HỌC

2.1. Chuẩn bị bài học

Trước khi dạy, giáo viên cần đọc kỹ sách *Hướng dẫn học Giáo dục công dân 7* xem mục tiêu cần đạt là gì? Có những hoạt động nào giúp đạt được từng mục tiêu? Các hoạt động được triển khai như thế nào và kết quả hoạt động được kiểm tra đánh giá như thế nào?

Lưu ý các hoạt động đề xuất trong sách *Hướng dẫn học Giáo dục công dân 7* không phải là bất biến đối với quá trình dạy học trên lớp. Giáo viên có thể chọn lọc, điều chỉnh sao cho phù hợp với học sinh, với không gian của lớp học, với cơ sở vật chất... Giáo viên không nhất thiết tổ chức tất cả nội dung trình bày trong sách mà nên soạn lại cho phù hợp với đối tượng, nội dung có thể nhiều hoặc ít hơn so với tài liệu hướng dẫn học tập. Tuy nhiên, sự điều chỉnh không làm thay đổi bản chất là học sinh được hoạt động đa dạng, chủ động tích cực và đạt được các mục tiêu đặt ra.

Các hoạt động được viết trong sách *Hướng dẫn học Giáo dục công dân 7* khá đa dạng, có hoạt động thực hiện trên lớp, có hoạt động ngoài lớp, ở nhà tự học... nhưng giáo viên vẫn phải đánh giá và kiểm tra kết quả mọi hoạt động, kể cả tự học. Giáo viên cần chuẩn bị mọi yếu tố cho hoạt động trước khi giờ học diễn ra, từ việc soạn giáo án của mình, chuẩn bị phương tiện dạy học, không gian dạy học, cho đến mọi tài liệu, vật liệu cần thiết được sắp xếp trước ở góc học tập.

2.2. Hướng dẫn học sinh học tập

Hướng dẫn chung về phương pháp tổ chức các hoạt động học tập của học sinh, bao gồm : hoạt động cá nhân ; hoạt động theo cặp đôi ; hoạt động theo nhóm ; hoạt động chung cả lớp và hoạt động với cộng đồng.

Loại hình hoạt động được nêu trong sách *Hướng dẫn học Giáo dục công dân 7* rất đa dạng. Tuy nhiên, cần lưu ý là mỗi hoạt động đều phải diễn ra theo 4 bước :

– *Chuyển giao nhiệm vụ* (giáo viên giao trực tiếp hoặc đã được viết trong sách *Hướng dẫn học Giáo dục công dân 7*) : Giáo viên phải biết chắc chắn học sinh đã hiểu đúng nhiệm vụ trước khi thực hiện chúng.

– *Hoạt động tự chủ* : Học sinh hoạt động cá nhân, cặp, nhóm... để trả lời các câu hỏi mà sách *Hướng dẫn học Giáo dục công dân 7* hay giáo viên đặt ra, cũng như các nhiệm vụ được giao.

– *Báo cáo và thảo luận* : Học sinh cần báo cáo kết quả hoạt động cá nhân hoặc của nhóm cho giáo viên, hoặc báo cáo trước cả lớp.

– *Kết luận, nhận định* : Giáo viên nhận xét, đánh giá về kết quả hoạt động của học sinh, chính xác hoá kết quả học tập trên học sinh, sau đó chuyển tiếp sang hoạt động sau.

III – ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM

1. YÊU CẦU VỀ ĐÁNH GIÁ THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM

a) Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh ; coi trọng việc động viên, khuyến khích tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của các em ; đánh giá phải đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan và toàn diện.

b) Đánh giá những biểu hiện phẩm chất và năng lực của học sinh theo mục tiêu giáo dục, cụ thể : kết quả thu nhận kiến thức, kĩ năng và thái độ đã hình thành ; kết quả hoàn thành nhiệm vụ của học sinh ; các kĩ thuật đánh giá được áp dụng cần phù hợp với đặc điểm tổ chức lớp học, quá trình hoạt động dạy học, giáo dục trong mô hình Trường học mới.

c) Kết hợp đánh giá của giáo viên, các đoàn thể, tổ chức trong và ngoài nhà trường, cha mẹ học sinh, đánh giá đồng đẳng và tự đánh giá của học sinh. Sau đó, giáo viên tổng hợp các ý kiến, xem xét lại các ý kiến và đưa ra quyết định về học sinh.

d) Đánh giá sự tiến bộ của mỗi học sinh, không so sánh với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

2. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

a) Đánh giá hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình môn Giáo dục công dân ; đánh giá các năng lực cần hình thành từ đặc trưng của môn học Giáo dục công dân.

b) Đánh giá sự hình thành và phát triển năng lực chung của học sinh :

- Tự quản
- Giao tiếp, hợp tác
- Tự học và giải quyết vấn đề...

c) Đánh giá sự hình thành, phát triển các phẩm chất của học sinh :

- Yêu gia đình, quê hương, đất nước
- Nhân ái, khoan dung
- Trung thực, tự trọng, chí công vô tư
- Tự lập, tự tin, tự chủ và có tinh thần vượt khó
- Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, nhân loại và môi trường tự nhiên
- Tôn trọng, chấp hành kỉ luật, pháp luật và thực hiện nghĩa vụ đạo đức.

3. SỬ DỤNG MỘT SỐ HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ TRÊN LỚP TRONG QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM

3.1. Đánh giá thường xuyên

a) Đánh giá thường xuyên quá trình học tập, rèn luyện được thực hiện trên lớp học theo tiến trình các bài học, các hoạt động giáo dục ở nhà trường và trong cuộc sống hằng ngày của học sinh ở gia đình và ở cộng đồng.

b) Tham gia đánh giá thường xuyên đối với học sinh gồm : giáo viên ; học sinh (tự đánh giá và đánh giá bạn qua hoạt động của tổ, nhóm, hội đồng tự quản...); cha mẹ và những người có trách nhiệm trong cộng đồng (gọi chung là phụ huynh).

c) Cách đánh giá thường xuyên theo tiến trình bài học và hoạt động giáo dục :

– *Giáo viên đánh giá :*

Dựa trên đặc điểm và mục tiêu của bài học, của mỗi hoạt động mà học sinh phải thực hiện (Hoạt động khởi động, Hoạt động hình thành kiến thức, Hoạt động luyện tập, Hoạt động vận dụng, Hoạt động tìm tòi mở rộng), giáo viên thường xuyên quan sát, theo dõi cá nhân học sinh, nhóm học sinh trong quá trình học tập để có nhận định, động viên hoặc gợi ý, hỗ trợ kịp thời đối với từng việc làm, từng nhiệm vụ của mỗi cá nhân hoặc của cả nhóm ; nếu hoàn thành nhiệm vụ thứ nhất thì chuyển sang nhiệm vụ thứ hai cho đến khi hoàn thành bài học ; chấp nhận sự khác nhau (nếu có) về thời gian, tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ học tập của các học sinh trong lớp.

Những phẩm chất và năng lực của học sinh được hình thành và phát triển trong quá trình trải nghiệm, tham gia thường xuyên vào các hoạt động học tập, sinh hoạt tập thể hằng ngày. Giáo viên quan sát từng học sinh để kịp thời đưa ra những nhận định về một số biểu hiện của phẩm chất và năng lực của các em ; từ đó động viên, khích lệ, giúp học sinh khắc phục khó khăn, phát huy ưu điểm và các tố chất riêng, sửa chữa khuyết điểm để ngày càng tiến bộ.

Trong quá trình đánh giá thường xuyên, giáo viên ghi vào nhật kí đánh giá của mình những điều cần đặc biệt lưu ý, giúp ích cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân hoặc tập thể học sinh.

– *Học sinh đánh giá :*

+ Học sinh tự đánh giá : đối với mỗi nhiệm vụ, hoạt động cá nhân thì học sinh cố gắng tự thực hiện ; trong quá trình thực hiện hoặc sau khi thực hiện nhiệm vụ, học sinh tự đánh giá việc làm và kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình. Chia sẻ kết quả hoặc khó khăn không thể vượt qua của mình với bạn, nhóm bạn hoặc giáo viên để được bạn hoặc giáo viên giúp đỡ kịp thời ; báo cáo kết quả cuối cùng với giáo viên để được xác nhận hoàn thành hoặc được hướng dẫn thêm.

+ Học sinh đánh giá bạn (đánh giá đồng đẳng) : ngay trong quá trình tổ chức các hoạt động học tập, sinh hoạt tập thể, giáo viên hướng dẫn học sinh tham gia đánh giá bạn hoặc nhóm bạn. Ví dụ : giáo viên yêu cầu học sinh quan sát hoạt động để nhận xét bài làm, câu trả lời của bạn, nhóm bạn hoặc giúp bạn hoạt động hiệu quả hơn. Giáo viên có thể đưa ra lời nhận xét, góp ý đối với những nhận xét, đánh giá của học sinh với tinh thần tôn trọng ý kiến của các em.

Mỗi học sinh có nhật kí tự đánh giá, ghi lại những gì đã làm được, chưa làm được ; những mong muốn của bản thân trong quá trình học tập, sinh hoạt và rèn

luyện ; những điều muốn nói với các bạn, thầy cô giáo, cha mẹ và người thân. Nhật kí này là của riêng học sinh, có thể chia sẻ hoặc không chia sẻ với người khác.

– *Phụ huynh đánh giá :*

Phụ huynh được mời tham gia hoặc quan sát các hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường, sử dụng sách *Hướng dẫn học Giáo dục công dân 7*, đáp ứng các yêu cầu của học sinh trong quá trình học tập, nhất là những hoạt động học tập, sinh hoạt ở gia đình, ở cộng đồng và nên ghi nhận xét vào phiếu đánh giá. Thông qua đó động viên, giúp đỡ các em học tập, rèn luyện, phát triển kĩ năng sống, vận dụng kiến thức vào cuộc sống và tham gia các hoạt động xã hội, đời sống của công dân.

3.2. Đánh giá định kì kết quả học tập

Đánh giá định kì có thể thông qua nhiều hình thức khác nhau : đánh giá qua bài kiểm tra ; đánh giá qua kết quả hoạt động nhóm, hoạt động dự án, đánh giá qua bài thực hành, trình diễn...

Dù dưới hình thức nào, đề kiểm tra – đánh giá định kì gồm các câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ đánh giá được các mức độ :

– *Mức 1* : Học sinh nhận biết hoặc nhớ, nhắc lại đúng kiến thức đã học khi được yêu cầu ; diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình.

– *Mức 2* : Học sinh kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề mới, tương tự tình huống, vấn đề đã học.

– *Mức 3* : Học sinh vận dụng các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn hay đưa ra những phản hồi hợp lí trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

Kết quả kiểm tra định kì phản ánh mức độ đạt được kiến thức, kĩ năng và năng lực môn học của học sinh, được đánh giá thông qua hình thức cho điểm (thang điểm 10) kết hợp với sửa lỗi, nhận xét những ưu điểm, hạn chế và góp ý cho học sinh.

3.3. Đánh giá tổng hợp cuối học kì I, cuối năm học

Giáo viên sử dụng tổng hợp các đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì kết quả học tập các môn học để ghi Phiếu đánh giá tổng hợp cuối học kì I, cuối năm học về quá trình học tập, rèn luyện của từng học sinh, cụ thể :

– Mức độ hoàn thành các bài học trong chương trình theo chuẩn kiến thức, kĩ năng ; đã hoàn thành đến nội dung cụ thể của bài học nào ; năng khiếu, hứng thú về từng môn học, hoạt động giáo dục.

– Những biểu hiện, sự tiến bộ và mức độ đạt được của từng nhóm phẩm chất, năng lực ; ưu điểm, hạn chế, đặc điểm, năng khiếu và thành tích nổi bật của học sinh. Góp ý với học sinh, khuyến nghị với nhà trường, phụ huynh.

– Các thành tích được tuyên dương, khen thưởng.

Phiếu đánh giá tổng hợp cuối học kì I, cuối năm học là bản chứng nhận mức độ hoàn thành chương trình và xác định nhiệm vụ bắt đầu khi vào học kì II, vào năm học mới của từng học sinh. Đối với học sinh chưa hoàn thành, cần ghi rõ đã hoàn thành đến nội dung cụ thể của bài học nào để giáo viên có kế hoạch hướng dẫn tiếp theo.

Đánh giá tổng hợp có thể dựa vào Hồ sơ đánh giá

Mỗi học sinh có bộ hồ sơ đánh giá trong năm học, bao gồm :

– Nhật kí đánh giá của giáo viên ghi những lưu ý đặc biệt trong quá trình đánh giá thường xuyên về học sinh ;

– Các bài kiểm tra định kì đã được giáo viên đánh giá ;

– Phiếu đánh giá tổng hợp cuối học kì I, cuối năm học ;

– Phiếu đánh giá của phụ huynh ;

– Nhật kí tự đánh giá của học sinh (nếu có) ;

– Các sản phẩm hoặc các vật thay thế sản phẩm của hoạt động giáo dục, văn hoá, nghệ thuật,... (nếu có) ;

– Các loại giấy chứng nhận, giấy khen, thư cảm ơn, xác nhận thành tích... của học sinh trong năm học (nếu có).

Bộ hồ sơ là minh chứng của sự tiến bộ trong quá trình và kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, đồng thời là phương tiện liên lạc giữa học sinh với giáo viên, giữa nhà trường với gia đình học sinh.

**BẢNG PHÂN PHỐI SỐ TIẾT CÁC BÀI HỌC
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7**

STT	TÊN BÀI	SỐ TIẾT
1	Tự tin và tự trọng	3
2	Giản dị và khiêm tốn	3
3	Yêu thương con người	3
4	Sống tự lập	2
5	Sống có kế hoạch	2
6	Xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh	3
7	Xây dựng gia đình văn hoá	3
8	Quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ tài sản	3
9	Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	3

Phần thứ hai

**HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC
DẠY HỌC CÁC CHỦ ĐỀ**

NXB GD

Bài 1

TỰ TIN VÀ TỰ TRỌNG

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Nêu được ý nghĩa của tự tin và tự trọng đối với sự phát triển của mỗi cá nhân, xã hội và mối quan hệ giữa chúng.
- Chỉ ra được những hành vi thể hiện tự tin và tự trọng trong thực tiễn cuộc sống.
- Nêu được những cách rèn luyện để phát triển sự tự tin và tự trọng của cá nhân, đặc biệt là nhận thức đúng về bản thân.
- Biết cách thể hiện sự tự tin và tự trọng trong các tình huống của cuộc sống.

Qua chủ đề này, học sinh nhận diện được những biểu hiện của sự tự tin, những điều làm nên sự tự tin để từ đó biết cách rèn luyện sự tự tin. Tương tự như vậy, học sinh nhận diện những biểu hiện của sự tự trọng, mối liên hệ giữa sự tự tin, tự trọng và tự nhận thức. Để thực hiện được mục tiêu, các nội dung xoay quanh một số câu chuyện về tự tin và tự trọng, các hoạt động làm bộc lộ kinh nghiệm của học sinh trong nhận thức cũng như thể hiện tự tin và tự trọng.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Tìm hiểu ai là người tự tin

Mục đích : Học sinh nhận diện được về tự tin và cảm nhận được tại sao các bạn lại tự tin hoặc không tự tin.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Phát cho mỗi em 2 mảnh giấy với 2 màu khác nhau (ví dụ, màu hồng là tự tin, và màu trắng là không tự tin). Sau đó đề nghị học sinh viết 3 tên bạn mà học sinh cho là tự tin vào giấy màu hồng và 3 tên bạn chưa tự tin vào giấy màu trắng. Tên của bản thân được viết cuối cùng vào giấy màu hồng hoặc màu trắng. Đề nghị học sinh viết độc lập, không thảo luận.

– Sau khoảng 3 phút, thu lại các mảnh giấy, để riêng hai màu.

– Thống kê nhanh để xem mỗi bạn được nhìn nhận như thế nào về tự tin.

Sản phẩm cần đạt :

– Danh sách bình chọn được chia làm 3 nhóm :

+ Những người được các bạn nhắc tên là người tự tin (với số lượng bình chọn có thể không như nhau)

+ Những người được các bạn nhắc tên là người không tự tin (với số lượng bình chọn có thể không như nhau)

+ Những người không có tên trong cả hai danh sách trên. Nguyên nhân có thể là do những bạn này chưa thể hiện rõ ràng sự tự tin, hoặc lúc tự tin, lúc chưa tự tin nên bạn mình không nhắc đến tên.

– Mô tả và giải thích được hành vi tự tin hay chưa tự tin của những người bạn trong từng nhóm đó như là lí do để học sinh bình chọn.



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

I – TỰ TIN

1. Khám phá sự tự tin và những biểu hiện của tự tin

Mục đích : Học sinh nhận biết những biểu hiện của tự tin để từ đó có thể rèn luyện tự tin theo những dấu hiệu này.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Giáo viên có thể cho học sinh đọc cá nhân hoặc thảo luận nhóm về khái niệm *tự tin*, đặc biệt làm rõ về sự tự tin thái quá chính là không biết mình biết người, dẫn đến sai lệch trong suy nghĩ và hành động.

– Giáo viên trao đổi lại kết quả của hoạt động khởi động, hỏi học sinh xem căn cứ nào mà các em nhận xét bạn này tự tin, còn bạn kia thì không. Tương tự như vậy, với bản thân mình, vì sao ?

– Giáo viên có thể cho in một số thuật ngữ ra các mảnh giấy để học sinh phân loại ; sau đó cho học sinh bốc thăm và mô tả thuật ngữ bằng hành vi, các học sinh khác trả lời xem hành vi đó là tự tin hay không tự tin.

Những hành vi tự tin	Những hành vi không tự tin
<ul style="list-style-type: none">– Nói to, đõng dạc– Mắt nhìn thẳng vào người nói chuyện– Miệng luôn tươi cười với mọi người– Giơ tay thẳng khi muốn có ý kiến– Lắng nghe ý kiến của mọi người và có phản hồi	<ul style="list-style-type: none">– Mắt luôn nhìn xuống đất khi giao tiếp– Lảng tránh cái nhìn của mọi người– Nói lí nhí– Chân tay làm những động tác thừa khi tiếp xúc với ai đó

– Giáo viên cho học sinh luyện tập theo nhóm, cả lớp cách nói to, đõng dạc, biểu cảm với nụ cười, ánh mắt thân thiện... về ước mơ của mình. Khi nói, nên nhìn về phía người nghe, phía lớp ngồi...

2. Tìm hiểu ý nghĩa của tự tin

Mục đích : Học sinh cảm nhận sâu sắc hơn về giá trị của tự tin.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Giáo viên có thể tổ chức thảo luận nhóm, hoặc hình thức hỏi đáp. Học sinh có thể trả lời tự do, sáng tạo theo cách mà các em nghĩ. Sau đó giáo viên chốt lại.

– Nếu học sinh chưa thực sự hiểu điều này, giáo viên chuẩn bị các thẻ giấy với kết quả của tự tin mang lại (mỗi thẻ giấy ghi một thông tin, bao gồm cả những thông tin trái ngược). Học sinh sẽ phải lựa chọn những thông tin phù hợp.

– Giáo viên kết luận về ý nghĩa của tự tin.

Người thiếu tự tin thường rất hay căng thẳng, làm việc gì cũng phải ngó trước ngó sau, lo nghĩ nhiều, do dự lâu, thậm chí hay thay đổi. Vì vậy, bạn nên khắc phục tâm lí sợ hãi của mình bằng cách tăng cường sự tự tin cho bản thân.

Sản phẩm cần đạt : Nói được kết quả của sự tự tin mang lại cho cá nhân và quyết tâm rèn luyện.

3. Tìm hiểu làm thế nào để có được sự tự tin

Mục đích : Học sinh nhận biết được điểm mạnh, điểm tích cực của bản thân cũng như của người khác. Thông qua đó, học sinh dần hình thành sự tự tin nhờ thường xuyên củng cố những điểm mạnh.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Giáo viên cho học sinh làm việc độc lập, viết ra giấy những điểm mạnh của bản thân (chỉ điểm mạnh).

– Hoạt động nhóm : mỗi bạn nhận thêm những lời khen, lời nói tích cực từ những người bạn của mình.

– Giáo viên dặn học sinh thực hiện hoạt động 2 và 3 mọi lúc mọi nơi để mình có sự tự tin chắc chắn hơn.

Sản phẩm cần đạt :

– Nói được về những điểm mạnh của bản thân

– Biết khen, biết nhận ra điểm tích cực của người khác (kết quả là tất cả sẽ tự tin).

II – TỰ TRỌNG

1. Tìm hiểu về lòng tự trọng

Mục đích : Học sinh nhận diện bản chất và hành vi thể hiện lòng tự trọng.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Cho học sinh tự đọc đoạn văn và viết ra giấy hoặc gạch chân dưới những từ/ cụm từ nói về lòng tự trọng và biểu hiện của lòng tự trọng.

Gợi ý :

Lòng tự trọng là *sự tự nhận thức* giá trị của bản thân, coi trọng giá trị và phát huy giá trị ấy.

Lòng tự trọng là điều kiện quan trọng trong cuộc sống của mỗi người. Một khi biết tôn trọng bản thân, chúng ta sẽ vững tin hơn vào những việc mình làm. Một khi biết giữ gìn phẩm cách, danh dự của mình, chúng ta sẽ thân trọng và làm chủ bản thân khi đương đầu với thách thức, nhìn ra được hạn chế, thiếu sót của mình để kip thời sửa đổi, theo đó chúng ta sẽ dần dần hoàn thiện nhân cách của mình.

Sản phẩm cần đạt :

– Bản gạch chân các từ/ cụm từ hoặc bản viết các từ/ cụm từ

– Giải thích được ý nghĩa của lòng tự trọng.

2. Tìm hiểu những biểu hiện của lòng tự trọng

Mục đích : Học sinh nhận diện và giải thích được các biểu hiện của lòng tự trọng để có thể học tập và rèn luyện theo các dấu hiệu đó.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Giáo viên có thể chia lớp ra thành 5 hoặc 10 nhóm, mỗi nhóm phụ trách 1 hoặc 2 biểu hiện.

– Học sinh thảo luận và giải thích xem vì sao biểu hiện đó lại thể hiện sự tự trọng.

Biểu hiện của sự tự trọng	Giải thích	Đánh dấu
Tự tin về điểm mạnh và biết cả điểm yếu của bản thân		
Hoàn thành nhiệm vụ được giao		
Luôn đúng hẹn, đúng giờ		
Không đòi hỏi quá mức so với cống hiến của mình		
Không nhận những gì không thuộc về mình		
Chỉ làm những gì trong phạm vi năng lực của mình		
Luôn tự giác thực hiện mọi trách nhiệm		
Biết từ chối những gì mình không thể		
Biết tuân thủ và chấp hành các quy định		
Luôn phấn đấu hoàn thiện bản thân mình		

Sản phẩm cần đạt : Bảng tìm hiểu những biểu hiện về lòng tự trọng.

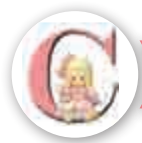
3. Tìm hiểu mối quan hệ giữa tự trọng, tự tin và tự nhận thức

Mục đích : Học sinh hiểu được mối quan hệ giữa tự tin, tự trọng và tự nhận thức để việc rèn luyện cần chú trọng đến mọi mặt và bắt đầu từ tự nhận thức.

Phương thức tổ chức hoạt động :

- Giáo viên cho học sinh đọc thông tin trong sách *Hướng dẫn học*.
- Yêu cầu học sinh giải thích cách hiểu của mình về mối quan hệ này, trong đó tự nhận thức đúng về bản thân và mong muốn hoàn thiện bản thân là yếu tố cơ bản tạo nên sự tự trọng và tự tin.

Sản phẩm cần đạt : Chỉ ra được điểm mạnh và chưa mạnh của bản thân, cơ sở tạo sự tự tin và tự trọng.



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Giới thiệu về bản thân

Mục đích : Học sinh có kỹ năng giới thiệu về bản thân, biết được những điểm mạnh và điểm cần hoàn thiện của bản thân, làm cho các bạn hiểu đúng hơn về mình.

Phương thức tổ chức hoạt động :

- Giáo viên cũng có thể chia lớp theo nhóm để nhiều em được giới thiệu về bản thân.
- Sau mỗi phần giới thiệu, các bạn trong nhóm/ lớp thể hiện thái độ đồng tình hoặc hỏi những điều cần làm rõ.
- Cho học sinh trả lời những vấn đề mà các bạn đặt ra với bản thân người trình bày.
- Học sinh nêu cảm xúc của mình khi được bạn hiểu đúng và làm cho bạn hiểu đúng về mình.

Sản phẩm cần đạt : Bản giới thiệu về bản thân, có bổ sung những ý kiến của bạn bè.

2. Kiểm tra sự tự tin của bản thân

Mục đích : Kiểm tra độ tự tin của học sinh, từ đó định hướng cho các em làm thế nào để có được sự tự tin.

Phương thức tổ chức hoạt động :

- Giáo viên để cho học sinh lựa chọn phương án và trả lời vì sao.
- Sau đó giáo viên tuyên bố ai chọn điểm nào sẽ được điểm đó.
- Giáo viên giải thích thêm :

Với bài kiểm tra này, thầy/ cô chỉ muốn thử thách sự tự tin của lớp mình. Ai trong số các em cũng mơ ước đạt được điểm 10 nhưng ít ai dám vượt qua thử thách để biến ước mơ ấy thành sự thật.

Điểm số mà mỗi chúng ta đạt được trong cuộc đời không phải được quyết định bởi chúng ta trả lời đúng hay sai bao nhiêu câu hỏi mà nó được quyết định bởi ta đã dám lựa chọn điểm số nào cho cuộc đời mình.

3. Thảo luận câu chuyện về một chú chim

Mục đích : Thông qua câu chuyện, học sinh nhìn nhận lại mối quan hệ giữa tự nhận thức, sự tự tin và sau đó biết cách rèn luyện sự tự tin.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Câu hỏi	Gợi ý trả lời
Chú chim tự đánh giá mình như thế nào và chú đã làm gì để nâng cao khả năng hát của mình ?	Thích hát thật hay nhưng không làm được. Giải pháp : nghe nhiều nhạc, thuê người hướng dẫn, học thêm 1 năm ở nhạc viện.
Chú chim cho rằng : "...công sức mình bỏ ra chẳng thu được kết quả gì". Theo em, chú chim suy nghĩ như vậy có hoàn toàn đúng không ? Nếu là em, em nghĩ như thế nào ?	Chú chim đã cố gắng học tập và rèn luyện nhưng hát vẫn không thể hay, tuy nhiên không thể nói là không được gì, ít nhất chú chim hát hay hơn bản thân mình lúc trước. Nếu là em, em nghĩ chỉ cần mình cố gắng, mình sẽ phát triển tốt hơn, nhưng để thành người tài năng thì còn phụ thuộc vào năng khiếu nữa.
"Chú quyết định cứ hát theo ý mình muốn, mặc kệ người ta khen hay chê. Đam mê là đủ". Em có hoàn toàn đồng ý với suy nghĩ này của chú chim không ? Tại sao ?	Em chỉ đồng ý một phần, đó là chú chim vẫn tự tin với những gì mình có, cho dù hát không hay nhưng chú được làm với đam mê của mình. Tuy nhiên vẫn nên lắng nghe và sàng lọc ý kiến của mọi người xung quanh, không nên lảng tránh.

Câu hỏi	Gợi ý trả lời
Sự tự tin của chú chim thể hiện ở chỗ nào trong câu chuyện này hoặc ở câu nói nào, suy nghĩ nào của nhân vật ?	“cứ hót theo ý mình muốn” “Đam mê là đủ”
Theo em, để có được sự tự tin theo đúng nghĩa, chúng ta cần suy nghĩ và hành động như thế nào ?	Hiểu đúng mình, thừa nhận điểm yếu của bản thân cũng là sự tự tin. Bên cạnh đó trau dồi và phát triển điểm mạnh.

4. Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

Mục đích : Học sinh nhận diện hình ảnh bên ngoài của sự tự tin, từ đó có thể học cách thể hiện.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Cho học sinh quan sát và phát hiện xem yếu tố nào tạo nên sự tự tin, tập trung vào :

- + Sức khỏe thể chất
- + Quần áo, đầu tóc gọn gàng, sạch sẽ
- + Dáng đi đứng, gương mặt...

– Cho học sinh tập thể hiện (có thể theo cá nhân hoặc nhóm).

Lưu ý : Với hoạt động này, giáo viên chú ý đến vẻ ngoài của sự tự tin. Sau đó cho các em thử “bắt chước” giống như hình ảnh trong tranh để rèn luyện vẻ bên ngoài. Tuy nhiên, việc rèn luyện để có phẩm chất đạo đức tốt và năng lực nào đó mới là nguồn gốc tạo nên sự tự tin.

Sản phẩm cần đạt : Học sinh thể hiện được dáng vẻ bên ngoài của sự tự tin.

5. Tìm hiểu tấm gương về lòng tự trọng

Mục đích : Học sinh hiểu được bất cứ ai cũng có lòng tự trọng và cần được tôn trọng.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Tổ chức, hướng dẫn học sinh trả lời các câu hỏi :

– Gợi ý trả lời câu 1 : Em sẽ lượm 2 vỏ chai đó về bán nếu như hai anh đó không ném ra đường như là bố thí cho em vỏ chai vậy. Nghèo nhưng mà em cũng có lòng tự trọng chứ anh !

Giọng nói của nó thật dễ nghe và tôi đã hiểu rõ vấn đề. Tôi liền nói với cậu bé là đưa vé số cho tôi mua ủng hộ 2 tờ, cậu bé hỏi :

– Tại sao lúc nãy em mời anh không mua mà bây giờ anh lại mua ?

Cái miệng của tôi buông câu trả lời mà không hề cân nhắc :

– Anh thấy em tội nghiệp nên anh mua ủng hộ.

Nó đứng dậy trả lời ngay :

– Em không bán cho anh đâu, em không cần anh thương hại.

– Gợi ý trả lời câu 2 : Dù đói nghèo... mỗi cá nhân luôn cần giữ gìn lòng tự trọng, sống bằng chính lao động của mình và có thái độ chuẩn mực thì không ai có thể coi thường mình.

– Gợi ý trả lời câu 3 : Nhân vật “tôi” không đủ lòng tự trọng khi đối diện với cậu bé vì nhân vật này cũng đã vô tình làm tổn thương, coi thường cậu bé.

Bài học cho nhân vật “tôi” : đã rút ra bài học quý giá về cách cư xử giữa con người với nhau, về lòng tự trọng cho dù đó là người lớn hay trẻ con, dù bạn là ai, giàu hay nghèo...

Sản phẩm cần đạt : Bản trả lời 3 câu hỏi.

6. Xây dựng kịch bản và đóng vai về lòng tự trọng

Mục đích : Học sinh được trải nghiệm với cảm xúc về lòng tự trọng và rèn luyện ngôn ngữ biểu cảm...

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Chia lớp ra làm các nhóm và tổ chức xây dựng kịch bản, có thể phát triển thêm nội dung hoặc nhân vật.

– Từng nhóm tập diễn, giáo viên hỗ trợ và góp ý.

– Các nhóm trình bày vở diễn, giáo viên và lớp nhận xét.

Sản phẩm cần đạt : Kịch bản, đóng vai, nhận xét vở kịch.

Lưu ý : Xây dựng kịch bản cần tập trung vào nhân vật cậu bé, tập diễn xuất để thể hiện rõ lòng tự trọng.

7. Lựa chọn những hành vi thể hiện lòng tự trọng

Mục đích : Nhận diện tinh tế hơn những biểu hiện của lòng tự trọng.

Phương thức tổ chức hoạt động :

- Đọc và phân tích từng câu diễn đạt các hành vi.
- Cho học sinh lập bảng, đánh dấu để phân biệt hành vi tự trọng hoặc không tự trọng.

Sản phẩm cần đạt : Bảng phân loại hành vi

Biểu hiện hành vi	Tự trọng	Không tự trọng
Tự cao, tự đại		+
Khiêm tốn, nhã nhặn	+	
Trung thực	+	
Tuân thủ pháp luật, quy định	+	
Nói đi đôi với làm	+	
Xem thường ý kiến của người khác		+
Nhặt được của rơi đem trả lại người mất	+	
Luôn trông chờ vào sự hỗ trợ, giúp đỡ của người khác		+
Tự lực làm bài thi	+	
Nhờ bạn “giúp đỡ” trong giờ kiểm tra		+
Biết nhận lỗi khi phạm sai lầm và quyết tâm sửa lỗi	+	
Xin từ chức vì không hoàn thành nhiệm vụ	+	
Nói chuyện riêng trong giờ học		+



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Mục đích : Thông qua các hoạt động vận dụng này, học sinh tiếp tục được rèn luyện, hình thành năng lực và phẩm chất cho bản thân, cốt lõi của sự tự tin

và lòng tự trọng. Bên cạnh đó, học sinh biết ứng xử một cách tự trọng và tự tin trong cuộc sống.

Phương thức tổ chức hoạt động :

- Giáo viên có thể hướng dẫn cho học sinh thực hiện các hoạt động này ở nhà, ngoài giờ lên lớp.
- Nhắc nhở học sinh luôn ý thức rèn luyện ở mọi nơi mọi lúc.
- Tăng cường chia sẻ với các bạn để hiểu đúng về nhau.
- Học sinh xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân.

Sản phẩm cần đạt :

- Phần giới thiệu về bản thân về điểm mạnh và yếu
- Cách chia sẻ với bạn để bạn hiểu mình hơn
- Bản kế hoạch hoàn thiện bản thân.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÀI MỞ RỘNG

Mục đích : Thông qua các hoạt động tìm tài, học sinh mở rộng khả năng tư duy và hành động về lòng tự trọng cũng như thể hiện sự tự tin.

Phương thức tổ chức hoạt động :

- Động viên các em viết những điều mình tự hào về bản thân và những hành vi đẹp của mọi người xung quanh.
- Động viên học sinh suy nghĩ và phân tích một số câu ca dao, tục ngữ hay những câu chuyện cảm động về lòng tự trọng cũng như sự tự tin.

Sản phẩm cần đạt :

- Phần trình bày hoặc phân viết về suy nghĩ của bản thân đối với câu chuyện, hay về những câu ca dao, tục ngữ.
- Thể hiện sự quyết tâm rèn luyện của bản thân.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

Để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập chủ đề này của học sinh, giáo viên có thể dựa trên :

– Đánh giá qua quan sát sự tham gia hoạt động nhóm/ hoạt động cặp đôi, thuyết trình... của học sinh thể hiện sự tự tin.

– Giáo viên có thể xây dựng các bài kiểm tra trắc nghiệm ngắn/ tình huống để kiểm tra mức độ thu nhận kiến thức của học sinh và các kĩ năng học được theo yêu cầu của chương trình.

– Nghiên cứu sản phẩm học tập của học sinh (bài viết/ bài tập xử lí tình huống/ bài tập đóng vai...) về tự trọng.

– Giáo viên cũng có thể tổ chức cho học sinh tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau dưới những hình thức nhẹ nhàng, ví dụ như : dùng Phiếu bài tập KWL hoặc tự đánh giá mức độ đạt được của bản thân về kiến thức và kĩ năng sau khi học xong chủ đề này...

– Giáo viên có thể xây dựng ma trận để theo dõi và đánh giá theo chỉ số hành vi ở các mức :

A : Tốt

B : Khá

C : Đạt

D : Chưa đạt

Ví dụ, đánh giá sự tự tin với các tiêu chí :

1. Nói to, đồng dục
2. Mắt nhìn thẳng vào người nói chuyện
3. Miệng luôn tươi cười với mọi người
4. Giơ tay thẳng khi muốn có ý kiến
5. Lắng nghe ý kiến của mọi người và có phản hồi

Họ và tên \ Tiêu chí	1	2	3	4	5
Lê Thanh H	B	A	D	A	C
Lưu Phương C	A	C	A	C	B
Đinh Linh T					
Nguyễn Lan D					

Bài 2

GIẢN DỊ VÀ KHIÊM TỐN

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Nêu được ý nghĩa của sự giản dị và khiêm tốn đối với sự phát triển của mỗi cá nhân và mối quan hệ giữa chúng.
- Chỉ ra được những hành vi thể hiện sự giản dị và sự khiêm tốn qua các câu chuyện và trong thực tiễn cuộc sống.
- Nêu được những cách rèn luyện để biết sống giản dị và khiêm tốn.
- Biết cách thể hiện sự giản dị và khiêm tốn trong các tình huống khác nhau của cuộc sống.

Các hoạt động được thiết kế dựa trên trò chơi, những bài hát, tấm gương của những người nổi tiếng, những câu chuyện thật và cả câu chuyện ngụ ngôn hay thông qua hình thức thảo luận nhóm trên những tình huống cụ thể của cuộc sống... từ đó giúp học sinh phát hiện, tự nhận thức, tự rút ra những dấu hiệu và bài học của giản dị và khiêm tốn. Bên cạnh đó, chỉ ra cho học sinh cách thức và con đường rèn luyện để có được sự khiêm tốn, đồng thời luôn biết làm mọi điều trở nên giản dị, dễ hiểu cũng như có cách sống giản dị, không khoa trương. Với các hoạt động liên quan đến đánh giá bản thân xem mình có những biểu hiện của người sống giản dị và khiêm tốn không, học sinh càng cảm nhận sâu sắc hơn về lối sống này và biết làm thế nào cho phù hợp hơn.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hát tập thể

Mục đích : Tạo không khí tích cực cho lớp học và cảm nhận về sự giản dị thông qua ca từ.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Bắt nhịp cho học sinh hát. Nếu học sinh không biết thì cô giáo có thể hát cho học sinh nghe. Nếu cô giáo cũng không biết thì có thể đọc lời bài hát.

– Giao nhiệm vụ cho học sinh tìm những cụm từ chỉ sự giản dị của Bác trong lời bài hát (bài thơ).

Sản phẩm cần đạt :

– Chỉ ra được : Bác đi đôi dép cao su ở mọi nơi mà Bác đến : *đi khắp phố phường, trận địa, nhà máy, đồng quê đều in dấu dép.*

– Hiểu được : Giản dị mà vẫn cao đẹp, vậy điều quan trọng là rèn luyện phẩm chất đạo đức tốt đẹp chứ không phải chỉ chăm lo vẻ bề ngoài.



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về tấm gương sống giản dị và khiêm tốn của Bác Hồ

Mục đích : Qua tấm gương của Bác, khái quát thành những biểu hiện của sự giản dị.

Phương thức tổ chức hoạt động : Giáo viên cho học sinh đọc bài viết và trả lời các câu hỏi.

Gợi ý câu trả lời : Học sinh chỉ ra được :

Sự giản dị của Bác được thể hiện trong :

- Cách mặc trang phục
- Cách sống, cách sinh hoạt
- Trang thiết bị cho nơi ở và làm việc
- Trong lời ăn tiếng nói.

Những từ/ cụm từ/ câu chỉ sự giản dị và khiêm tốn :

Với bao thế hệ người Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn gần gũi thân thương, đáng kính “Người là Cha, là Bác, là Anh” và vô cùng khiêm tốn, giản dị. Mặc dù là Chủ tịch nước, là nguyên thủ của một quốc gia nhưng Bác Hồ lại có cuộc sống hết sức giản dị. Nơi làm việc cũng là nơi ở của Người chỉ là một ngôi nhà sàn đơn sơ với các đồ đạc đủ dùng ở mức tối thiểu và cần thiết nhất.

Hằng ngày, Người thường dùng bữa với vài ba món ăn dân dã, đơn giản. Trang phục Người thường mặc nhất là bô bà ba nâu, bô ka ki vàng và đôi dép cao su... Sự giản dị của Người còn thể hiện ở trong tùng lời nói luôn luôn ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ. Mỗi khi gặp gỡ đồng bào, Bác đều coi như những người ruột thịt nên câu chuyện thân tình, không có khoảng cách trên dưới, bởi thế những điều Người nói như những lời gọi mở, khuyên nhủ thật dễ nhớ để làm theo.

Sự khiêm tốn cũng là một đức tính nổi bật của Bác Hồ. Là lãnh tụ nhưng Người khiêm tốn với tất cả mọi người, từ già đến trẻ. Đối với những người giúp việc thường xuyên bên mình, Bác thường gọi hết sức thân mật và trân trọng là cô, chú như những người trong gia đình. Đối với các vị nhân sĩ, trí thức khi tiếp chuyện, Bác luôn thừa gửi rất lễ độ và đúng mực.

2. Thảo luận

Mục đích : Học sinh hiểu sâu sắc hơn về mối liên hệ giữa giản dị và khiêm tốn.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Tổ chức học sinh thảo luận theo nhóm, có thể lấy những ví dụ từ cuộc sống xung quanh để minh họa.

– Giáo viên chốt lại một số điểm cơ bản theo gợi ý sau.

Gợi ý câu trả lời :

– Người khiêm tốn là người luôn cởi mở, chân tình với mọi người, luôn tôn trọng mọi người và thấy ở mọi người đều có cái để mình học hỏi, noi theo.

– Người giản dị là người luôn có cách sống và sinh hoạt phù hợp với điều kiện bản thân cũng như hoàn cảnh sống và giao tiếp xung quanh, họ thường không sống xa hoa lãng phí và luôn biết tiết kiệm.

– Người khiêm tốn thường có cách sống giản dị và vì sự giản dị nên họ thường có sự khiêm nhường trong cuộc sống.

– Thể hiện sự khiêm tốn hay giản dị trong một vài hoàn cảnh nào đó không phải là khó, nhưng làm sao tạo dựng lối sống khiêm tốn và giản dị cũng đòi hỏi ý chí và nghị lực vượt qua sự cám dỗ...

Sản phẩm cần đạt :

– Học sinh lập luận được khi đưa ra những quan điểm của cá nhân về giản dị và khiêm tốn.

– Nói được những cách mà mình có thể thực hiện để thể hiện giản dị và khiêm tốn.

3. Khám phá sự giản dị ở bản thân

Mục đích : Học sinh nhận diện bản thân trong các tình huống khác nhau tốt hơn.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Trong các câu mô tả về sự giản dị, yêu cầu học sinh lựa chọn những câu phù hợp với mình nhất. Sau đó, mô tả một số hành vi của bản thân thể hiện sự giản dị ấy.

– Nếu học sinh gặp khó khăn, giáo viên gợi ý một số tình huống mà sự giản dị thể hiện trong từng hoàn cảnh ấy. Sau đó học sinh mô tả mình đã thể hiện sự giản dị như thế nào trong các hoàn cảnh.

Sản phẩm cần đạt : Khắc hoạ được hành vi giản dị của bản thân.

4. Phân tích ý nghĩa của sự giản dị

Mục đích : Học sinh hiểu rõ hơn ý nghĩa của sự giản dị trong cuộc sống, từ đó thực hiện cách sống giản dị.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Tổ chức học sinh thảo luận theo nhóm, có thể lấy những ví dụ từ cuộc sống để minh hoạ.

– Giáo viên chốt lại với một số lí do theo gợi ý sau :

Gợi ý trả lời :

Hãy trả lời câu hỏi : Tại sao sự giản dị lại giúp chúng ta có được những điều dưới đây ?

Câu nói	Giải thích
Sự giản dị giúp cá nhân dễ hoà nhập, hoà đồng với cộng đồng, với xã hội.	Vì xã hội bao gồm những con người rất khác nhau, sự giản dị phù hợp với số đông.
Sự giản dị giúp cá nhân không phức tạp hoá vấn đề, vì thế cuộc sống của họ trở nên thanh thản hơn.	Cuộc sống phức tạp hay không là do cách nghĩ của chúng ta. Nếu chúng ta nghĩ đơn giản, cuộc sống sẽ đơn giản.

Câu nói	Giải thích
Sự giản dị giúp cá nhân được yêu mến, quý trọng.	Vì bạn đến được với nhiều người bằng sự giản dị, nên bạn được nhiều người yêu mến.
Sự giản dị giúp cá nhân tiết kiệm thời gian, của cải và vì thế có thể đầu tư nhiều hơn cho công việc, cho những việc hữu ích.	Cũng vì giản dị, nên chúng ta không mất nhiều thời gian cho sự cầu kì, cho suy nghĩ vòng vo... giúp chúng ta làm được nhiều việc hơn.

Sản phẩm cần đạt : kĩ năng lập luận, phân tích.

5. Khám phá sự khiêm tốn ở bản thân

Mục đích : Học sinh nhìn nhận rõ hơn những biểu hiện của bản thân về khiêm tốn, từ đó có cách thể hiện đúng đắn hơn.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Trong các câu mô tả về sự khiêm tốn, yêu cầu học sinh lựa chọn những câu phù hợp với mình nhất. Sau đó, mô tả một số hành vi của bản thân thể hiện sự khiêm tốn ấy.

Nếu học sinh khó khăn, giáo viên gợi ý một số tình huống thể hiện sự khiêm tốn. Sau đó, học sinh mô tả mình đã thể hiện sự khiêm tốn như thế nào trong các hoàn cảnh.

Trong hoạt động này, giáo viên khắc họa sâu hơn cho các em thấy khiêm tốn quá hoá tự ti ; tự tin quá hoá không khiêm tốn... Vậy thế nào là đủ để được gọi là khiêm tốn. Điều này liên quan nhiều đến thái độ thể hiện, đặc biệt tinh thần học hỏi và biết mình là ai trong từng hoàn cảnh.

Sản phẩm cần đạt : Khắc họa được hành vi khiêm tốn của bản thân.

6. Phân tích ý nghĩa của sự khiêm tốn

Mục đích : Học sinh hiểu rõ hơn ý nghĩa của sự khiêm tốn trong cuộc sống, từ đó rèn luyện lối sống khiêm tốn.

Phương thức tổ chức hoạt động :

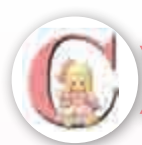
– Tổ chức học sinh thảo luận theo nhóm, có thể lấy những ví dụ từ cuộc sống để minh họa.

– Giáo viên chốt lại với một số lí do theo gợi ý sau.

Gợi ý trả lời :

Câu nói	Giải thích
Sự khiêm tốn giúp người ta gặp thuận lợi trong cuộc sống.	Bởi vì sự khiêm tốn giúp con người học hỏi nên tiến bộ.
Sự khiêm tốn giúp người ta coi thành công như sự động viên mà không trở nên chủ quan.	Sự khiêm tốn làm chúng ta không dễ thoả mãn với thành công.
Sự khiêm tốn giúp tăng cường khả năng học hỏi.	Vì khiêm tốn nên những người này luôn nhìn thấy mặt tích cực ở người khác để học tập.
Sự khiêm tốn làm người ta dễ tìm thấy cái tốt đẹp ở người khác để noi theo và dễ chấp nhận người khác.	Sự khiêm tốn giúp chúng ta thấy mình luôn còn có những điểm yếu cần cố gắng, vì thế dễ chấp nhận và học hỏi từ người khác hơn.
Sự khiêm tốn giúp cá nhân trở nên được yêu mến và được tôn trọng.	Sự khiêm tốn giúp chúng ta luôn biết ghi nhận người khác, vì thế được tôn trọng và yêu thương.

Sản phẩm cần đạt : kĩ năng lập luận, phân tích.



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Trò chơi : Nhận lời khen

Mục đích : Học sinh được rèn luyện cách ứng xử trước những lời khen dành cho mình để thể hiện sự khiêm nhường.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Cách 1 : Lớp đứng thành vòng tròn hoặc ngồi tại chỗ. Một bạn được mời lên và nói những câu khen dành cho bạn. Người được nhận lời khen sẽ phản ứng lại trước những câu khen đó. Cả lớp quan sát hành vi trả lời của người được khen và đưa ra những cảm nhận của mình về thái độ của bạn trước những lời khen.

– Cách 2 : Giáo viên có thể cho học sinh đứng thành hai hàng đối mặt nhau theo cặp. Sau mỗi cặp trải nghiệm với việc nhận lời khen và đáp lại, học sinh đổi chỗ để trải nghiệm với người bạn mới.

– Số lần trải nghiệm nhiều hay ít, tùy theo thời gian mà giáo viên dành cho hoạt động.

– Giáo viên nên tổ chức sao cho tối đa số học sinh có thể thực hành và được các bạn đánh giá. Hãy nói nhiều cách khen khác nhau để học sinh tập phản ứng.

Ví dụ :

Lời khen	Cách trả lời trước những lời khen
Bạn thật xinh (đẹp trai) !	Thế à, cảm ơn bạn, chỉ vì vừa mất bạn đó thôi mà !
Bạn giỏi và tài thế !	Bạn thử đi, bạn cũng sẽ làm được ấy mà !
Bạn thật tốt với tôi.	Có gì đâu, mình làm được một chút thôi mà !

Sản phẩm cần đạt : Học sinh biết phản ứng khiêm nhường trước những lời khen dành cho mình.

2. Đọc truyện *Rùa và Thỏ* và trả lời các câu hỏi

Mục đích : Từ câu chuyện này, giáo viên nên liên hệ với thực tế và phát triển tiếp câu chuyện để các em tư duy vấn đề một cách sáng tạo.

Phương thức tổ chức hoạt động :

- Cho học sinh đọc câu chuyện, có thể đọc theo vai cùng người dẫn truyện.
- Yêu cầu học sinh chỉ ra điểm yếu và điểm mạnh của Rùa và Thỏ liên quan đến khiêm tốn hay tự cao tự đại.

Gợi ý đáp án :

Câu hỏi	Trả lời
Hãy phân tích điểm mạnh và điểm yếu của Thỏ và Rùa.	Điểm mạnh của Thỏ : nhanh nhẹn, thông minh Điểm yếu của Thỏ : chủ quan, tự cao, thiếu kế hoạch... Điểm mạnh của Rùa : chăm chỉ, cần cù, ý chí vươn lên Điểm yếu của Rùa : chậm chạp

Câu hỏi	Trả lời
Vì sao Thỏ lại thua Rùa ?	Vì chủ quan, xem thường Rùa, tính toán thời gian cho quãng đường cần đi chưa chuẩn xác...
Hành vi không khiêm tốn của Thỏ được thể hiện ở những từ/ cụm từ nào. Hãy viết ra hoặc gạch chân dưới những từ/ cụm từ đó.	<p>Ồ chậm như sên. Cậu mà cũng đòi tập chạy à ?</p> <p>Cậu dám chạy thi với tớ sao ? Tớ chấp cậu một nửa đường đó.</p> <p>Ta chưa cần chạy vội, đợi Rùa gần tới đích ta phóng cũng vừa.</p>
Nếu em là Thỏ, em sẽ thay đổi điều gì để có thể thành công ?	Không được chủ quan, tự cao tự đại, không nên coi thường người khác và phải biết lượng sức để lập kế hoạch thời gian chuẩn xác.

Sản phẩm cần đạt : khả năng phát triển vấn đề, tư duy đa chiều ở học sinh.

3. Minh họa cách thể hiện sự giản dị

Mục đích : Hoạt động này giúp học sinh biết cách học qua kinh nghiệm, học qua trải nghiệm và gắn những điều học trên lớp với cuộc sống xung quanh mình.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Giáo viên có thể chia lớp theo 4 nhóm với 4 liên hệ khác nhau :

- Giản dị trong Lối sống sinh hoạt
- Giản dị trong Cách đối nhân xử thế, cách giao tiếp
- Giản dị trong Lời nói
- Giản dị trong Suy nghĩ.

Sản phẩm cần đạt : Mô tả được những biểu hiện đa dạng của sự giản dị.

4. Thảo luận

Mục đích : Phát triển suy nghĩ cá nhân và khả năng lập luận, qua đó hiểu hơn ý thức và thái độ của các em về giản dị và khiêm tốn.

Phương thức tổ chức hoạt động : Giáo viên có thể tổ chức hoạt động nhóm hoặc cá nhân để học sinh thể hiện quan điểm và lập luận của mình.

Sản phẩm cần đạt : cách tư duy phản biện, tư duy đa chiều.

5. Đóng vai theo tình huống

Mục đích : Học sinh biết đặt mình vào vị trí người khác, từ đó hiểu rõ hơn những nhu cầu chưa hợp lí của bản thân.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Giáo viên có thể giao bài tập này trước cho các nhóm để học sinh tập dượt ở nhà.

– Trên lớp, giáo viên cho lớp thảo luận trả lời các câu hỏi trước khi đóng vai.

Sản phẩm cần đạt : Nhận diện tốt hơn những nhu cầu chưa hợp lí có thể đến với mình.

6. Dự án tuyên truyền

Mục đích : Hình thành kĩ năng chia sẻ với mọi người cùng xây dựng lối sống giản dị và khiêm tốn.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Giáo viên chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm chịu trách nhiệm một nội dung (giáo viên có thể chia nhóm từ buổi học trước để học sinh chia sẻ thêm với người thân ở nhà về các câu danh ngôn) và thảo luận, chia sẻ với nhau.

– Giáo viên tách mỗi nhóm ra làm 3 và tạo thành 3 nhóm mới (gồm 1/3 số người của mỗi nhóm). Đại diện từng nhóm chia sẻ nội dung câu danh ngôn của nhóm mình với các bạn.

Sản phẩm cần đạt : các bài tuyên truyền về lối sống giản dị và khiêm tốn dựa trên các câu danh ngôn.



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Mục đích :

– Học sinh cần biết suy ngẫm về những câu nói, những câu châm ngôn để cảm nhận về kinh nghiệm sống được kết tinh.

– Biết xây dựng kế hoạch hàng ngày để thể hiện lối sống và vận động tuyên truyền về khiêm tốn và giản dị. Học sinh cảm nhận hạnh phúc với lối sống khiêm tốn và giản dị.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Giúp học sinh nhận ra những tấm gương xung quanh và chia sẻ với mọi người cũng là trách nhiệm cần giáo dục cho mỗi học sinh.

– Giáo viên có thể gợi ý cho các em hỏi bố mẹ về xây dựng kế hoạch chi tiêu trong gia đình, sau đó chia sẻ với bố mẹ nên có kế hoạch như thế nào để phù hợp hơn và em giúp được gì trong kế hoạch đó.

– Yêu cầu học sinh quan sát diễn biến cảm xúc của bản thân, trong đó biết phân tích và liên kết với nguyên nhân dẫn đến cảm xúc đó, từ đó biết cách làm cho mình hạnh phúc hơn với lối sống giản dị.

Sản phẩm cần đạt : Thể hiện được các hành vi khiêm tốn và giản dị trong cuộc sống.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÀI MỞ RỘNG

Mục đích : Học sinh nhận thấy rằng càng khiêm tốn, giản dị thì càng được đánh giá cao.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Yêu cầu học sinh thực hiện các nhiệm vụ trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*.

– Giáo viên nên sử dụng sản phẩm của các em vào những hoạt động tiếp theo thì bài tập này mới có ý nghĩa.

Sản phẩm cần đạt : Học sinh có những hành vi giản dị và khiêm tốn.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

Để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập chủ đề này của học sinh, giáo viên có thể dựa trên :

– Đánh giá qua quan sát sự tham gia hoạt động nhóm/ hoạt động cặp đôi, thuyết trình... của học sinh thể hiện sự khiêm tốn và giản dị.

– Giáo viên có thể xây dựng các bài kiểm tra trắc nghiệm ngắn/ tình huống để kiểm tra mức độ thu nhận kiến thức của học sinh và các kĩ năng học được theo yêu cầu của chương trình.

– Nghiên cứu sản phẩm học tập của học sinh (bài viết/ bài tập xử lí tình huống/ bài tập đóng vai/...) về khiêm tốn và giản dị.

– Giáo viên cũng có thể tổ chức cho học sinh tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau dưới những hình thức nhẹ nhàng, ví dụ như : dùng Phiếu bài tập KWL hoặc tự đánh giá mức độ đạt được của bản thân về kiến thức và kĩ năng sau khi học xong chủ đề này...

– Giáo viên có thể xây dựng ma trận để theo dõi và đánh giá theo chỉ số hành vi ở các mức :

A : Tốt

B : Khá

C : Đạt

D : Chưa đạt

Ví dụ đánh giá sự giản dị, khiêm tốn với các tiêu chí :

1. Cách ăn mặc
2. Cách sống, cách sinh hoạt
3. Cách giao tiếp – ứng xử
4.
5.

Họ và tên \ Tiêu chí	1	2	3	4	5
Lê Thanh H	B	A	D	A	C
Lưu Phương C	A	C	A	C	B
Đinh Linh T					
Nguyễn Lan D					

Bài 3

YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Trình bày được các biểu hiện của tình yêu thương con người và giá trị của tình yêu thương con người.
- Thực hiện được các hành vi, việc làm thể hiện tình yêu thương con người trong cuộc sống hằng ngày ở gia đình, nhà trường và cộng đồng.
- Có thái độ tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt, đa dạng giữa các cá nhân, cộng đồng, dân tộc, quốc gia.

Quan trọng nhất là sau bài này, học sinh cảm nhận sâu sắc về tình yêu thương con người, từ đó có nhu cầu yêu thương và biết chấp nhận sự khác biệt.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH

Hoạt động học trong bài “Yêu thương con người” được thực hiện thông qua :

- Các hình thức học cá nhân, học theo nhóm và cả lớp ;
- Các phương pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau như : thảo luận, luyện tập, học theo dự án, phòng tranh.

Các hoạt động học này nhằm giúp học sinh tìm hiểu về những biểu hiện của tình yêu thương con người, giá trị của phẩm chất này và giúp các em thực hành, rèn luyện cách giao tiếp, ứng xử thể hiện tình yêu thương với những người thân trong gia đình, thầy cô giáo, bạn bè và mọi người xung quanh.



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Mục đích : Học sinh cảm nhận được tình yêu thương thông qua hình tượng về thuyền và biển trong ý thơ và giai điệu ; học sinh hứng khởi hơn với bài học.

Phương thức tổ chức hoạt động :

1. Tìm hiểu bài hát

Học sinh cả lớp nghe đĩa CD hoặc nghe cô giáo, học sinh trong lớp hát một bài về tình yêu thương con người.

Thảo luận :

- Em có cảm xúc như thế nào khi nghe bài hát trên ?
- Nội dung bài hát thể hiện điều gì ?

2. Quan sát hình ảnh và thảo luận

Học sinh quan sát những hình ảnh trong sách *Hướng dẫn học* và thảo luận :

- Nội dung mỗi bức ảnh thể hiện điều gì ?
- Hãy đặt tên và đưa ra lời bình cho mỗi bức ảnh đó.

Các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận.

Cả lớp cùng bình chọn tên/ lời bình hay nhất cho mỗi bức ảnh.

Sản phẩm cần đạt :

- Suy nghĩ, cảm xúc của học sinh về các bài hát, các bức ảnh.
- Đặt tên cho các hình ảnh phù hợp với nội dung.

Ví dụ : (Giáo viên để học sinh đưa ra nhiều phương án khác nhau)

Ảnh 1 : Giúp nhau học tập

Ảnh 2 : Chia sẻ niềm vui, dí dỏm

Ảnh 3 : Lá lành đùm lá rách

Ảnh 4 : Vòng tay yêu thương

Ảnh 5 : Đồng đội

Ảnh 6 : Giúp bạn đi học

Lưu ý :

– Để thực hiện được hoạt động khởi động (1) như trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*, giáo viên cần cùng học sinh chuẩn bị : Đĩa CD một số bài hát về tình yêu thương, đài đĩa, hoặc phân công một số học sinh chuẩn bị để hát các bài hát này trước lớp.

– Học sinh có thể nêu suy nghĩ, cảm xúc riêng khi nghe/ hát các bài hát. Các em cũng có thể đặt những tên gọi, viết lời bình khác nhau cho mỗi bức ảnh, theo cảm nhận riêng của mỗi người. Vì vậy giáo viên không nên áp đặt.

– Ngoài hai hình thức khởi động trên, giáo viên có thể tổ chức cho học sinh khởi động dưới những hình thức khác như : xem video, tiểu phẩm có nội dung nói về tình yêu thương con người và thảo luận.



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Trải nghiệm

Mục đích : Tìm hiểu kiến thức, kinh nghiệm đã có của học sinh về tình yêu thương con người, đặc biệt về cảm xúc mà học sinh đã trải qua.

Phương thức tổ chức hoạt động :

1) Giáo viên tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân để nhớ lại những lời nói, hành động, cử chỉ yêu thương mà mình đã nhận được từ ai đó.

2) Học sinh chia sẻ theo cặp hoặc nhóm.

3) Giáo viên mời một vài học sinh chia sẻ trước lớp.

Sản phẩm cần đạt :

Chia sẻ của học sinh về những trải nghiệm của các em trong quá khứ về tình yêu thương con người.

2. Các biểu hiện của tình yêu thương con người

Mục đích : Học sinh trình bày được các biểu hiện của tình yêu thương con người.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Học sinh chia sẻ trong nhóm về những hành vi, việc làm, hoạt động thể hiện tình yêu thương con người mà các em đã thực hiện/ đã được hưởng/ đã chứng kiến/ đã sưu tầm được.

– Thảo luận nhóm liệt kê những biểu hiện của tình yêu thương con người vào giấy to và trưng bày xung quanh lớp học.

– Cả lớp đi xem “triển lãm” và ghi ý kiến bình luận, bổ sung.

Sản phẩm cần đạt :

Kết quả thảo luận của các nhóm về những biểu hiện cụ thể của tình yêu thương con người.

Giáo viên cần nhấn mạnh : Tình yêu thương con người cần được thể hiện cụ thể qua những thái độ, lời nói, hành vi, việc làm cụ thể trong các hoạt động và tình huống giao tiếp, ứng xử hằng ngày.

Ví dụ :

Hành động : giúp đỡ mọi người, quyên góp ủng hộ, chăm sóc cha mẹ...

Thái độ : quan tâm, nhẹ nhàng, chu đáo...

Lời nói : từ ngữ tích cực, giọng điệu ấm áp, dễ nghe...

Cử chỉ, ánh mắt : triu mến, âu yếm...

Lưu ý :

– Để tổ chức hiệu quả hoạt động tìm hiểu các biểu hiện của tình yêu thương con người, trước đó 1 tuần giáo viên cần phổ biến cho học sinh nắm được yêu cầu sưu tầm, tìm hiểu những hành vi, việc làm, hoạt động thể hiện tình yêu thương con người. Dựa trên những trải nghiệm đó, học sinh sẽ cùng nhau thảo luận, liệt kê các biểu hiện cụ thể của tình yêu thương con người.

– Giáo viên cũng cần chuẩn bị giấy khổ lớn, bút dạ, băng keo,... để học sinh ghi kết quả thảo luận và trưng bày xung quanh lớp học.

3. Giá trị của tình yêu thương con người

Mục đích : Học sinh phân tích được giá trị của tình yêu thương con người.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Học sinh đọc truyện *Bữa tiệc đêm* trong sách *Hướng dẫn học GDCC 7*

– Thảo luận các câu hỏi trong sách *Hướng dẫn học*.

Sản phẩm cần đạt :

– Kết quả thảo luận của học sinh về giá trị của tình yêu thương con người.

– Giáo viên cần kết luận làm rõ : Tình yêu thương mang lại niềm vui, sự tin tưởng vào bản thân, vào cuộc sống ; giúp con người có thêm sức mạnh vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống ; giúp cho mối quan hệ giữa con người với con người thêm gần gũi, gắn bó ; góp phần xây dựng cộng đồng an toàn, lành mạnh, tốt đẹp hơn.

Lưu ý :

– Để tổ chức hiệu quả hoạt động tìm hiểu giá trị của tình yêu thương con người, giáo viên cần dựa trên trải nghiệm của chính học sinh, đồng thời tổ chức

cho các em thảo luận về một vài hoạt động thực tế ở địa phương hay phân tích truyện “Bữa tiệc đêm”. Đây là một câu chuyện rất hay của nước ngoài nói về cách ứng xử đầy tình nhân ái của một ông chủ giàu sang đối với một đứa trẻ nghèo – con của người giúp việc trong gia đình. Giáo viên cần hướng dẫn học sinh phân tích kĩ các chi tiết trong truyện để các em thấy được một biểu hiện cụ thể, điển hình về tình yêu thương con người và ảnh hưởng tích cực của nó đến người được nhận tình yêu thương và mọi người xung quanh.

– Giáo viên có thể sử dụng câu chuyện này hoặc thay bằng một câu chuyện cảm động, có thực ở địa phương hoặc một câu chuyện hay tiểu phẩm/ băng hình khác có nội dung phù hợp hơn với thực tiễn địa phương.

– Giáo viên cần hướng dẫn các nhóm tìm hiểu ý nghĩa, tác động tích cực của tình yêu thương đến : người được nhận tình yêu thương, người có hành động thể hiện yêu thương, mối quan hệ giữa hai người, mọi người xung quanh và đời sống xã hội.

– Để học sinh hiểu sâu sắc hơn giá trị của tình yêu thương, giáo viên cũng nên đặt ngược lại vấn đề, hỏi học sinh : Các em nghĩ sao nếu cuộc sống thiếu tình yêu thương ?



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Thực hành thể hiện tình yêu thương với bạn bè trong nhóm, trong lớp

Mục đích : Học sinh thể hiện được tình yêu thương với bạn bè trong lớp, trong nhóm.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Với hoạt động này, giáo viên có thể :

– Hỏi học sinh ở lớp xem bạn nào mới có chuyện gì vui/ có sinh nhật trong tuần, trong tháng này... Sau đó tổ chức cho học sinh cả lớp thể hiện tình yêu thương với bạn qua những lời nói, hành động chúc mừng bạn.

– Thông báo với học sinh về những trường hợp có chuyện buồn hoặc gặp khó khăn trong cuộc sống của một vài bạn trong lớp. Sau đó tổ chức cho các em thể hiện tình yêu thương với bạn qua những lời hỏi thăm, động viên, chia sẻ.

– Tổ chức cho học sinh gửi tới bạn bè những lời yêu thương, ấm áp qua hộp thư bè bạn.

– ...

Sản phẩm cần đạt : Học sinh thể hiện được tình yêu thương với bạn bè trong lớp, trong nhóm bằng những hành vi, lời nói, việc làm,... cụ thể.

Lưu ý : Giáo viên nên khai thác những tình huống thực tế ở lớp, trường, địa phương để học sinh luyện tập, thực hành ngay tại lớp.

2. Xây dựng thông điệp về tình yêu thương con người

Mục đích : Học sinh xây dựng được thông điệp ngắn về tình yêu thương con người.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Mỗi nhóm thảo luận xây dựng một thông điệp ngắn về tình yêu thương con người và ghi ra giấy A0.

– Trưng bày, giới thiệu thông điệp của các nhóm.

– Cả lớp bình chọn thông điệp hay nhất.

Sản phẩm cần đạt : Mỗi nhóm có một thông điệp về tình yêu thương con người. Các thông điệp này vừa là một cam kết hành động của các em, vừa như lời kêu gọi, vận động bạn bè, mọi người hãy sống yêu thương, đùm bọc lẫn nhau.

3. Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án “Vòng tay yêu thương” hoặc “Kết nối yêu thương”

Mục đích : Học sinh xây dựng và thực hiện được một dự án cụ thể thể hiện được tình yêu thương với cộng đồng.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Chia học sinh thành các nhóm theo sở thích.

– Các nhóm lựa chọn đề tài dự án (Ví dụ : Thăm hỏi, giúp đỡ những người già neo đơn ở địa phương ; Quyên góp sách vở, đồ dùng học tập ủng hộ những bạn nghèo hoặc có hoàn cảnh khó khăn ; Ủng hộ nhân dân những vùng bị thiên tai, lũ lụt ; ...).

– Các nhóm xây dựng kế hoạch thực hiện dự án.

– Thực hiện dự án theo kế hoạch đã xây dựng.

– Viết báo cáo kết quả thực hiện dự án.

– Báo cáo kết quả dự án trước lớp.

Sản phẩm cần đạt : Mỗi nhóm có một báo cáo kết quả thực hiện dự án cụ thể.

Lưu ý :

- Việc các nhóm học sinh lựa chọn đề tài và xây dựng kế hoạch thực hiện dự án được tiến hành ngay trên lớp học.
- Việc thực hiện dự án và viết báo cáo sẽ được các nhóm học sinh tiến hành ngoài giờ học, sau khi đã học 2 tiết của bài.
- Việc báo cáo kết quả thực hiện dự án sẽ được tiến hành vào tiết thứ 3 của bài, tức là sau đó 1 tuần lễ.
- Trong quá trình các nhóm học sinh thực hiện dự án, giáo viên cần quan tâm, giám sát, giúp đỡ các em tháo gỡ khó khăn.



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động vận dụng của bài này rất phong phú, đa dạng. Giáo viên cần hướng dẫn học sinh thực hiện :

- Cư xử thân thiện với bạn bè và mọi người xung quanh.
- Quan tâm chia sẻ khi bạn bè, người thân có chuyện vui hoặc buồn.
- Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động nhân đạo do nhà trường, địa phương tổ chức phù hợp với khả năng của bản thân.

Đồng thời, giáo viên cần phối hợp với cha mẹ học sinh và các lực lượng giáo dục khác để kiểm tra, giám sát việc học sinh thực hiện trong thực tiễn, cũng như có kế hoạch tổ chức cho các em báo cáo kết quả thực hiện.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Giáo viên cần gợi ý cho học sinh một số địa chỉ, trang mạng để các em có thể sưu tầm những câu chuyện, tấm gương, tranh ảnh, ca dao, tục ngữ, danh ngôn về tình yêu thương con người ; hướng dẫn học sinh cách trình bày, sắp xếp các thông tin và tạo cơ hội cho học sinh được trưng bày những sản phẩm đã sưu tầm được dưới các hình thức như : triển lãm, tập san, báo tường,...

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

Đánh giá kết quả học tập bài này cần được thực hiện thông qua nhiều hình thức :

– Để đánh giá kết quả tiếp thu kiến thức, giáo viên có thể yêu cầu học sinh viết một bài thu hoạch khoảng 1/2 – 1 trang về tình yêu thương con người và giá trị của tình yêu thương con người và có thể yêu cầu học sinh xử lí, chọn cách ứng xử phù hợp trong một vài tình huống như : giải quyết khi có mâu thuẫn với bạn bè, khi bị người khác hiểu lầm,...

– Để đánh giá hành vi của học sinh (mục tiêu quan trọng nhất của bài này), giáo viên có thể quan sát cách các em giao tiếp, ứng xử với bạn bè, thầy cô giáo và mọi người xung quanh, hoặc qua kết quả thực hiện dự án nhân đạo ở cộng đồng của học sinh,...

NXBGD VN

Bài 4

SỐNG TỰ LẬP

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Trình bày được thế nào là sống tự lập và ý nghĩa của sống tự lập.
- Tự lập được trong sinh hoạt cá nhân, trong công việc gia đình, trong học tập và các hoạt động tập thể ở lớp, ở trường.
- Đồng tình, ủng hộ những hành vi sống tự lập ; không đồng tình với những hành vi chây lười, ỷ lại.

Qua bài này, học sinh hình thành ý thức tự làm lấy, tự giải quyết công việc, nhiệm vụ của mình ; tự lo liệu, tạo dựng cho cuộc sống của mình tùy theo khả năng của bản thân ; không trông chờ, dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác ; dám tự tin đương đầu, vượt qua những khó khăn, thử thách, vươn lên trong học tập và cuộc sống.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH

Các hoạt động học trong bài “Tự lập” được thực hiện thông qua :

- Các hình thức học cá nhân, học theo nhóm và cả lớp ;
- Các phương pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau như : thảo luận, nghiên cứu trường hợp điển hình, luyện tập.

Các hoạt động học này nhằm giúp học sinh tìm hiểu thế nào là tự lập và giá trị của sống tự lập. Đồng thời giúp các em rèn luyện tính tự lập trong sinh hoạt cá nhân, công việc gia đình, học tập và các hoạt động tập thể ở lớp, ở trường.



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Mục đích : Thông qua nghệ thuật (bài hát và giai điệu ; quan sát tranh ảnh...), học sinh cảm nhận được sức mạnh của tuổi trẻ, của những con người biết sống tự lập. Khởi động cũng giúp học sinh hào hứng hơn với bài học.

Phương thức tổ chức hoạt động : Có thể tổ chức cho học sinh khởi động dưới những hình thức khác nhau như : hát/ nghe một bài hát, quan sát những bức ảnh và phân tích hành động của các nhân vật trong ảnh... có nội dung nói về sống tự lập.

Sản phẩm cần đạt :

– Học sinh chia sẻ được cảm nhận của bản thân về nội dung bài hát “Thanh niên làm theo lời Bác” và các hình ảnh trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*.

– Học sinh nêu được nội dung bài hát : Nhắc nhở thanh niên có tinh thần vượt khó khăn, như lời Bác Hồ đã dạy.

– Học sinh nêu được nội dung các bức ảnh thể hiện phẩm chất tự lập của thanh niên trong cuộc sống hằng ngày, trong học tập và các hoạt động xã hội,...

Lưu ý :

Giáo viên có thể lựa chọn những hình ảnh tự lập của thanh niên học sinh ở trường, địa phương để thay thế cho các hình ảnh trong sách.



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Trải nghiệm

Mục đích : Học sinh thể hiện kiến thức, kinh nghiệm đã có về sống tự lập.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Học sinh suy nghĩ và chia sẻ trong nhóm về những trải nghiệm đã có của bản thân theo các gợi ý sau :

+ Trong cuộc sống hằng ngày, em thường tự làm lấy những việc gì ? Cảm xúc của em như thế nào khi tự mình làm được những việc đó mà không phải trông cậy, phụ thuộc vào người khác ?

+ Những việc nào em thường không tự làm được mà phải nhờ bạn bè, người thân làm hộ ? Vì sao em lại không tự làm được những việc đó ?

– Mời một vài học sinh chia sẻ trước lớp.

Sản phẩm cần đạt :

– Chia sẻ của học sinh về những trải nghiệm sống tự lập của các em.

– Học sinh hiểu : Khi chúng ta tự làm được những việc của mình, không phải trông chờ vào sự giúp đỡ của những người khác, chúng ta sẽ thấy vui, tự hào, cảm thấy mình có giá trị hơn.

2. Thế nào là sống tự lập ?

Mục đích : Học sinh nêu được bản chất của sống tự lập.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Học sinh đọc truyện “Hai bàn tay”

– Thảo luận nhóm theo các câu hỏi :

+ Em có suy nghĩ gì qua câu chuyện ?

+ Vì sao Bác Hồ có thể ra nước ngoài để tìm đường cứu nước chỉ với hai bàn tay ?

+ Qua câu chuyện này, em hiểu thế nào là sống tự lập ?

Sản phẩm cần đạt :

– Kết quả thảo luận của các nhóm

– Học sinh hiểu : Tự lập là tự làm lấy, tự giải quyết công việc, nhiệm vụ của mình ; tự lo liệu, tạo dựng cho cuộc sống của mình ; không trông chờ, dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác ; dám tự tin đương đầu, vượt qua những khó khăn, thử thách, vươn lên trong học tập, công việc và cuộc sống.

Lưu ý :

– Giáo viên cần lưu ý học sinh phân tích các chi tiết :

+ Thời điểm Nguyễn Tất Thành đi ra nước ngoài tìm đường cứu nước là những năm 20 của thế kỉ trước, thời điểm mà sự đi lại, thông thương giữa nước ta với các nước phương Tây còn rất khó khăn, hạn chế.

+ Nguyễn Tất Thành khi đó còn rất trẻ, mới hơn 20 tuổi.

+ Nguyễn Tất Thành đi ra nước ngoài tìm đường cứu nước chỉ với hai bàn tay không và không có ai quen biết, giúp đỡ.

Từ đó, học sinh sẽ hiểu sâu sắc hơn về hành động của Bác Hồ thời trẻ và hiểu được bản chất của sống tự lập.

– Ngoài câu chuyện này, giáo viên cũng có thể sưu tầm, tìm hiểu thêm những câu chuyện về sống tự lập của thanh thiếu niên hoặc người dân ở địa phương để học sinh cùng thảo luận, phân tích.

3. Ý nghĩa của sống tự lập

Mục đích : Học sinh phân tích được ý nghĩa, giá trị của sống tự lập.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Giáo viên phân công mỗi nhóm học sinh thảo luận phân tích 1 trong 2 trường hợp điển hình trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*.

– Học sinh làm việc nhóm.

– Đại diện các nhóm trình bày kết quả ; trao đổi, tranh luận giữa các nhóm.

– Giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ thêm về những gương tự lập khác trong cuộc sống mà các em biết.

– Giáo viên yêu cầu học sinh tự rút ra giá trị, tầm quan trọng của sống tự lập qua việc phân tích các câu chuyện về những người biết tự lập trong cuộc sống.

Sản phẩm cần đạt :

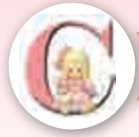
Kết quả thảo luận của các nhóm :

– Trường hợp 1 : Ở Nguyệt Hà thiếu phẩm chất tự lập. Những người như Hà thường không thể thành công trong cuộc sống vì họ luôn sợ khó, sợ khổ, luôn phải sống dựa dẫm vào người khác.

– Trường hợp 2 : Lịch đã gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống : bị khuyết tật bẩm sinh, gia đình nghèo khó. Tuy nhiên bằng nghị lực và tính tự lập cao, anh đã vượt qua khó khăn, vươn lên trong cuộc sống.

– Người sống tự lập luôn dũng cảm, đương đầu, vượt qua khó khăn. Họ thường thành công trong cuộc sống và được mọi người kính trọng.

Lưu ý : Giáo viên có thể sử dụng 2 trường hợp có trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7* hoặc tìm những trường hợp cụ thể trong thực tiễn cuộc sống ở nhà trường, địa phương để thay thế.



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Tự liên hệ

Mục đích : Học sinh biết tự đánh giá tính tự lập của bản thân.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Giáo viên nêu yêu cầu tự liên hệ : Từ trước đến nay em đã biết tự lập trong học tập, hoạt động tập thể và trong cuộc sống hằng ngày như thế nào ? Nêu ví dụ cụ thể.

– Học sinh tự liên hệ và chia sẻ theo cặp.

– Giáo viên mời một số học sinh chia sẻ trước lớp.

Sản phẩm cần đạt : kết quả tự đánh giá của học sinh.

2. Lập kế hoạch tự lập

Mục đích : Học sinh biết lập kế hoạch tự lập trong cuộc sống gia đình, nhà trường và cộng đồng.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Giáo viên yêu cầu học sinh lập kế hoạch rèn luyện tính tự lập của bản thân trong cuộc sống hằng ngày ở gia đình, nhà trường, cộng đồng theo mẫu dưới đây :

TT	Môi trường	Những việc sẽ tự lập	Biện pháp thực hiện
1	Gia đình		
2	Nhà trường, lớp học		
3	Cộng đồng		

– Học sinh lập kế hoạch cá nhân.

– Chia sẻ với bạn trong nhóm về kế hoạch đã lập.

– Tự hoàn thiện lại kế hoạch trên cơ sở ý kiến đóng góp của bạn bè.

– Giáo viên nhận xét và lưu ý học sinh cần thực hiện đúng các việc theo kế hoạch đã lập.

Sản phẩm cần đạt : các bản kế hoạch rèn luyện của học sinh.

Lưu ý :

Hoạt động lập kế hoạch này phải có tính thực tế, dựa trên việc học sinh xác định rõ :

- Những việc nào em đã tự lập được ?
- Những việc nào em hiện chưa tự lập nhưng có thể tự lập được ?
- Những việc nào em không thể tự lập được (có thể do vượt quá khả năng, do không đủ sức khỏe, thời gian,...) ?

Tuy nhiên lập kế hoạch tự lập chỉ là bước đầu tiên. Giáo viên nhắc nhở học sinh cần kiên trì, quyết tâm hành động theo kế hoạch đã xây dựng.



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động vận dụng quan trọng nhất của bài này là học sinh thực hiện tự lập được trong học tập, và trong các hoạt động của cuộc sống hằng ngày. Giáo viên cần tạo điều kiện để học sinh thể hiện tính tự lập trong học tập và các nhiệm vụ của lớp, của trường. Đồng thời tạo cơ hội để học sinh chia sẻ những tiến bộ về tính tự lập của các em và có sự động viên, khích lệ kịp thời.

Ngoài ra, học sinh có thể chia sẻ, vận động bạn bè và anh chị em trong gia đình thực hiện sống tự lập.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Giáo viên cần yêu cầu học sinh sưu tầm những câu chuyện, những tấm gương về sống tự lập và chia sẻ với bạn bè trong lớp, trong nhóm về những thông tin thu thập được.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

Đánh giá kết quả học tập bài này của học sinh cần toàn diện về các mặt : kiến thức, kĩ năng, thái độ, hành vi.

– Đánh giá về kiến thức, dựa trên :

+ Kết quả bài viết ngắn 1/2 – 1 trang của học sinh về sống tự lập và ý nghĩa của sống tự lập.

+ Kết quả bài trắc nghiệm khách quan của học sinh về giá trị của sống tự lập.

Hoạt động đánh giá này được thực hiện vào cuối bài học.

– Đánh giá về kĩ năng, thái độ, hành vi : Thông qua quan sát kết quả học sinh phân tích đánh giá các trường hợp điển hình, quan sát sản phẩm thực hành lập kế hoạch sống tự lập và kết quả học sinh ứng dụng bài học trong thực tiễn.

NXBGDVN

Bài 5

SỐNG CÓ KẾ HOẠCH

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Trình bày được thế nào là sống có kế hoạch và lợi ích của sống có kế hoạch.
- Xây dựng và thực hiện được kế hoạch học tập, rèn luyện của bản thân trong cuộc sống hằng ngày.
- Ủng hộ lối sống có kế hoạch ; không đồng tình với lối sống tùy tiện, vô kế hoạch.

Qua bài học này, học sinh biết xác định mục đích, mục tiêu của bản thân ; biết sắp xếp công việc, hoạt động hằng ngày, hằng tuần một cách hợp lí để hoàn thành được mục đích, mục tiêu có hiệu quả ; biết kiên trì, quyết tâm thực hiện kế hoạch đã xây dựng. Sống có kế hoạch giúp học sinh chủ động, tiết kiệm được thời gian, công sức, bảo vệ được sức khỏe và đạt hiệu quả cao trong học tập, công việc. Người sống có kế hoạch thường thành đạt trong cuộc sống.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH

Các hoạt động học trong bài “Sống có kế hoạch” được thực hiện thông qua :

- Các hình thức học cá nhân, theo cặp, theo nhóm và cả lớp.
- Các phương pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau như : trải nghiệm, thảo luận, nghiên cứu trường hợp điển hình, luyện tập.

Các hoạt động học này nhằm giúp học sinh tìm hiểu thế nào là sống có kế hoạch và lợi ích của sống có kế hoạch. Đồng thời giúp các em rèn luyện thói quen sống có kế hoạch.



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Mục đích : Tìm hiểu kiến thức, kinh nghiệm đã có của học sinh về sống có kế hoạch.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Giáo viên yêu cầu học sinh hồi tưởng và chia sẻ về việc lập kế hoạch trong cuộc sống của bản thân theo các gợi ý sau :

+ Em đã bao giờ lập kế hoạch cho mình trong học tập, trong công việc, trong sinh hoạt hằng ngày chưa ?

+ Em đã lập kế hoạch như thế nào ?

+ Kết quả thực hiện kế hoạch đó ra sao ?

– Học sinh chia sẻ theo cặp/ nhóm nhỏ.

– Giáo viên mời một vài học sinh chia sẻ trước lớp.

Sản phẩm cần đạt : Ý kiến chia sẻ trải nghiệm của học sinh.



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu thế nào là sống có kế hoạch ?

Mục đích : Học sinh trình bày được thế nào là sống có kế hoạch.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Học sinh đọc bài viết *Tác phong sống và làm việc của Bác Hồ*.

– Thảo luận các câu hỏi :

+ Em có suy nghĩ gì về tác phong sống và làm việc của Bác Hồ ?

+ Theo em, thế nào là sống có kế hoạch ?

+ Hãy chia sẻ với bạn về những người sống có kế hoạch mà em đã biết.

Sản phẩm cần đạt :

– Ý kiến của học sinh về sống có kế hoạch và những ví dụ thực tế về người sống có kế hoạch.

– Kết luận của giáo viên : Sống có kế hoạch là biết xác định mục đích, mục tiêu của bản thân ; biết sắp xếp các công việc/ hoạt động hằng ngày, hằng tuần một cách hợp lí để hoàn thành được mục đích, mục tiêu đã đề ra một cách có hiệu quả.

Lưu ý :

Giáo viên cần tổ chức cho học sinh nghiên cứu và phân tích câu chuyện *Tác phong sống và làm việc của Bác Hồ*, như trong sách *Hướng dẫn học GD&CD 7*. Hoặc cũng có thể sử dụng một trường hợp điển hình khác gần gũi, cụ thể hơn để thay thế, nếu có. Trên cơ sở thảo luận, phân tích, học sinh sẽ nhận biết, làm rõ các dấu hiệu bản chất của sống có kế hoạch.

2. Tìm hiểu về cách lập kế hoạch

Mục đích : Học sinh trình bày được các bước lập kế hoạch.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Học sinh thảo luận nhóm sắp xếp các bước lập kế hoạch (trong sách *Hướng dẫn học GD&CD 7*) theo thứ tự.

– Các nhóm chia sẻ kết quả và giải thích lí do vì sao lại sắp xếp như vậy.

Sản phẩm cần đạt :

– Kết quả thảo luận về trình tự các bước lập kế hoạch của các nhóm.

– Kết luận của giáo viên : Để lập kế hoạch cần thực hiện các bước sau :

+ Xác định mục tiêu/ các mục tiêu của mình trong một khoảng thời gian nhất định. (Ví dụ : Mục tiêu của mình hôm nay, tuần này, tháng này, năm này là gì ?)

+ Lập danh sách những việc mình cần làm trong ngày/ tuần/ tháng/ năm để thực hiện được mục tiêu.

+ Phân tích danh sách những việc cần làm, chọn ra những việc quan trọng, cấp bách và đánh thứ tự ưu tiên. Loại bỏ những việc không quan trọng.

+ Xác định khoảng thời gian cụ thể cho mỗi công việc ưu tiên : Thời điểm bắt đầu, thời điểm kết thúc.

+ Quyết tâm, kiên trì thực hiện các công việc theo đúng kế hoạch. Tập trung làm việc đó cho đến khi hoàn thành. Cần kiên nhẫn, vì những việc quan trọng nhất thường là những việc khó khăn nhất.

Lưu ý :

Có thể hướng dẫn học sinh tìm hiểu về các bước lập kế hoạch như trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*. Hoặc cũng có thể sử dụng hình thức khác như tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm với câu hỏi mở (Cách lập kế hoạch như thế nào ?) hoặc tổ chức cho học sinh phân tích, so sánh hai cách lập kế hoạch khác nhau và rút ra kết luận.

3. Lợi ích của sống có kế hoạch

Mục đích : Học sinh phân tích được lợi ích của sống có kế hoạch.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Học sinh nghiên cứu thông tin đã cho và cùng với tám gương sống có kế hoạch của Bác Hồ, của những người khác mà em biết trong thực tiễn.

– Thảo luận : Sống có kế hoạch đem lại điều gì cho con người ? (đối với sức khỏe, quỹ thời gian, chất lượng và hiệu quả học tập/ làm việc, sự thành công trong cuộc sống,...).

Sản phẩm cần đạt :

– Ý kiến của học sinh các nhóm về lợi ích của sống có kế hoạch.

– Kết luận của giáo viên : Sống có kế hoạch giúp chúng ta chủ động, tiết kiệm được thời gian, công sức, bảo vệ được sức khỏe và đạt hiệu quả cao trong học tập, công việc. Người sống có kế hoạch thường thành đạt trong cuộc sống.

Lưu ý :

– Cần tổ chức cho học sinh tìm hiểu lợi ích của sống có kế hoạch dựa trên :

+ Phân tích thông tin đã cho trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*.

+ Phân tích câu chuyện *Tác phong sống và làm việc của Bác Hồ*.

+ Phân tích các trải nghiệm của học sinh, những trường hợp sống có kế hoạch mà các em đã sưu tầm, tìm hiểu được.

– Giáo viên cũng cần lưu ý là khi hướng dẫn học sinh tìm hiểu về lợi ích của sống có kế hoạch cần khai thác về nhiều phương diện như :

+ Lợi ích đối với kết quả học tập, làm việc và sự thành công của bản thân trong cuộc sống như thế nào ?

+ Lợi ích đối với sức khỏe của bản thân như thế nào ?

+ Lợi ích đối với việc tiết kiệm quỹ thời gian của bản thân như thế nào ?...



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Thực hành lập kế hoạch cá nhân

Mục đích : Học sinh có kĩ năng lập kế hoạch.

Phương thức tổ chức hoạt động :

- 1) Học sinh lập một bản kế hoạch của cá nhân trong tuần tới theo mẫu.
- 2) Chia sẻ kế hoạch cá nhân với bạn.
- 3) Hoàn thiện lại bản kế hoạch.

Sản phẩm cần đạt :

- Các bản kế hoạch cá nhân của học sinh.
- Nhận xét của giáo viên về các bản kế hoạch ; Khen những bản kế hoạch hợp lí và khả thi.

2. Xây dựng thông điệp

Mục đích : Học sinh biết đưa ra những thông điệp có ý nghĩa về sống có kế hoạch.

Phương thức tổ chức hoạt động :

- Mỗi nhóm xây dựng một thông điệp về sống có kế hoạch (có thể dưới dạng văn bản viết hoặc tranh vẽ).
- Giới thiệu, trưng bày thông điệp đã xây dựng trước lớp.
- Cùng cả lớp bình chọn thông điệp hay nhất.
- Giáo viên khen ngợi những thông điệp hay, có ý nghĩa và nhắc nhở học sinh hãy hành động theo những thông điệp đã xây dựng.

Sản phẩm cần đạt : Mỗi nhóm có một thông điệp về sống có kế hoạch.

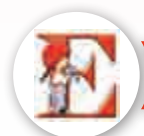
Lưu ý :

Có thể thay thế hoạt động xây dựng thông điệp bằng hoạt động phân tích, phê phán một vài trường hợp điển hình trong thực tiễn về sống có kế hoạch/ không có kế hoạch.



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Hoạt động vận dụng quan trọng nhất của bài này là học sinh thực hiện được kế hoạch đã lập trong cuộc sống hằng ngày. Ngoài ra, học sinh có thể chia sẻ, vận động bạn bè và mọi người trong gia đình thực hiện sống có kế hoạch.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Học sinh sưu tầm những câu chuyện, những tấm gương về sống có kế hoạch và chia sẻ với bạn bè trong lớp, trong nhóm về các thông tin thu thập được.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

Đánh giá kết quả học tập bài này của học sinh cần đánh giá cả về nhận thức, kĩ năng, thái độ và hành vi thực tế.

– Đánh giá về nhận thức có thể bằng nhiều cách :

+ Yêu cầu học sinh vẽ sơ đồ tư duy để hệ thống lại kiến thức đã học về sống có kế hoạch.

+ Dùng câu hỏi trắc nghiệm đúng/ sai để kiểm tra nhận biết của học sinh về bản chất và lợi ích của sống có kế hoạch.

+ Đưa ra những trường hợp điển hình và yêu cầu học sinh nhận xét, đánh giá xem ai là người sống có kế hoạch, ai là người sống không có kế hoạch.

+ Đưa ra những tình huống và yêu cầu học sinh lựa chọn cách ứng xử phù hợp...

– Đánh giá về kĩ năng, thái độ và hành vi : Giáo viên cần dựa trên kết quả quan sát học sinh thực hành xây dựng kế hoạch và đặc biệt là thực hiện sống, học tập và làm việc có kế hoạch ; kết hợp với tự đánh giá của học sinh, đánh giá đồng đẳng của học sinh và đánh giá của cha mẹ học sinh.

Bài 6

XÂY DỰNG TÌNH BẠN TRONG SÁNG, LÀNH MẠNH

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Nêu được những biểu hiện của tình bạn trong sáng, lành mạnh. Hiểu được ý nghĩa của tình bạn trong sáng, lành mạnh.
- Biết xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh với các bạn trong lớp, trong trường và ở cộng đồng.
- Quý trọng và mong muốn xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh.
- Tôn trọng và ủng hộ những tình bạn trong sáng, lành mạnh ở trong lớp, trong trường.

Đối với chủ đề này, có thể có các phương án tổ chức dạy – học khác nhau. Tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh, đối tượng người học mà giáo viên không nhất thiết phải thực hiện tuần tự các hoạt động như gợi ý trong sách *Hướng dẫn học GDCC 7*, có thể vận dụng/ hoặc loại bỏ những hoạt động/ những bước không phù hợp với lớp học của mình, hoặc có thể thay thế, bổ sung bằng các hoạt động khác cho phù hợp với đối tượng học sinh.

Giáo viên nên tổ chức cho học sinh quan sát, tìm hiểu, thảo luận và nêu những nhận xét của mình về tình bạn ; liên hệ bản thân, liên hệ thực tế. Giáo viên có thể sử dụng các thông tin, sự kiện, câu chuyện liên quan đến tình bạn để học sinh phân tích, rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân và dùng phương pháp gợi mở để khuyến khích học sinh chia sẻ suy nghĩ và sự hiểu biết của mình về chủ đề.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Mục đích :

– Tạo không khí vui vẻ trong lớp bằng cách nói được một cảm nhận tích cực về người bạn của mình hoặc có một cử chỉ thiện chí... qua đó phát triển sự sáng tạo trong việc thể hiện hành vi thân thiện khác nhau với bạn.

– Góp phần hình thành năng lực tư duy, năng lực ngôn ngữ và năng lực hợp tác.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Trò chơi “Đổi chỗ”

+ Giáo viên cho học sinh ngồi thành vòng tròn chơi trò chơi (nếu lớp đông, có thể chơi theo nhóm). Bắt đầu chơi, em A nói với một em khác : “Mình sẽ đổi chỗ cho bạn B vì bạn ấy... (nhận xét tích cực như : Bạn ấy luôn mỉm cười và làm mình cảm thấy rất vui/ hay bạn ấy luôn giúp đỡ bạn bè...), sau đó trao một cử chỉ yêu thương với bạn như một cái bắt tay hoặc một nụ cười thân thiện. Em A đến chỗ ngồi của bạn B và bạn B thực hiện hành vi thân thiện nhưng không được lặp lại hành vi trước.

+ Tiếp tục trò chơi cho tới khi mỗi học sinh đều nhận được một nhận xét tích cực và cử chỉ yêu thương từ bạn mình.

– Chia sẻ sau khi chơi : Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận theo các câu hỏi trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*.

Sản phẩm cần đạt : Học sinh nhận thức được giá trị của những lời nhận xét tích cực và những cử chỉ yêu thương từ bạn bè và thực hiện được những hành vi đó.

Lưu ý :

Giáo viên phải bao quát được việc tham gia của học sinh trong lớp và có sự hỗ trợ kịp thời khi học sinh gặp khó khăn trong việc thực hiện hoạt động nhất là các em có tính nhút nhát. Tùy vào đối tượng học sinh, môi trường lớp học, điều kiện học tập... giáo viên có thể thiết kế các hoạt động khác như : giải đoán ô chữ, thi hát, đố vui... có liên quan đến chủ đề tình bạn để tạo hứng thú ban đầu và định hướng hoạt động học tập cho học sinh.



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hát tập thể

Mục đích :

– Học sinh hiểu được thế nào là tình bạn và nhận biết được tình bạn qua các bài hát, câu chuyện và những hành động trong thực tế.

– Hình thành năng lực tự học, năng lực hợp tác và kĩ năng hoạt động nhóm.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Tìm hiểu bài hát “Mùa xuân tình bạn”.

+ Quản trò cho cả lớp cùng hát tập thể bài hát “Mùa xuân tình bạn” của nhạc sĩ Trần Đức, sau đó trả lời ba câu hỏi về nội dung bài hát.

+ Giáo viên cho học sinh làm việc cá nhân hoặc theo cặp đôi về hình ảnh ấn tượng trong bài hát và nội dung bài hát.

Sản phẩm cần đạt : Biết rung cảm với nội dung, giai điệu của bài hát và nói lên cảm xúc của mình khi hát bài hát đó.

Lưu ý :

Để tạo không khí sôi động, giáo viên cần chuẩn bị sẵn nhạc nền của bài hát và cùng hát với học sinh.

2. Tìm hiểu về tình bạn qua câu chuyện

Mục đích : Học sinh biết cách tha thứ trong quan hệ tình bạn.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Học sinh thực hiện nhiệm vụ này theo nhóm.

– Các nhóm đọc thầm hoặc phân vai đọc câu chuyện. Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận để trả lời các câu hỏi cuối truyện.

Sản phẩm cần đạt : Học sinh nêu được thông điệp từ câu chuyện : Hãy biết thông cảm, vị tha và giúp đỡ bạn, sống có trách nhiệm với bạn.

3. Tìm hiểu các quan niệm về tình bạn

Mục đích : Học sinh xác định tình bạn đúng là tình bạn như thế nào.

Phương thức tổ chức hoạt động : Học sinh thực hiện cá nhân nhiệm vụ này.

Sản phẩm cần đạt : Học sinh biết lựa chọn các đáp án và giải thích được vì sao mình lựa chọn đáp án đó. (đáp án B, C, D)

Lưu ý :

Học sinh có thể thực hiện cá nhân nhiệm vụ trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7* hoặc giáo viên thiết kế một hoạt động khác thay thế như yêu cầu học sinh xác nhận và giải thích việc tán thành hay không tán thành đối với một số biểu hiện trong tình bạn mà vẫn đạt được nội dung cần tìm hiểu.

4. Tìm hiểu đặc điểm của tình bạn trong sáng, lành mạnh

Mục đích :

– Học sinh hiểu đặc điểm của tình bạn trong sáng, lành mạnh và nhận biết những điều nên và không nên làm trong tình bạn.

– Giúp học sinh hình thành năng lực nhận thức và tự điều chỉnh hành vi ; rèn luyện kĩ năng ra quyết định ; biết lựa chọn và thực hiện các hành vi ứng xử với bạn bè trong một số tình huống quen thuộc với các em.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Giáo viên nêu các câu hỏi động viên học sinh chia sẻ suy nghĩ, quan điểm và kỉ niệm đẹp của mình về bạn bè.

– Giáo viên yêu cầu học sinh hoàn thành phiếu bài tập nhóm về những điều nên/ không nên trong tình bạn.

Gợi ý đáp án :

Những điều nên trong tình bạn	Những điều không nên trong tình bạn
<ul style="list-style-type: none">– Cởi mở tâm tình, tin cậy, quý mến nhau– Thông cảm, tôn trọng lẫn nhau– Sẵn sàng chia sẻ, có trách nhiệm với nhau– Chân thành, thẳng thắn với nhau– Quan tâm giúp đỡ nhau– Trung thực, nhân ái, vị tha	<ul style="list-style-type: none">– Có thái độ trịch thượng, thiếu bình đẳng, thiếu tôn trọng nhau– Bao che khuyết điểm cho nhau– Bè phái, hội hè, ăn chơi, sa ngã– Ích kỉ, vụ lợi...

Sản phẩm cần đạt :

– Học sinh phân biệt được những điều nên và không nên làm trong tình bạn.

– Học sinh biết ứng xử tích cực trong một số tình huống quan hệ bạn bè trong cuộc sống.

5. Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

Mục đích : Học sinh nhận thấy những hành vi cụ thể trong tình bạn được thể hiện như thế nào, từ đó rèn luyện bản thân.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Giáo viên hướng dẫn chia nhóm.
– Nhóm trưởng cho các bạn đọc thầm nội dung câu chuyện và cùng thảo luận trả lời 5 câu hỏi.

– Đáp án mong đợi của các câu hỏi cuối truyện là :

+ Những khó khăn mà bạn Gái đã gặp phải : Đôi chân của em bị khuyết tật bẩm sinh, không đi lại được, suốt ngày chỉ ngồi một chỗ. Mọi sinh hoạt ở nhà đều được ba mẹ và bà ngoại chăm lo. Khi đến trường phải đón nhận những cái nhìn kì thị từ bạn bè, thậm chí cả một số phụ huynh đưa con em tới trường cũng nhìn Gái với ánh mắt không mấy thiện cảm.

+ Nga đã cố gắng Gái đến trường, trò chuyện với bạn, chép bài và giảng bài giúp bạn Gái trong cuộc sống và học tập.

+ Tình bạn của Nga và Gái được gọi là một tình bạn đẹp vì biết thông cảm, đồng cảm sâu sắc với nhau, tôn trọng lẫn nhau, chân thành và có trách nhiệm với nhau.

Sau khi học sinh các nhóm hoàn thành các câu hỏi cuối truyện, giáo viên động viên học sinh kể những câu chuyện có thật phản ánh tình bạn đẹp trong cuộc sống của bản thân các em hoặc các em được biết/ hoặc nghe kể.

Sản phẩm cần đạt :

Học sinh có được thông điệp từ câu chuyện : Hãy biết sống vì mọi người, hãy biết yêu thương, thông cảm/ đồng cảm, chia sẻ và giúp đỡ những bạn gặp hoàn cảnh khó khăn hơn mình trong cuộc sống.

6. Đóng vai

Mục đích : Rèn luyện cho học sinh kĩ năng ra quyết định, biết lựa chọn và thực hiện các hành vi ứng xử với bạn bè trong một số tình huống quen thuộc với các em.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Hoạt động này cần thực hiện theo hai bước :

– Bước một : Mỗi nhóm dựa vào một trong hai tình huống đã cho để xây dựng thành kịch bản cụ thể, có nhân vật, có lời thoại, cách ứng xử...

– Bước hai : Các nhóm tập đóng vai theo kịch bản đã viết và trình bày tiểu phẩm của nhóm trước lớp.

Tình huống 1 :

Hai người bạn thân nhất của em đang rất giận nhau. Hiện giờ, hai bạn ấy không còn nói chuyện với nhau nữa, nhưng cả hai đều nói chuyện với em.

Cách giải quyết phù hợp : Giải thích trước cho từng bạn sau đó bố trí một buổi gặp gỡ cùng cả hai bạn để tạo điều kiện cho hai bạn thông cảm, làm hoà với nhau.

Tình huống 2 :

Lớp em đang xếp hàng để chuẩn bị cho giờ chào cờ đầu tuần, một bạn trong trường cốc vào đầu em và như đang muốn gây sự để em đánh nhau với bạn ấy.

Cách giải quyết phù hợp : Quay lại cười và bắt tay thân mật với bạn, nhắc lại tên/ hoặc kỉ niệm (nếu có) với bạn đồng thời nhắc khéo bạn tập trung cho giờ chào cờ.

Sản phẩm cần đạt :

Học sinh sắm được vai và thể hiện được cách ứng xử của mình trong các tình huống.

7. Ý nghĩa của tình bạn trong sáng, lành mạnh

Mục đích :

– Học sinh hiểu được ý nghĩa của tình bạn trong sáng, lành mạnh.

– Rèn luyện cho học sinh năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo và năng lực tự quản lí.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Với mục a trong sách *Hướng dẫn học GDĐD 7* : Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc thầm câu chuyện “Đi tìm tình bạn” và những yêu cầu cuối truyện rồi thực hiện đầy đủ những yêu cầu đó.

– Với mục b trong sách *Hướng dẫn học GDĐD 7*, học sinh thực hiện theo cặp đôi. Giáo viên động viên học sinh chia sẻ cảm xúc của mình khi luôn có một người bạn tốt bên cạnh để từ đó giúp học sinh hiểu được giá trị của tình bạn trong sáng, lành mạnh.

Lưu ý :

Ở mục này, giáo viên có thể kể cho học sinh một câu chuyện cảm động nói lên giá trị của tình bạn trong thực tế thay cho hoạt động chia sẻ trong sách *Hướng dẫn học GDĐD 7* đã gợi ý.

Sản phẩm cần đạt :

Học sinh có được thông điệp từ câu chuyện : Trong cuộc sống cần có bạn bè để chia sẻ những lúc vui, buồn. Bạn bè phải biết giúp đỡ và hi sinh vì nhau, phải tôn trọng và giữ lời hứa với nhau.

8. Xác định cách ứng xử trong tình bạn

Mục đích : Học sinh biết cách ứng xử với bạn trong các tình huống khác nhau.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Giáo viên chuẩn bị sẵn các phiếu câu hỏi theo bảng mẫu trong sách *Hướng dẫn học GDĐD 7* để ở góc học tập. Học sinh làm việc cá nhân với hoạt động này.

Gợi ý kết quả cho hoạt động này là :

Trường hợp	Cách ứng xử của em
1. Khi thấy bạn của mình mắc khuyết điểm hoặc vi phạm kỉ luật.	Nhẹ nhàng khuyên răn và động viên bạn sửa chữa khuyết điểm.
2. Khi thấy bạn của mình bị người khác rủ rê, lôi kéo tham gia vào những việc làm không lành mạnh.	Giải thích đó là những hoạt động không lành mạnh, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống và học tập. Động viên bạn luôn tự chủ, không tham gia vào các hoạt động đó.

Trường hợp	Cách ứng xử của em
3. Khi thấy bạn của mình có chuyện buồn, gặp khó khăn trong cuộc sống.	Kịp thời động viên, chia sẻ và thường xuyên giúp đỡ, hỏi han bạn trong cuộc sống, học tập.
4. Khi bạn phê bình khuyết điểm của mình.	Vui vẻ, cảm ơn vì bạn đã giúp mình nhận ra khuyết điểm để kịp sửa chữa.
5. Khi thấy bạn của mình có chuyện vui.	Kịp thời chia sẻ và chúc mừng bạn.
6. Khi thấy bạn của mình thân thiết với bạn khác.	Cho rằng đó là chuyện hoàn toàn bình thường, chúc mừng bạn và nhắc nhở mình phải biết quý trọng tình bạn.

Sản phẩm cần đạt : Học sinh ứng xử linh hoạt trong tình bạn.



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Đọc và trả lời

Mục đích :

Học sinh biết nhận diện những biểu hiện của tình bạn trong sáng, lành mạnh và lựa chọn đúng, khắc sâu những kiến thức mà học sinh đã được tìm hiểu thông qua Hoạt động hình thành kiến thức.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Giáo viên phô tô cho mỗi học sinh một phiếu học tập theo mẫu trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7* và để sẵn vào góc học tập. Đại diện học sinh lấy phiếu phát cho các bạn và thực hiện theo yêu cầu của phiếu học tập. Kết quả mong đợi là :

Ý kiến	Tán thành	Không tán thành	Giải thích
1. Tình bạn đẹp chỉ có trong sách vở.		×	
2. Bạn bè phải biết bao che, bảo vệ nhau trong mọi trường hợp.		×	

Ý kiến	Tán thành	Không tán thành	Giải thích
3. Tình bạn trong sáng, lành mạnh không thể có từ một phía.	x		
4. Thêm bạn bớt thù.	x		
5. Chỉ có tình bạn trong sáng lành mạnh giữa những người cùng giới, không có ở những người khác giới.		x	
6. Phê phán, chỉ trích nặng nề khi bạn mắc sai lầm.		x	
7. Tỏ vẻ ta đây, tỏ vẻ biết nhiều.		x	
8. Tình bạn là sự tự nguyện, bình đẳng.	x		
9. Tình bạn cần có sự thông cảm, đồng cảm sâu sắc.	x		
10. Tình bạn vì lợi ích có thể khai thác được.		x	
11. Biết chia sẻ và giúp đỡ nhau.	x		

Sản phẩm cần đạt : Nhận thức đúng về tình bạn qua việc điền vào phiếu học tập.

2. Xử lí tình huống

Mục đích :

Học sinh vận dụng các kiến thức đã học trong Hoạt động hình thành kiến thức để xác định và lựa chọn cách ứng xử phù hợp nhất trong các tình huống giả định. Trên cơ sở đó, biết tôn trọng giá trị của tình bạn và có ý thức xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Các nhóm đọc kĩ tình huống và xác định các vấn đề/ yêu cầu trong từng tình huống, xác định không gian, thời gian xảy ra tình huống và đề xuất biện pháp giải quyết.

Tình huống 1 :

Em chơi thân với một bạn trong lớp nhưng gần đây bạn thường hay chỉ trích em. Bạn ấy lại vừa chỉ trích em thêm một lần nữa.

Giữ thái độ bình tĩnh, tự xem xét, đánh giá bản thân xem mình còn thiếu sót và khuyết điểm gì để cố gắng sửa chữa, tránh gây hiểu lầm từ phía bạn. Trao đổi thẳng thắn với bạn xem mình có điều gì làm bạn không hài lòng và sẵn sàng giải thích cho bạn hiểu nếu bạn mong muốn.

Tình huống 2 :

Lan bị ốm, phải nghỉ học. Vân là bạn thân của Lan được cô giáo nhờ đến nhà Lan để lấy vở giúp Lan ghi bài ở lớp. Vân hứa với cô giáo và cả lớp sẽ đến nhà Lan lấy vở và giúp giảng lại bài cho Lan nhưng Vân đã không thực hiện lời hứa, với lí do nhà Vân bận việc, Vân ngủ dậy muộn nên Vân không thể đến nhà Lan trước khi đến trường.

– *Hành vi của Vân là sai vì những lí do Vân đưa ra không thuyết phục, Vân đã không giữ đúng lời hứa với cô giáo và cả lớp.*

– *Nếu là bạn của Vân, em sẽ khuyên Vân thành thật nhận lỗi trước cô giáo và cả lớp, đồng thời tiếp tục đến nhà Lan giúp giảng bài cho Lan.*

– *Nếu là Lan, khi biết chuyện, em vẫn giữ thái độ thân mật bình thường với Vân, hỏi tại sao hôm đó bạn ngủ dậy muộn và đợi một dịp thuận lợi sẽ trách nhẹ để nhắc nhở bạn lần sau không nên có hành động như vậy.*

Sản phẩm cần đạt : Học sinh biết cách ứng xử với bạn bè.

3. Đặt tên cho ảnh

Mục đích : Cảm nhận một cách trực quan về mối quan hệ đẹp đẽ của tình bạn ở mọi độ tuổi.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Giáo viên và học sinh cùng trao đổi về nội dung các bức ảnh và đặt tên phù hợp tương ứng với mỗi bức ảnh.

Gợi ý : Những bức ảnh dưới đây thể hiện các tình bạn sau :



Bạn ấu thơ



Bạn đồng nghiệp



Bạn học phổ thông



Bạn già



Bạn cùng đơn vị



Bạn quốc tế

Sản phẩm cần đạt : Biết gọi tên tình bạn qua việc đặt tên phụ đề dưới các bức ảnh.

4. Thấu hiểu

Mục đích : Học sinh biết cách thiết lập và mở rộng quan hệ tình bạn.

Phương thức tổ chức hoạt động :

- Đề nghị học sinh tìm một người bạn trong lớp mà mình còn biết ít về bạn.
- Tổ chức cho các cặp đôi trao đổi về nơi ở, gia đình, sở thích, ước mơ, mục đích sống,...

– Kết hai đôi lại với nhau, hoặc có thể kết 6, 8 thành nhóm tùy theo thời gian, sau đó từng người lần lượt tự giới thiệu về mình với các bạn trong nhóm.

Lưu ý :

Đối với hoạt động này, giáo viên phải tế nhị động viên học sinh tham gia nhiệt tình và chia sẻ tối đa với bạn, tránh những trường hợp học sinh thực hiện qua loa cho xong nhiệm vụ sẽ không đạt được mục tiêu đặt ra.

Sản phẩm cần đạt : Học sinh cởi mở hơn với bạn và có thêm những người bạn thân.

5. Chia lớp thành 3 nhóm thảo luận câu hỏi

Mục đích : Học sinh hiểu được ý nghĩa sâu sắc về tình bạn trong sáng và liên hệ với thực tiễn bạo lực học đường hiện nay để các em biết cách ứng xử phù hợp trong tình bạn và xây dựng tình bạn để hiện tượng này không còn là nỗi nhức nhối trong nhà trường.

Phương thức tổ chức hoạt động :

- Giáo viên chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm một nhiệm vụ.
- Các nhóm trao đổi về nội dung được nhận.
- Mỗi nhóm chia sẻ thông tin với các nhóm khác.

Sản phẩm cần đạt : Biết xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh, giải quyết mâu thuẫn, tránh bạo lực học đường.



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Mục đích :

– Học sinh tự liên hệ và tự đánh giá trung thực về bản thân có những biểu hiện gì tốt hoặc chưa tốt trong quan hệ bạn bè của mình, từ đó xây dựng cho mình kế hoạch rèn luyện nhằm phát huy những điều tốt và khắc phục những điều chưa tốt.

– Góp phần hình thành năng lực tự học, tự quản lí và năng lực giải quyết vấn đề.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Đây là hoạt động chủ yếu được thực hiện ở nhà, giáo viên cần động viên khuyến khích học sinh tham gia thực hiện theo khả năng, sở thích. Vì vậy, giáo viên cần giao nhiệm vụ phù hợp với năng lực của học sinh.

– Với nhiệm vụ đánh giá về bản thân, giáo viên cho học sinh tự liên hệ và tự đánh giá trung thực về bản thân có những biểu hiện gì tốt hoặc chưa tốt trong quan hệ bạn bè của mình.

Lưu ý :

– Giáo viên không nên có thái độ chỉ trích, phê phán những hành vi/ biểu hiện trong quá khứ của học sinh mà các em đã tự đánh giá và chia sẻ. Điều quan trọng là giáo viên cần động viên, khen ngợi các em đã biết nhận ra sai lầm của mình và đề xuất hướng sửa chữa.

– Với nhiệm vụ vẽ tranh và triển lãm về chủ đề “Tình bạn” (hoặc thi hát về chủ đề “Tình bạn”). Đây là nhiệm vụ giúp học sinh củng cố, khắc sâu thêm về ý nghĩa, giá trị của tình bạn trong sáng, lành mạnh và các biện pháp cần thiết để tạo dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh trong cuộc sống.

+ Giáo viên yêu cầu mỗi nhóm học sinh vẽ một bức tranh về chủ đề “Tình bạn” và trình bày tranh xung quanh lớp học.

+ Sau khi học sinh các nhóm hoàn thành xong nhiệm vụ này, giáo viên cùng học sinh đi quanh lớp học quan sát các bức tranh và yêu cầu đại diện từng nhóm mô tả nội dung, ý nghĩa cũng như thông điệp từ sản phẩm của nhóm. Các nhóm khác theo dõi, nhận xét và góp ý. Giáo viên động viên, khích lệ kịp thời kết quả làm việc của các nhóm.

Sản phẩm cần đạt : Vẽ tranh ; Làm món quà tặng bạn.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Mục đích :

– Học sinh tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức về tình bạn. Biết nhìn nhận, đánh giá bản thân và có cách sống phù hợp nhằm tránh lối sống ích kỷ/ hoặc không trung thực để có được tình bạn tốt đẹp, trong sáng.

– Góp phần hình thành năng lực quan sát, năng lực tự học và tự quản lí bản thân.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Đây là hoạt động chủ yếu giao cho học sinh hoàn thành ở nhà vì thế giáo viên cần động viên và hướng dẫn học sinh suy ngẫm và trả lời câu hỏi.

– Với nhiệm vụ số 1 ở mục a, giáo viên động viên học sinh suy ngẫm và trả lời vì sao những người sống ích kỉ hoặc không trung thực thường có ít bạn bè.

– Ở mục b, giáo viên động viên học sinh suy ngẫm và thực hành theo lời khuyên về những điều nên và không nên trong tình bạn đã nêu trong sách *Hướng dẫn học GD CD 7*.

Sản phẩm cần đạt :

– Những người sống ích kỉ là sống chỉ biết đến bản thân, không biết nghĩ và không biết chia sẻ, thông cảm cho người khác. Sống không trung thực sẽ làm cho bạn bị mất lòng tin (*một lần bất tín vạn lần bất tín*), vì thế những người sống ích kỉ hoặc không trung thực thường có ít bạn bè.

– Học sinh biết tự nhận thức và thực hành theo lời khuyên về những điều nên và không nên trong tình bạn.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

Để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập chủ đề này của học sinh, giáo viên có thể dựa trên :

– Nghiên cứu sản phẩm học tập của học sinh (bài viết/ tranh vẽ/ bài tập xử lí tình huống/ bài tập cá nhân/ bài tập đóng vai/ kết quả sưu tầm ca dao, tục ngữ... về chủ đề tình bạn.

– Đánh giá qua quan sát sự tham gia hoạt động nhóm/ hoạt động cặp đôi của học sinh thể hiện thông qua các nhiệm vụ được giao.

– Giáo viên có thể xây dựng các bài kiểm tra trắc nghiệm ngắn/ các tình huống để kiểm tra mức độ thu nhận kiến thức của học sinh và các kĩ năng học được theo yêu cầu của chương trình.

– Giáo viên cũng có thể tổ chức cho học sinh tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau dưới những hình thức nhẹ nhàng, ví dụ như : dùng Phiếu bài tập KWL hoặc tự đánh giá mức độ đạt được của bản thân về kiến thức và kĩ năng sau khi học xong chủ đề này...

– Giáo viên có thể xây dựng ma trận để theo dõi và đánh giá theo mục tiêu ở các mức :

A : Tốt

B : Khá

C : Đạt

D : Chưa đạt

1, 2, 3, 4, 5 là thứ tự các mục tiêu của bài đã trình bày ở trên.

Ví dụ :

Họ và tên	1	2	3	4	5
Nguyễn Văn Q	B	A	D	A	C
Bùi Mạnh H	A	C	A	C	B
Đinh Thị V					
Trương Thanh M					

Bài 7

XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VĂN HOÁ

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Xác định được những tiêu chuẩn cơ bản của gia đình văn hoá và giải thích được ý nghĩa của việc xây dựng gia đình văn hoá.
- Thực hiện được những việc làm góp phần xây dựng gia đình văn hoá.
- Biết giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình. Biết trân trọng danh hiệu Gia đình văn hoá.

Các hoạt động học trong bài “Xây dựng gia đình văn hoá” được thực hiện thông qua các hình thức học cá nhân, cặp đôi, học nhóm nhằm giúp học sinh giải quyết các vấn đề về gia đình, gia đình văn hoá và những giá trị mà gia đình văn hoá mang lại cho cuộc sống mỗi người, trên cơ sở đó hình thành ở học sinh ý thức tự giác học tập, lao động để góp phần xây dựng gia đình mình trở thành gia đình văn hoá.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Mục đích : Học sinh chia sẻ những hiểu biết của bản thân về gia đình văn hoá.

Phương thức tổ chức hoạt động :

a) Hát tập thể

Giáo viên giới thiệu tên bài học, sau đó yêu cầu một học sinh (có thể là Chủ tịch Hội đồng tự quản hoặc cán bộ Ban Văn nghệ) cho cả lớp hát theo nhạc bài hát “Ba ngọn nến lung linh” của tác giả Ngọc Lễ. (Nếu không có nhạc, học sinh bắt nhịp, cả lớp hát theo nhịp vỗ tay).

b) Chia sẻ sau khi hát

– Giáo viên hướng dẫn học sinh làm việc cá nhân : Mỗi em hãy tìm và viết ra giấy/ vở ghi những ca từ, hình ảnh trong bài hát nói về gia đình. Hình ảnh về gia đình mà em thích nhất trong bài hát và giải thích tại sao.

– Giáo viên tổ chức cho học sinh trao đổi : Em hãy trao đổi với bạn ngồi bên cạnh kết quả và thống nhất với bạn câu trả lời : Gia đình trong bài hát có phải là gia đình văn hoá không ? Chi tiết nào giúp em khẳng định như vậy ?

– Giáo viên gọi một vài cặp trình bày câu trả lời trước lớp (Giáo viên nên quan sát khi học sinh làm việc cặp đôi để lựa chọn các cặp có câu trả lời không giống nhau trình bày). Câu trả lời không giống nhau của học sinh là cơ sở để giáo viên chuyển ý sang Hoạt động hình thành kiến thức.

Lưu ý :

Tuỳ vào đối tượng học sinh, môi trường lớp học, các điều kiện học tập... giáo viên có thể thiết kế Hoạt động khởi động khác như : Thi ô chữ, thi hát, kể chuyện, đố vui, trò chơi... có liên quan đến chủ đề “gia đình”.

Sản phẩm cần đạt :

- Suy nghĩ, cảm xúc của học sinh về gia đình (được viết ra giấy/ vở ghi).
- Xuất hiện vấn đề cần tìm hiểu : Gia đình trong bài hát có phải là gia đình văn hoá không ? Làm thế nào để xác định ?



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về gia đình văn hoá và các tiêu chuẩn cơ bản của gia đình văn hoá

Mục đích : Học sinh xác định được các tiêu chuẩn cơ bản của gia đình văn hoá.

Phương thức tổ chức hoạt động :

a) Giới thiệu về gia đình của em

Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc và thực hiện hai nhiệm vụ trong sách *Hướng dẫn học GDCC 7*.

– Hướng dẫn học sinh sử dụng giấy, bút màu để vẽ tranh mô tả những nét nổi bật về gia đình của mình hoặc viết bài luận (khoảng nửa trang giấy A4) về 3 điều muốn nói về gia đình của mình. (Giáo viên nên có các gợi ý cho học sinh khi vẽ

hoặc viết về gia đình như : số người, nơi ở, cảnh sinh hoạt trong gia đình, tình cảm gắn bó của các thành viên..., nên khuyến khích học sinh mô tả theo cảm nhận của các em).

– Hướng dẫn học sinh tạo nhóm : Những học sinh vẽ tranh tạo thành các nhóm hoạ sĩ (mỗi nhóm từ 5 đến 6 thành viên) ; Những học sinh viết bài luận tạo thành các nhóm nhà văn (mỗi nhóm từ 5 đến 6 thành viên). Mỗi nhóm sẽ trao đổi và chọn một sản phẩm tiêu biểu nhất để giới thiệu trước lớp (có thể thuyết trình hoặc sử dụng kĩ thuật phòng tranh).

Kết quả cần đạt : Học sinh khẳng định được mỗi người đều có gia đình của mình và mong muốn được sống trong một gia đình hạnh phúc, mọi người gắn bó, yêu thương nhau.

b) Thảo luận trong nhóm để hoàn thành các phiếu học tập

Giáo viên yêu cầu học sinh đọc các nhiệm vụ trong sách *Hướng dẫn học GDCC 7* và thảo luận trong nhóm để hoàn thành các phiếu.

– Phiếu số 1 : Tuỳ điều kiện thực tế, giáo viên có thể làm phiếu học tập theo mẫu trong sách *Hướng dẫn học GDCC 7*, cho học sinh điền vào phiếu hoặc yêu cầu học sinh viết vào vở của mình những điều được cho là quan trọng nhất đối với gia đình. Sau đó giáo viên hướng dẫn học sinh trao đổi trong nhóm để xác định xem những điều nhiều học sinh cùng cho là quan trọng nhất đối với gia đình có phải là tiêu chuẩn của một gia đình văn hoá không ? Giải thích tại sao.

Kết quả mong đợi từ nhiệm vụ này : Học sinh viết ra được các tiêu chuẩn của gia đình văn hoá theo cách hiểu của các em.

– Phiếu số 2 : Giáo viên yêu cầu học sinh đọc thầm thông tin 1, 2 trong sách *Hướng dẫn học GDCC 7*, sau đó thảo luận trong nhóm để thống nhất và hoàn thành phiếu.

Hướng dẫn các nhóm kiểm tra chéo phiếu số 2, đánh dấu những điểm chưa rõ, chưa thống nhất sau đó trao đổi chung trước lớp.

Học sinh trong nhóm so sánh kết quả trong phiếu số 2 với hiểu biết của bản thân về gia đình văn hoá (so sánh với nhận định về gia đình văn hoá ở hoạt động khởi động và kết luận trong phiếu số 1).

Sản phẩm cần đạt :

Giáo viên nhận xét kết quả làm việc của học sinh, chốt lại kiến thức học sinh cần ghi nhớ (ghi vở).

– Gia đình văn hoá là gia đình hoà thuận, hạnh phúc, tiến bộ, thực hiện kế hoạch hoá gia đình, đoàn kết với xóm giềng và làm tốt nghĩa vụ công dân.

– Tiêu chuẩn Gia đình văn hoá :

1. gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương.
2. Gia đình hoà thuận, hạnh phúc, tiến bộ, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.
3. Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả.

2. Tìm hiểu ý nghĩa của việc xây dựng gia đình văn hoá

Mục đích : Học sinh giải thích được những giá trị mà gia đình văn hoá đem lại cho các thành viên trong gia đình và xã hội.

Phương thức tổ chức hoạt động :

a) Đọc, suy ngẫm và trả lời câu hỏi

Giáo viên yêu cầu học sinh đọc trước câu hỏi (3 câu trong sách *Hướng dẫn học GD&CD 7*) để xác định nhiệm vụ trước khi đọc thông tin.

– Hướng dẫn học sinh đọc, phân tích thông tin, đặt mình vào hoàn cảnh những “đứa trẻ” trong thông tin để viết ước mơ (viết vào giấy/ vở ghi)... (Giáo viên có thể đưa thêm các câu hỏi gợi mở như : Em đã gặp những hoàn cảnh tương tự như vậy bao giờ chưa ? Cảm xúc của em khi đọc thông tin hoặc khi gặp những hoàn cảnh đó ? Điều gì khiến em có cảm xúc như vậy ? Nếu ở vào hoàn cảnh đó em sẽ mơ ước điều gì ?...).

– Yêu cầu học sinh chia sẻ với bạn ngồi cạnh để xác định : Gia đình có giá trị như thế nào đối với cuộc sống của mỗi người ? Một gia đình hoà thuận, tiến bộ, hạnh phúc, thực hiện tốt nghĩa vụ đối với xã hội sẽ đem lại những điều kiện gì cho mỗi thành viên trong gia đình và cho xã hội ?

Trên cơ sở phân tích các thông tin, giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập :

Là thành viên trong gia đình	
Điều em mong muốn	Điều em không mong muốn
.....

Sản phẩm cần đạt :

– Những giá trị mà gia đình văn hoá mang lại : Tổ ấm nuôi dưỡng mỗi cá nhân, đem lại sự ổn định, văn minh cho xã hội.

– Xác định được những điều mong muốn trong gia đình (Yêu thương, chia sẻ, có trách nhiệm trong xây dựng gia đình hoà thuận, tiến bộ, hạnh phúc...) và những điều không mong muốn (thờ ơ, ích kỉ, thiếu trách nhiệm,...).

Lưu ý : Giáo viên có thể tìm các thông tin, câu chuyện về gia đình từ học sinh và hướng dẫn học sinh khai thác ý nghĩa của việc xây dựng gia đình văn hoá.

3. Tìm hiểu trách nhiệm của học sinh trong việc xây dựng gia đình văn hoá

Mục đích : Học sinh xác định được những việc làm góp phần xây dựng gia đình văn hoá. Có ý thức giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình. Biết trân trọng danh hiệu Gia đình văn hoá.

Phương thức tổ chức hoạt động :

a) Đóng vai

Giáo viên hướng dẫn học sinh làm việc theo nhóm.

– Phân công mỗi nhóm sắm vai một tình huống trong sách *Hướng dẫn học GD CD 7*.

– Nhóm trưởng yêu cầu các thành viên đọc và phân tích tình huống, sau đó trao đổi để xây dựng thành kịch bản (có nhân vật, lời thoại, cách giao tiếp, ứng xử) để giải quyết tình huống.

Giáo viên có thể hỗ trợ từng nhóm bằng các gợi ý :

Với tình huống 1 : Gia đình Hoà có phải là gia đình văn hoá không ? Tại sao ? Hiện nay số gia đình có cách sống như gia đình Hoà có nhiều không ? Có nên thay đổi cách sống như vậy không ? Tại sao ? Nếu cần thay đổi thì em có thể làm được những việc gì để giúp gia đình Hoà...

Với tình huống 2 : Theo em, tại sao bạn Linh lại có suy nghĩ như vậy ? Nếu là người chứng kiến, em sẽ nói gì với Nam và Linh ? (Giáo viên có thể khuyến khích học sinh thử phát triển tình huống theo hướng khác).

Với tình huống 3 : Hãy khuyên Lan bằng cách đưa ra những hình ảnh/ mẫu người mà Lan có thể trở thành nếu cứ tiếp tục duy trì cách sống như vậy ? (khuyến khích học sinh đưa ra những lời khuyên/ ý kiến của mình với Lan, có thể đặt thêm các câu hỏi gợi ý như : Tại sao em lại khuyên Lan như vậy ?...).

– Các nhóm thực hiện kịch bản trước lớp.

– Giáo viên tổ chức thảo luận lớp : Nhận xét nội dung kịch bản của từng nhóm, cách thể hiện vai diễn (diễn xuất), cách ứng xử/ giải quyết tình huống, thông điệp các nhóm đưa ra từ các cách ứng xử/ giải quyết tình huống...

Kết quả mong đợi từ nhiệm vụ này :

Tình huống 1 : Gia đình Hoà sống chưa hoà nhập, chưa đoàn kết với hàng xóm láng giềng, chưa thực hiện nghĩa vụ của công dân.

Tình huống 2 : Không đồng tình với suy nghĩ của Linh vì chỉ coi trọng tiền bạc.

Tình huống 3 : Lan chưa làm tròn bổn phận của người con trong gia đình, nếu Lan cứ tiếp tục sống như thế thì khó có thể trở thành người có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội...

Những việc làm/ lời khuyên trong những tình huống trên nên : Cần gần gũi, thăm hỏi, thuyết phục, động viên, tổ chức các hoạt động tập thể...

b) Chia sẻ những việc cần làm để xây dựng gia đình mình trở thành gia đình văn hoá

– Giáo viên yêu cầu học sinh sử dụng kết quả từ phiếu học tập :

Là thành viên trong gia đình	
Điều em mong muốn	Điều em không mong muốn
.....

– Hướng dẫn học sinh trao đổi trong nhóm về những việc mà các em có thể làm để :

+ Đạt được những điều em mong muốn đối với gia đình mình.

+ Khắc phục những điều em không mong muốn đối với gia đình mình.

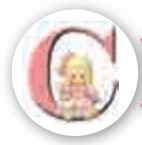
Giáo viên có thể sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn để mỗi học sinh trong nhóm ghi vào góc của mình ít nhất ba việc làm, sau đó lựa chọn để thống nhất ghi ý kiến của nhóm.

Kết quả của các nhóm được trình bày trên giấy khổ to (Các nhóm có thể thể hiện sản phẩm của nhóm mình qua kịch bản, tranh vẽ, bài viết, pano... khuyến khích học sinh tạo hình ảnh sinh động, diễn đạt sáng tạo...).

Giáo viên có thể sử dụng kĩ thuật phòng tranh để tổ chức cho các nhóm trưng bày sản phẩm và trao đổi trước lớp.

Sản phẩm cần đạt :

Những việc học sinh cần làm để góp phần xây dựng gia đình văn hoá : Sống lành mạnh, sinh hoạt giản dị, học tập chăm chỉ, tích cực tham gia các hoạt động với cộng đồng, kính trọng người già, vâng lời bố mẹ, thương yêu anh chị, em, không đua đòi ăn chơi, tránh xa các tệ nạn xã hội...



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Mục đích : Học sinh củng cố và hoàn thiện kiến thức về gia đình văn hoá vừa lĩnh hội được từ Hoạt động hình thành kiến thức đồng thời rèn luyện kĩ năng lập luận, trình bày, làm việc nhóm và hướng đến năng lực sáng tạo của học sinh.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Giáo viên yêu cầu học sinh đọc và thực hiện các nhiệm vụ 1, 2, 3, 4, 5 trong sách *Hướng dẫn học GDCC 7*. (Tuỳ vào thời lượng, điều kiện lớp học, đối tượng học sinh..., giáo viên có thể lựa chọn để học sinh thực hiện một số nhiệm vụ nhằm đạt được mục tiêu của hoạt động).

Nhiệm vụ 1. Ghép hình

– Mỗi học sinh sẽ quan sát, phân tích và mô tả vào giấy/ vở ghi các hình ảnh trong sách *Hướng dẫn học GDCC 7* (Nếu có phương tiện, giáo viên có thể chiếu các hình ảnh lên màn hình), sau đó ghép những hình ảnh tương ứng với những biểu hiện của gia đình trong bảng A, B, C...).

– Với nhiệm vụ này, giáo viên có thể thay thế những ảnh trong sách bằng những tranh/ hình ảnh phù hợp hơn, gắn với thực tiễn và gần gũi với các em học sinh...

Nhiệm vụ 2, 3. Đọc và trả lời, hoàn thành phiếu học tập

– Mỗi học sinh đọc và ghi vào vở câu trả lời (tán thành hoặc không tán thành cùng với lời giải thích) về các quan điểm của bài tập trong sách *Hướng dẫn học GDCC 7*.

– Với nhiệm vụ này, giáo viên có thể chiếu bài tập lên màn hình hoặc thiết kế dưới dạng phiếu học tập. Cần chú ý đến phần giải thích của học sinh.

Sau khi học sinh hoàn thành các nhiệm vụ 1, 2, 3, giáo viên yêu cầu học sinh chuyển kết quả cho bạn ngồi bên cạnh để kiểm tra (Ghi ra những điểm chưa thống nhất để trao đổi với bạn hoặc trước lớp).

Nhiệm vụ 4. Suy ngẫm

Giáo viên hướng dẫn học sinh làm việc cá nhân :

- Đọc thông tin và các câu hỏi trong sách *Hướng dẫn học GD CD 7*.
- Viết câu trả lời ra giấy/ vở ghi về những thành tích của các bạn học sinh trong thông tin, xác định những điều mình cần học hỏi ở các bạn và bản phận, trách nhiệm của bản thân trong việc xây dựng gia đình của mình theo các tiêu chuẩn của gia đình văn hoá.
- Tổ chức cho học sinh chia sẻ câu trả lời theo nhóm.

Nhiệm vụ 5. Chơi trò chơi “Hoa thơm, trái ngọt”

- Giáo viên chuẩn bị giấy, bút màu và các dụng cụ cần thiết (đề vào góc học tập).
- Giáo viên hướng dẫn học sinh :
 - + Đọc luật chơi (sách *Hướng dẫn học GD CD 7*).
 - + Nhóm trưởng cử thành viên đến góc học tập lấy dụng cụ.
- Giáo viên gợi ý cho các nhóm : vẽ “Cây gia đình văn hoá” với rễ cây là các tiêu chuẩn của gia đình văn hoá ; cành và lá là những biểu hiện của gia đình văn hoá ; hoa và quả là ý nghĩa của việc xây dựng gia đình văn hoá đối với cá nhân, gia đình và xã hội.
- Sau khi hoàn thành, các đội sẽ trưng bày và giới thiệu về sản phẩm của nhóm mình. Giáo viên tổ chức cho học sinh bình chọn cho các sản phẩm (bằng hình thức bỏ phiếu hồng) theo các tiêu chí (ý tưởng có ý nghĩa, thông điệp phong phú, cách trình bày sáng tạo...). Đội nào nhận được nhiều phiếu hồng sẽ là đội chiến thắng.

Sản phẩm cần đạt :

- Nhiệm vụ 1 :
 - Hình 1 ghép với A ;
 - Hình 2 ghép với G ;
 - Hình 3 ghép với C ;
 - Hình 4 ghép với E ;
 - Hình 5 ghép với D ;
 - Hình 6 ghép với H ;

Hình 7 ghép với B ;

Hình 8 ghép với I ;

Hình 9 ghép với K.

– Nhiệm vụ 2 :

Quan điểm	Tán thành	Không tán thành	Giải thích tại sao
1. Việc nhà là việc của mẹ và con gái.		x	Giúp đỡ bố mẹ là bổn phận của con cái.
2. Trong gia đình, nhất thiết phải có con trai.		x	Nam nữ bình đẳng.
3. Không cần có sự phân công chặt chẽ trong gia đình.		x	Mọi thành viên trong gia đình đều có trách nhiệm như nhau đối với công việc chung của gia đình.
4. Gia đình có nhiều con là hạnh phúc.		x	Đi ngược lại chính sách kế hoạch hoá gia đình, nếu gia đình nào cũng nhiều con sẽ tạo gánh nặng cho xã hội.
5. Con cái có thể tham gia bàn bạc chuyện gia đình.	x		Mọi thành viên đều có quyền và trách nhiệm như nhau trong gia đình.
6. Trong gia đình, mỗi người chỉ cần hoàn thành công việc của mình.		x	Cần có sự hỗ trợ, chia sẻ, giúp đỡ nhau.
7. Trẻ em có thể tham gia xây dựng gia đình văn hoá.	x		Quyền và trách nhiệm của tất cả các thành viên trong gia đình.
8. Mỗi gia đình chỉ nên có từ 1 đến 2 con để nuôi dạy cho tốt.	x		Thực hiện chính sách kế hoạch hoá gia đình (một trong những biểu hiện của gia đình văn hoá).

– Nhiệm vụ 3 : ghép 3 với A ; 5 với B ; 1 với C ; 2 với D.

– Nhiệm vụ 4, 5 : Để góp phần xây dựng gia đình mình trở thành gia đình văn hoá, mỗi học sinh cần chăm ngoan, học giỏi ; Luôn kính trọng và biết vâng lời, giúp đỡ ông bà, cha mẹ ; Yêu thương ông bà, cha mẹ, anh chị em ; Luôn giữ gìn uy tín, danh dự của gia đình, dòng họ.



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Mục đích :

Học sinh vận dụng được các kiến thức về gia đình văn hoá và các kĩ năng lập luận, trình bày, làm việc nhóm... để giải quyết các tình huống/ nhiệm vụ trong đời sống thực tiễn gắn với việc xây dựng gia đình văn hoá. (Đây là những tình huống, nhiệm vụ mới, gắn với thực tiễn, không giống với những tình huống/ nhiệm vụ đã được thực hiện ở Hoạt động hình thành kiến thức).

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Đây là hoạt động chủ yếu được thực hiện ở nhà, giáo viên cần khéo léo động viên, khuyến khích học sinh tham gia thực hiện theo khả năng, sở thích. Vì vậy, giáo viên cần giao nhiệm vụ phù hợp với khả năng và phong cách học của học sinh.

Ví dụ : Vẽ và triển lãm tranh hay “Em tập làm nhà báo”... là những nhiệm vụ phù hợp với những học sinh thích học theo phong cách quan sát, lắng nghe, trải nghiệm. Phù hợp với những học sinh thích học theo cách nghiên cứu, liên tưởng, hình dung, phán đoán... là nhiệm vụ “Liên hệ”.

– Để tổ chức hoạt động này, giáo viên nên tạo các nhóm học theo phong cách, mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ trong Hoạt động vận dụng và để học sinh tự lựa chọn nhóm cũng như nhiệm vụ mà học sinh thích học.

Với nhiệm vụ “Vẽ và triển lãm tranh cổ động” phong trào xây dựng gia đình văn hoá ở địa phương, giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm để :

- + Chọn địa điểm, thời gian ;
- + Xác định đối tượng hướng tới ;
- + Chọn chủ đề cổ động ;
- + Lên ý tưởng, xây dựng nội dung, chất liệu, hình thức thể hiện tranh ...

- + Cách tìm kiếm sự trợ giúp ;
- + Cách làm báo cáo để chia sẻ kết quả với các bạn trong lớp ;
- + Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm.

(Học sinh thực hiện nhiệm vụ này ở nhà và trưng bày sản phẩm cũng như chia sẻ kết quả tại lớp học. Giáo viên tổ chức cho học sinh các nhóm đánh giá, bình chọn...).

Với nhiệm vụ “Liên hệ”, giáo viên có thể cho học sinh chọn một trong các thể loại : Văn xuôi, truyện ngắn, truyện tranh, thơ, ca, hò, vè, đồng dao... để viết.

Với nhiệm vụ “Em tập làm nhà báo” nhằm hướng đến việc hình thành, phát triển năng lực hợp tác, năng lực tư duy, năng lực sử dụng ngôn ngữ và một số kĩ năng như : lắng nghe, thuyết phục, ghi chép... Giáo viên hướng dẫn các nhóm học sinh thảo luận để :

- + Lên kế hoạch tiếp xúc đối tượng (gia đình văn hoá tại địa phương).
- + Cách đặt vấn đề/ câu hỏi phỏng vấn, dự kiến tình huống nảy sinh, cách giải quyết.
- + Sản phẩm...

Sản phẩm cần đạt :

- Tranh cổ động và các báo cáo.
- Bài viết của học sinh.
- Kế hoạch và kết quả phóng sự.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Mục đích :

Học sinh tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức về gia đình văn hoá ngoài lớp học bằng cách tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống ; vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống bằng những cách khác nhau.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Cũng tương tự Hoạt động vận dụng, tìm tòi mở rộng là hoạt động chủ yếu được thực hiện ở nhà, học sinh cần được động viên, khuyến khích tham gia theo

khả năng, sở thích. Vì vậy, giáo viên yêu cầu học sinh đọc và nghiên cứu thật kĩ các nhiệm vụ trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*. Xác định những khó khăn có thể gặp phải khi giải quyết các nhiệm vụ và chia sẻ trước lớp để thống nhất cách thực hiện.

– Giáo viên yêu cầu học sinh tự giác hoàn thành các nhiệm vụ trong hoạt động này với sự giúp đỡ, hỗ trợ của bố, mẹ, anh, chị, em trong gia đình.

Sản phẩm cần đạt :

- Ca dao, tục ngữ nói về tình cảm và truyền thống gia đình.
- Thư thể hiện nguyện vọng, mong muốn.
- Bản kế hoạch để xây dựng gia đình văn hoá và nhật kí ghi quá trình thực hiện trong thời gian 3 tháng, kết quả có được sau 3 tháng thực hiện.

NXBGDVN

Bài 8

QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN VÀ NGHĨA VỤ TÔN TRỌNG, BẢO VỆ TÀI SẢN

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Giải thích được thế nào là quyền sở hữu tài sản.
- Nêu được nghĩa vụ của công dân trong việc tôn trọng tài sản của người khác và tôn trọng, bảo vệ tài sản của Nhà nước.
- Nêu được trách nhiệm của Nhà nước trong việc công nhận, bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân và bảo vệ tài sản của Nhà nước, lợi ích công cộng.
- Thực hiện tốt quy định của pháp luật về quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ tài sản.
- Có thái độ phê phán những hành vi không tôn trọng và những việc làm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, của người khác.

Trong bài học này, học sinh được đặt mình vào các vai diễn trong các tình huống pháp luật nhằm giải quyết các vấn đề về quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ tài sản của người khác, của Nhà nước. Trên cơ sở đó hình thành ở học sinh ý thức, hành vi tôn trọng, bảo vệ tài sản của mình, của người khác, của Nhà nước, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ tài sản.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Mục đích :

Học sinh chia sẻ kinh nghiệm, hiểu biết về quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ tài sản của người khác, của Nhà nước.

Phương thức tổ chức hoạt động :

1. Trò chơi “Đoán nhanh ô chữ”

Giáo viên giới thiệu khái quát về nội dung bài học, giới thiệu về trò chơi, cách chơi và hướng dẫn cả lớp chơi theo sách *Hướng dẫn học GDCD 7*.

Học sinh cả lớp cùng tham gia trò chơi.

2. Tìm hiểu khái niệm

– Học sinh làm việc cá nhân : Tìm và viết ra giấy/ vở ghi hiểu biết của bản thân về các khái niệm : “tài sản” ; “sở hữu”, “quyền sở hữu tài sản” được nhắc đến trong trò chơi.

– Giáo viên hướng dẫn học sinh chia sẻ kết quả làm việc cá nhân trước lớp và dựa vào đó để dẫn dắt chuyển sang hoạt động tiếp theo.

Lưu ý :

– Tùy điều kiện, giáo viên có thể chiếu ô chữ lên màn hình hoặc thiết kế thêm các ô chữ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Với mỗi ô chữ, học sinh trả lời đúng nên có hình thức khen thưởng để khích lệ tinh thần của các em.

– Giáo viên có thể sưu tầm và lựa chọn những câu chuyện liên quan đến chủ đề này để thiết kế hoạt động. Ví dụ : Sử dụng câu chuyện “Phân xử tài tình” kết hợp với tranh vẽ để thiết kế hoạt động “Kể chuyện theo tranh”.

Sản phẩm cần đạt :

– Các ô chữ :

Ô số 1 : TRUNG THỰC

Ô số 2 : NHÀ NƯỚC

Ô số 3 : HIẾN PHÁP

– Những hiểu biết của học sinh về các khái niệm “tài sản”, “sở hữu”, “quyền sở hữu tài sản”.

– Xuất hiện vấn đề cần tìm hiểu : Thế nào là quyền sở hữu ? Tại sao phải tôn trọng tài sản của người khác và tôn trọng, bảo vệ tài sản của Nhà nước ?...



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu về quyền sở hữu tài sản

Mục đích :

Học sinh xác định được quyền của công dân đối với tài sản mà mình sở hữu. Phân biệt được sự khác nhau giữa quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt. Nêu được các quy định trong Hiến pháp về quyền sở hữu tài sản.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Giáo viên yêu cầu học sinh đọc và thực hiện nhiệm vụ a, b trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*.

+ Với mục a, học sinh thực hiện nhiệm vụ sau đó trao đổi với bạn ngồi bên cạnh câu trả lời của mình, lí giải tại sao lại có tình cảm với đồ dùng của mình và cách xử sự với đồ dùng của người khác như vậy.

Kết quả mong đợi : Học sinh nhận biết được quyền của học sinh có đối với các đồ dùng học tập của mình như, sử dụng, yêu quý/ ghét bỏ, cho bạn mượn, vứt đi... được gọi là quyền sở hữu.

– Với mục b, sau khi từng học sinh quan sát ảnh, đọc thông tin và câu hỏi, trao đổi với bạn ngồi bên cạnh câu trả lời, giáo viên gợi ý để học sinh chia sẻ lí do đưa ra các đáp án.

Kết quả mong đợi : Học sinh xác định được anh Lâm có toàn quyền sở hữu xe, vì vậy anh có thể cho mượn, bán hoặc tặng ai đó chiếc xe của mình ; Hùng chỉ có quyền sử dụng xe ; bác Nghĩa và Hùng có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn xe...

Kết thúc nhiệm vụ a, b : Giáo viên cần nhấn mạnh *Quyền sở hữu tài sản của công dân bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt*.

– Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ c, d, e trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*. Mục c, d giáo viên thiết kế thẻ từ gắn bảng (Có thể thay thẻ từ bằng phiếu học tập).

+ Mục c, tổ chức cho học sinh thi theo cặp đôi : các cặp thảo luận để ghép thẻ nội dung vào thẻ quyền tương ứng. Cặp nào ghép nhanh nhất, chính xác nhất sẽ là đội chiến thắng. Sau khi kết thúc, giáo viên gợi ý để học sinh liên hệ về những tài sản thuộc sở hữu của gia đình mình.

+ Mục d, giáo viên tổ chức cho các cặp đôi học sinh tiếp tục thi để ghép thẻ nội dung vào thẻ tài sản cho phù hợp, sau đó gợi ý để học sinh giải thích vì sao lại ghép như vậy.

Kết quả mong đợi : ghép 1 – D ; 2 – A ; 3 – E ; 4 – G ; 5 – B ; 6 – C.

– Giáo viên yêu cầu học sinh đọc Điều 32 và Điều 53 của Hiến pháp năm 2013 trong sách *Hướng dẫn học GD&ĐT 7*, trao đổi trước lớp để xác định : Quyền sở hữu bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật. Nhà nước có quyền sở hữu đối với những tài sản được quy định tại Điều 53 như : Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do nhà nước đầu tư, quản lí là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu.

Sản phẩm cần đạt :

Giáo viên nhận xét kết quả làm việc của học sinh, chốt lại kiến thức học sinh cần ghi nhớ. Học sinh ghi vào vở :

– Quyền sở hữu tài sản là quyền của cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác theo quy định của pháp luật đối với tài sản bao gồm ba quyền là quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản.

– Quyền chiếm hữu là quyền trực tiếp nắm giữ, quản lí tài sản.

– Quyền sử dụng là quyền khai thác giá trị sử dụng của tài sản và hưởng lợi từ các giá trị sử dụng của tài sản đó.

– Quyền định đoạt là quyền quyết định đối với tài sản như : mua bán, tặng cho, để lại thừa kế, phá huỷ, vứt bỏ... Đây là quyền quan trọng nhất vì nó bao gồm cả hai quyền trên.

2. Xác định nghĩa vụ của công dân trong việc tôn trọng tài sản của người khác và tôn trọng, bảo vệ tài sản của Nhà nước

Mục đích :

Học sinh xác định được những hành vi thể hiện sự tôn trọng tài sản của người khác và tôn trọng, bảo vệ tài sản của Nhà nước. Xác định được nghĩa vụ của bản thân trong việc tôn trọng tài sản của người khác và tôn trọng, bảo vệ tài sản của Nhà nước dù ở bất kì hoàn cảnh nào.

Phương thức tổ chức hoạt động :

a) Phân tích nhận định và hoàn thành bảng

Giáo viên hướng dẫn các nhóm thảo luận về nội dung của nhận định trong sách *Hướng dẫn học GD&ĐT 7*, sau đó đọc yêu cầu trên bảng phụ và thảo luận

để tìm những việc làm, hành động phù hợp để điền vào bảng (có thể thay bằng bảng phiếu học tập).

Kết quả mong đợi, học sinh nhận biết được :

Những việc làm, hành động thể hiện sự tôn trọng, bảo vệ tài sản của người khác : Luôn hỏi hoặc xin phép khi muốn mượn đồ của người khác ; khi mượn có ý thức giữ gìn, bảo quản tài sản cẩn thận và trả đúng hẹn ; nhặt được của rơi, trả lại người đánh mất ; xin lỗi và đền bù thiệt hại (trong một số trường hợp) nếu làm thiệt hại, hỏng tài sản của người khác.

Những việc làm, hành động thể hiện sự tôn trọng, bảo vệ tài sản của Nhà nước : Sử dụng tiết kiệm, hợp lí các tài sản của Nhà nước như nước, tài nguyên thiên nhiên ; tham gia các hoạt động xã hội nhằm bảo vệ môi trường đất, nước và các loại tài nguyên thiên nhiên khác ; phê phán những hành vi phá hoại tài sản của Nhà nước như xả chất thải làm ô nhiễm môi trường, khai thác bừa bãi tài nguyên thiên nhiên ;...

Lưu ý : Giáo viên có thể sử dụng hoạt động khác như ghép ô chữ hoặc ghép tranh tương ứng với chủ đề tôn trọng, bảo vệ tài sản của người khác và của Nhà nước.

b) Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

Giáo viên yêu cầu học sinh đọc và phân tích câu chuyện “Nữ sinh nghèo nhặt được của rơi trả lại người đánh mất” trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*.

Học sinh thảo luận nhóm về những thông tin từ câu chuyện để trả lời các câu hỏi trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*.

Chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.

Lưu ý :

Giáo viên có thể sử dụng hình thức đóng vai theo các nhân vật trong câu chuyện sau đó hướng dẫn học sinh thảo luận các cách ứng xử có thể xảy ra.

Kết quả mong đợi : Học sinh đồng tình với hành động khi nhặt được tài sản của người khác thì tìm cách trả lại người đánh mất (có thể nhờ bố mẹ, thầy cô, hoặc các chú công an). Học sinh kết luận được : Hành động “Nhặt được của rơi, trả lại người đánh mất” không những thể hiện đức tính trung thực mà còn là nghĩa vụ của học sinh thể hiện sự tôn trọng tài sản của người khác.

c) Cùng xem và nêu nhận xét

Giáo viên cho hai nhóm học sinh giới thiệu clip hoặc báo ảnh có nội dung về các hành vi xâm hại tài sản của Nhà nước, của công dân (Học sinh được giáo

viên giao nhiệm vụ chuẩn bị trước). Yêu cầu học sinh trong lớp theo dõi nội dung clip/ báo ảnh mà hai nhóm giới thiệu, sau đó thảo luận để trả lời các câu hỏi trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*.

Kết quả mong đợi, học sinh xác định được :

Hành vi xâm phạm tài sản công dân và tài sản của Nhà nước là những hành vi xấu, gây ảnh hưởng đến người khác, đến cộng đồng. Những hành vi này là trái với pháp luật và cần được xử lý nghiêm minh.

Nếu mọi công dân đều xâm phạm đến tài sản của người khác và của Nhà nước thì trật tự xã hội sẽ không được đảm bảo, ai cũng sống trong trạng thái lo lắng, bất an, đất nước không thể phát triển được.

Giải pháp : Cần nâng cao ý thức của mọi người trong việc tôn trọng, giữ gìn tài sản của người khác và của Nhà nước ; Pháp luật cần quy định các chế tài và hình thức xử phạt nghiêm minh đối với các trường hợp vi phạm.

Lưu ý : Giáo viên cần khuyến khích học sinh đưa ra những quan điểm của bản thân và đề xuất các giải pháp.

Sản phẩm cần đạt :

– Giáo viên nhấn mạnh : Mọi công dân đều có nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ tài sản của người khác và của Nhà nước.

– Hành vi xâm phạm tài sản của công dân và của Nhà nước là hành vi trái pháp luật. Cần phải lên án và trừng phạt theo quy định pháp luật.

3. Tìm hiểu trách nhiệm của Nhà nước trong việc công nhận, bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân và bảo vệ tài sản của Nhà nước, lợi ích công cộng

Mục đích : Học sinh nắm được các quy định của pháp luật liên quan đến trách nhiệm của Nhà nước trong việc công nhận, bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân.

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

+ Giáo viên chia học sinh thành các nhóm và thực hiện học theo trạm. Mỗi trạm nghiên cứu một thông tin.

Các nhóm học sinh làm việc tại trạm trong thời gian 7 phút : đọc, phân tích thông tin và trả lời câu hỏi trong thông tin (câu trả lời được viết trên giấy A0 hoặc

bảng phụ. Khi có hiệu lệnh chuyển trạm thì mỗi trạm cử 1 học sinh ở lại phụ trách trạm và giải đáp câu hỏi cho học sinh các trạm khác, những học sinh còn lại dịch chuyển vị trí : Học sinh trạm số 2 sang trạm 1 ; học sinh trạm số 3 sang trạm 2 ; học sinh trạm số 1 sang trạm 3. Cứ như vậy, học sinh chuyển trạm cho tới khi học sinh trở về đúng trạm của mình thì hoạt động làm việc tại trạm kết thúc. Thời gian làm việc (đọc câu trả lời, đặt câu hỏi...) của học sinh ở các trạm mới là 3 phút.

Giáo viên yêu cầu học sinh chia sẻ kết quả bằng cách sử dụng những quy định trong các văn bản pháp luật được nghiên cứu tại các trạm để sắm vai giải quyết các tình huống ở mục b trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*.

+ Kết quả mong đợi từ nhiệm vụ a :

Thông tin 1 và 3 : Quyền sở hữu của công dân đã được ghi nhận và bảo vệ tại Bộ luật Dân sự ; không ai có thể bị hạn chế, bị tước đoạt trái luật quyền sở hữu đối với tài sản của mình ; chủ sở hữu có quyền tự bảo vệ, ngăn cản bất kì người nào có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của mình, truy tìm, đòi lại tài sản bị người khác chiếm hữu, sử dụng, định đoạt không có căn cứ pháp luật.

Nhà nước cần phải ban hành những quy định về quyền sở hữu của công dân trong các văn bản quy phạm pháp luật để làm cơ sở pháp lí cho việc bảo vệ quyền sở hữu tài sản của công dân, duy trì trật tự xã hội.

Để có thể đưa những quy định này vào trong đời sống, giúp mọi người hiểu biết hơn thì Nhà nước cần : tăng cường tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng như ti-vi, báo, đài, tổ chức các diễn đàn, hội nghị để trao đổi, đưa vào các nội dung bài học ở trường,...

Tuỳ từng trường hợp xâm phạm mà Nhà nước quy định các chế tài và hình thức xử phạt phù hợp như phạt tiền, phạt tù.

Thông tin 2 : Hành vi của Chiu Quý N là hành vi vi phạm pháp luật, gây tổn hại đến tài sản và tính mạng của người khác. Hành vi này cần phải bị xử lí nghiêm minh. Việc xét xử Chiu Quý N thể hiện trách nhiệm công nhận và bảo vệ tài sản của công dân của Nhà nước đối với quyền sở hữu tài sản của công dân. Nếu em chứng kiến hành vi cướp tài sản của N, em sẽ hô to để kêu gọi những người đi đường giúp đỡ bắt kẻ gian, đồng thời báo với cơ quan công an gần nhất.

+ Kết quả mong đợi từ nhiệm vụ b : Học sinh đưa ra phương án giải quyết cho từng tình huống.

Nếu bạn mượn đồ dùng không trả dù đã nói nhiều lần, thì có thể nhờ thầy/ cô giáo can thiệp để yêu cầu bạn trả lại đồ dùng cho mình.

Nếu đang đi trên đường mà bị cướp tài sản, có thể hô to để kêu gọi sự giúp đỡ từ những người xung quanh, sau đó đến báo với cơ sở công an gần nhất nếu không bắt được kẻ gian.

Nếu đang đi trên xe buýt, mà thấy kẻ gian lấy trộm tài sản của người khác, có thể nói với người lớn hoặc người phụ xe để giúp bắt kẻ gian.

Sản phẩm cần đạt :

Kết thúc hoạt động giáo viên cần nhấn mạnh :

– Nhà nước ban hành các văn bản pháp luật để bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, của Nhà nước và của cộng đồng (Ví dụ : Bộ luật Dân sự năm 2015...).

– Mọi công dân cần nghiêm túc chấp hành những quy định của pháp luật về quyền sở hữu tài sản nhằm duy trì trật tự xã hội.



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Mục đích :

Học sinh củng cố và hoàn thiện kiến thức về quyền sở hữu, nghĩa vụ của công dân trong việc tôn trọng, bảo vệ tài sản của người khác và của Nhà nước, đồng thời rèn luyện kỹ năng lập luận, trình bày quan điểm cá nhân.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Giáo viên yêu cầu học sinh đọc và thực hiện các nhiệm vụ 1, 2, 3, 4, 5, 6 trong sách *Hướng dẫn học GDCC 7*. Tùy vào thời lượng, điều kiện lớp học, đối tượng học sinh..., giáo viên có thể lựa chọn để học sinh thực hiện một trong số các nhiệm vụ này.

1. Đọc và trả lời

– Giáo viên phát phiếu học tập, học sinh đọc thông tin và tích (tán thành hoặc không tán thành cùng với lời giải thích) vào các ô tương ứng trong phiếu. Giáo viên quan sát học sinh làm việc, chú ý vào phần giải thích cho quan điểm cá nhân (dựa trên các kiến thức đã học về quyền sở hữu tài sản).

Sau khi học sinh hoàn thành, giáo viên yêu cầu các em chuyển kết quả cho bạn ngồi bên cạnh để kiểm tra (Ghi ra những điểm chưa thống nhất để trao đổi với bạn hoặc trước lớp).

– Kết quả mong đợi : học sinh tán thành với quan điểm 3, 4, 5, 7. Không tán thành với các tuyên bố còn lại.

2. Đọc hội thoại và thực hiện nhiệm vụ

– Học sinh đọc hội thoại và trả lời câu hỏi trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*. Giáo viên chú ý vào phần giải thích tại sao của học sinh (Căn cứ vào quyền sở hữu tài sản và trách nhiệm của công dân được quy định trong các văn bản pháp luật).

– Kết quả mong đợi, học sinh xác định được :

+ Ý kiến của Hải là đúng vì theo quy định của pháp luật, đó là nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ tài sản của người khác của công dân ; Lê Doãn Ý không phải chủ sở hữu do đó không có quyền sử dụng và định đoạt.

+ Bài học : Trung thực.

3. Trò chơi tiếp sức (giáo viên có thể ghép nhiệm vụ 3, 4)

– Giáo viên chia lớp làm 4 đội :

Đội 1 : Hành vi/ việc làm thực hiện đúng quy định của pháp luật về nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác.

Đội 2 : Hành vi/ việc làm thực hiện đúng quy định của pháp luật về nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ tài sản của trường, lớp, Nhà nước.

Đội 3 : Hành vi/ việc làm vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác.

Đội 4 : Hành vi/ việc làm vi phạm quy định của pháp luật về nghĩa vụ tôn trọng tài sản của trường, lớp, Nhà nước.

– Giáo viên quy định thời gian chơi, phân công và hướng dẫn thành viên làm trọng tài của trò chơi.

– Luật chơi : Các đội nhận thẻ từ, mỗi đội có 2 phút trao đổi và viết lên thẻ câu trả lời, khi có hiệu lệnh các đội nhanh chóng lên bảng gắn thẻ từ vào ô trả lời của đội mình theo hình thức tiếp sức. Trong thời gian 2 phút, đội nào gắn được nhiều thẻ có nội dung chính xác sẽ là đội chiến thắng.

(Giáo viên chuẩn bị thẻ và bút dạ để học sinh viết, nên chú ý bao quát lớp khi tổ chức trò chơi và nên có phần thưởng cho đội chiến thắng).

Học sinh chia sẻ trước lớp cảm xúc khi chơi, những kiến thức, kĩ năng thu được khi tham gia trò chơi.

4. Đọc, suy ngẫm và trả lời câu hỏi

Học sinh làm việc theo nhóm : đọc các câu ca dao, tục ngữ trong sách *Hướng dẫn học GDCC 7* sau đó trả lời câu hỏi để hiểu được những câu ca dao, tục ngữ này nói về sự tôn trọng, giữ gìn tài sản của người khác với ý nghĩa giúp xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người, tạo dựng sự tin tưởng.

5. Đóng vai và xử lý tình huống

Nhiệm vụ này với mong muốn học sinh có cơ hội trải nghiệm giải quyết tình huống thực tế liên quan đến quyền sở hữu tài sản. Xác định được mối quan hệ giữa quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản. Ngoài ra, xác định được quy định về quyền sở hữu tài sản đối với công dân là người chưa thành niên (chưa đủ 18 tuổi).

– Giáo viên hướng dẫn học sinh lựa chọn tình huống và xây dựng kịch bản (mỗi nhóm chọn một tình huống). Nhóm trưởng phân công vai diễn cho các thành viên, sau đó tổ chức sắm vai theo kịch bản đã xây dựng.

Phản kịch bản, giáo viên khuyến khích học sinh đưa ra các phương án giải quyết tình huống và những lập luận để đưa ra phương án giải quyết đó.

– Kết quả mong đợi :

Tình huống 1 : Bình không có quyền làm như vậy vì Bình không phải là chủ sở hữu của chiếc xe đạp ; Nếu là Minh, em có thể nhờ bố mẹ can thiệp để lấy lại chiếc xe đạp của mình ; Bình và Minh chỉ có quyền sử dụng xe đạp vì Bình và Minh (13 tuổi) chưa có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

Tình huống 2 : Hùng và Quang đã làm hư hỏng tài sản chung của nhà trường. Nhà trường sẽ có biện pháp kỉ luật đối với Hùng và Quang (gặp bố mẹ Hùng và Quang, yêu cầu Hùng và Quang viết bản kiểm điểm tường trình sự việc). Em sẽ góp ý với các bạn : nên tự giác nhận lỗi với thầy cô.

Tình huống 3 : Ông Nghĩa suy nghĩ như vậy là sai. Căn cứ theo Điều 229 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sản phẩm cần đạt : Học sinh ghi nhớ :

Chỉ người chủ sở hữu tài sản mới có quyền định đoạt tài sản. Người không phải là chủ sở hữu tài sản chỉ có quyền định đoạt tài sản theo uỷ quyền của chủ sở hữu hoặc theo quy định của pháp luật.

Người được chủ sở hữu uỷ quyền định đoạt tài sản phải thực hiện việc định đoạt phù hợp với ý chí, lợi ích của chủ sở hữu.



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Mục đích :

Học sinh vận dụng được các kiến thức về quyền sở hữu và các kĩ năng lập luận, trình bày, làm việc nhóm... để giải quyết các tình huống/ nhiệm vụ trong đời sống thực tiễn gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong việc tôn trọng tài sản của người khác và tôn trọng, bảo vệ tài sản của Nhà nước (đây là những tình huống, nhiệm vụ mới, gắn với thực tiễn, không giống với những tình huống/ nhiệm vụ đã được thực hiện ở Hoạt động hình thành kiến thức).

Phương thức tổ chức hoạt động :

– Hoạt động vận dụng chủ yếu được thực hiện ở nhà, giáo viên cần khéo léo động viên, khuyến khích học sinh tham gia thực hiện theo khả năng, sở thích. Vì vậy, giáo viên cần giao nhiệm vụ phù hợp với khả năng và phong cách học của học sinh.

Ví dụ : Nhận diện bản thân và những người xung quanh (nhiệm vụ 1, 2, 3) thường phù hợp với những học sinh thích học theo cách nghiên cứu, liên tưởng, hình dung, phán đoán... Vẽ và triển lãm bản đồ tư duy (nhiệm vụ 4) thường phù hợp với những học sinh thích học theo phong cách quan sát, trải nghiệm.

– Để tổ chức hoạt động vận dụng, giáo viên nên tạo các nhóm học theo phong cách, mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ trong hoạt động, học sinh tự lựa chọn nhóm cũng như nhiệm vụ mà học sinh thích học.

Với nhiệm vụ “Nhận diện bản thân ; Nhận diện xung quanh ; Noi gương sáng”, giáo viên có thể cho học sinh chọn một trong các thể loại : Văn xuôi, truyện ngắn, truyện tranh, thơ, ca, hò, vè, đồng dao... để viết.

Với nhiệm vụ “Vẽ và triển lãm bản đồ tư duy” về trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện quyền sở hữu và nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác và tôn trọng, bảo vệ tài sản của Nhà nước, giáo viên hướng dẫn học sinh làm việc nhóm để lên ý tưởng, xây dựng nội dung, chất liệu, hình thức thể hiện... Phân công nhiệm vụ các thành viên...

(Học sinh thực hiện nhiệm vụ này ở nhà và trưng bày sản phẩm cũng như chia sẻ kết quả tại lớp học. Giáo viên tổ chức cho học sinh các nhóm đánh giá, bình chọn...).

Sản phẩm cần đạt :

- Bài viết của học sinh.
- Sơ đồ tư duy.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Mục đích : Học sinh tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức bằng cách tìm hiểu các văn bản pháp luật có liên quan để tuyên truyền cho mọi người xung quanh.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Cũng tương tự Hoạt động vận dụng, tìm tòi mở rộng là hoạt động chủ yếu được thực hiện ở nhà, học sinh cần được động viên, khuyến khích tham gia theo khả năng, sở thích. Vì vậy, giáo viên yêu cầu học sinh đọc và nghiên cứu thật kĩ các nhiệm vụ trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*. Xác định những khó khăn có thể gặp phải khi giải quyết các nhiệm vụ, tìm các giải pháp để tự giác hoàn thành các nhiệm vụ trong hoạt động này với sự giúp đỡ, hỗ trợ của bố, mẹ, anh chị em trong gia đình.

Sản phẩm cần đạt :

- Kế hoạch tuyên truyền, nội dung tuyên truyền, kết quả thu được sau khi tuyên truyền.
- Bài luận.

Bài 9

HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

MỤC TIÊU

Sau bài học này, học sinh :

- Nêu được Hiến pháp là gì, vị trí của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam.
- Trình bày được một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Phân biệt được Hiến pháp với các văn bản pháp luật khác.
- Tự giác sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

– Đây là một chủ đề khó nhưng thiết thực, liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân. Các phương pháp dạy học có thể sử dụng trong bài là phương pháp nêu vấn đề, phương pháp đóng vai, phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình, hoạt động nhóm/ cặp và phương pháp dự án. Giáo viên cần tổ chức cho học sinh quan sát, tìm hiểu, thảo luận thông qua tranh ảnh, các thông tin, sự kiện, câu chuyện liên quan đến chủ đề bài học để học sinh hiểu thế nào là Hiến pháp và vai trò của Hiến pháp từ đó có ý thức tự giác sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật.

– Giáo viên cần kết hợp giữa hướng dẫn học sinh tự tìm hiểu về nội dung kiến thức với việc giúp học sinh vận dụng kiến thức của bài học vào thực tế cuộc sống của các em, của trường, của lớp, của địa phương... Giáo viên nên thường xuyên dùng phương pháp gợi mở để khuyến khích học sinh chia sẻ tối đa suy nghĩ và sự hiểu biết của mình về chủ đề.

– Tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh, đối tượng người học mà giáo viên có thể vận dụng/ hoặc loại bỏ bớt những hoạt động/ những bước không phù hợp với lớp học của mình, hoặc có thể thay thế, bổ sung bằng các hoạt động khác cho phù hợp với đối tượng học sinh.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH



HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Mục đích : Khởi gợi kinh nghiệm và sự hiểu biết của học sinh về Hiến pháp và pháp luật.

Kĩ thuật học tích cực có thể được sử dụng trong tổ chức hoạt động : Kĩ thuật động não và kĩ thuật mảnh ghép.

Phương thức tổ chức hoạt động : Phương pháp trò chơi

Để thực hiện hoạt động khởi động như gợi ý trong sách *Hướng dẫn học GD&ĐT 7*, giáo viên cần chuẩn bị sẵn nội dung các câu hỏi liên quan đến những vấn đề học sinh đã học tương ứng với từng ô cửa bí mật. Đồng thời giáo viên xác định một từ chìa khoá cho từng ô cửa để khi học sinh lật mở xong các ô cửa bí mật, cụm từ chìa khoá cuối cùng sẽ là từ “Hiến pháp” để giáo viên sử dụng từ chìa khoá này giới thiệu bài học mới.

Xuất hiện vấn đề cần tìm hiểu : Hiến pháp là gì ? Hiến pháp có nội dung và vai trò như thế nào ?

Lưu ý : Giáo viên có thể thay thế hoạt động khởi động này bằng hoạt động khác cho phù hợp với đối tượng học sinh.



HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu Hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam

Mục đích : Học sinh hiểu về lịch sử lập hiến Việt Nam và mục đích ra đời của Hiến pháp, từ đó có căn cứ để hiểu Hiến pháp là gì.

Kĩ thuật học tích cực có thể được sử dụng trong tổ chức hoạt động : Kĩ thuật động não, kĩ thuật chia nhóm, giao nhiệm vụ nhóm và kĩ thuật XYZ.

Phương thức tổ chức hoạt động : Phương pháp nêu vấn đề và thảo luận nhóm.

– Để tiến hành hoạt động theo nhóm, giáo viên cần chuẩn bị bảng trống (theo mẫu) trong sách *Hướng dẫn học GD&ĐT 7* và để sẵn vào góc học tập.

– Trong hoạt động này, giáo viên yêu cầu học sinh đọc thầm/ hoặc gọi một học sinh đọc nội dung đoạn thông tin và thực hiện các yêu cầu đặt ra của mục a, b, c trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*.

Kết quả cần đạt : Học sinh nhận biết được :

– Từ khi thành lập nước (1945) đến nay, Nhà nước ta đã ban hành những bản Hiến pháp sau : Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013.

– Cần có sự thay đổi các bản Hiến pháp để phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh đất nước trong từng thời kì.

Các bản Hiến pháp	Hoàn cảnh ra đời	Số chương, điều
1946	Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.	Lời nói đầu và 7 chương, 70 điều
1959	Nhiều sự kiện chính trị quan trọng làm thay đổi tình hình chính trị, xã hội và kinh tế của đất nước.	Lời nói đầu và 112 điều chia thành 10 chương
1980	Thời kì cả nước độc lập, thống nhất, cùng thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược chung là : xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Lời nói đầu, 147 điều chia làm 12 chương
1992	Điều kiện kinh tế – xã hội của đất nước thay đổi.	Lời nói đầu và 147 điều chia làm 12 chương
2013	Thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.	Lời nói đầu, 11 chương với 120 điều

– Mục đích ra đời của Hiến pháp : Cụ thể hoá Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì mới và vạch ra phương hướng phấn đấu để Nhà nước tiến lên trong thời gian tới.

2. Mối liên hệ giữa Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác

Mục đích : Học sinh hiểu mối liên hệ giữa Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác từ đó có căn cứ để hiểu Hiến pháp là văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lí cao nhất trong hệ thống pháp luật nước ta.

Kĩ thuật học tích cực có thể được sử dụng trong tổ chức hoạt động : Kĩ thuật động não và kĩ thuật công đoạn.

Phương thức tổ chức hoạt động : Phương pháp nêu vấn đề và thảo luận nhóm.

Giáo viên cho học sinh làm việc theo nhóm. Trước hết, học sinh đọc thầm những yêu cầu/ nhiệm vụ trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*. Sau đó các thành viên suy nghĩ và trao đổi với nhau.

Kết quả cần đạt :

– Hiến pháp và các văn bản pháp luật có mối quan hệ chặt chẽ, các văn bản pháp luật đều được xây dựng, ban hành căn cứ vào Hiến pháp.

– Hiến pháp là văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lí cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

3. Nội dung của Hiến pháp

Mục đích : Học sinh hiểu nội dung của Hiến pháp.

Kĩ thuật học tích cực có thể được sử dụng trong tổ chức hoạt động : Kĩ thuật động não, kĩ thuật mảnh ghép, kĩ thuật công đoạn.

Phương thức tổ chức hoạt động : Nêu vấn đề và thảo luận nhóm.

– Đối với hoạt động thảo luận nhóm, giáo viên cần đi vòng quanh theo dõi và hỗ trợ/ giải đáp/ động viên kịp thời cho từng nhóm học sinh. Ngoài các hình thức như gợi ý, giáo viên có thể thay thế bằng các hoạt động khác cho phù hợp với đối tượng học sinh.

– Các nhóm học sinh đọc thầm nội dung thông tin và thực hiện các yêu cầu đặt ra của mục a, b, c, d trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*.

– Kết quả cần đạt :

Chủ thể thông qua Hiến pháp	Nội dung của Hiến pháp	Phạm vi và mức độ điều chỉnh của Hiến pháp	Hiệu lực pháp lí của Hiến pháp
Quốc hội	Hiến pháp quy định những vấn đề nền tảng, những nguyên tắc mang tính định hướng của đường lối xây dựng, phát triển đất nước : bản chất nhà nước ; chế độ chính trị, chế độ kinh tế, chính sách văn hoá, giáo dục ; khoa học, công nghệ và môi trường ; quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân ; tổ chức bộ máy nhà nước.	– Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước. – Mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật.	Có hiệu lực pháp lí cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

– Trong mục d, học sinh nêu được một ví dụ về quyền trẻ em hoặc các luật, bộ luật khác mà đó là sự cụ thể hoá của Hiến pháp.

– Sau khi học sinh hoàn thành các nhiệm vụ trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*, giáo viên kết luận : Hiến pháp là văn bản pháp luật có hiệu lực pháp lí cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Mọi văn bản pháp luật khác đều được xây dựng, ban hành trên cơ sở các quy định của Hiến pháp, không được trái với Hiến pháp.

4. Tìm hiểu nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013

Mục đích : Học sinh hiểu nội dung cơ bản của Hiến pháp năm 2013.

Kĩ thuật học tích cực có thể được sử dụng trong tổ chức hoạt động : Kĩ thuật động não, kĩ thuật công đoạn và kĩ thuật khăn trải bàn.

Phương thức tổ chức hoạt động : Nêu vấn đề và thảo luận nhóm.

– Học sinh học theo nhóm dựa vào các thông tin trong mục a sách *Hướng dẫn học GDCD 7* dưới sự điều khiển của nhóm trưởng và hoàn thành các yêu cầu đề ra trong các mục b, c, d trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*.

– Sản phẩm cần đạt :

Mục đích ra đời	Nội dung cơ bản	Những điểm mới về nội dung
Thể chế hoá những đường lối, chính sách lớn của Đảng ; ghi nhận những thành tựu của hơn 25 năm đổi mới ; xứng tầm một bản Hiến pháp mang tính ổn định, lâu dài.	Bản chất nhà nước ; chế độ chính trị ; chế độ kinh tế ; chính sách văn hoá, giáo dục ; khoa học, công nghệ và môi trường ; quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân ; tổ chức bộ máy nhà nước.	– Gồm 11 chương và 120 điều (giảm 1 chương, 27 điều ; giữ nguyên 7 điều, làm mới 12 điều, sửa đổi 101 điều so với Hiến pháp năm 1992). – Bộ cục của Hiến pháp năm 2013 cũng có sự thay đổi nhất định so với Hiến pháp năm 1992.

Hiến pháp thường đề cập đến những nội dung cơ bản như : bản chất nhà nước, chế độ chính trị ; chế độ kinh tế ; chính sách văn hoá, giáo dục ; khoa học, công nghệ và môi trường ; quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân ; tổ chức bộ máy nhà nước.

Những nội dung cơ bản mà Hiến pháp đề cập đều là những vấn đề nền tảng, những nguyên tắc mang tính định hướng của đường lối xây dựng, phát triển đất nước.

Kết thúc hoạt động, giáo viên cần nhấn mạnh cho học sinh hiểu : So với các bản Hiến pháp trước, Hiến pháp năm 2013 có nhiều điểm mới cả về nội dung và kĩ thuật lập hiến, thể hiện sâu sắc và toàn diện sự đổi mới đồng bộ cả về kinh tế và chính trị ; thể hiện bản chất dân chủ, sự tiến bộ của Nhà nước và chế độ trong thời kì mới.

Giáo viên nhấn mạnh : Để Hiến pháp sớm đi vào cuộc sống, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới toàn diện đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh thì việc tôn trọng, nghiêm chỉnh thi hành và bảo vệ Hiến pháp là trách nhiệm và nghĩa vụ thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

5. Trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện Hiến pháp, pháp luật

Mục đích : Học sinh hiểu rõ trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện Hiến pháp, pháp luật.

Kĩ thuật học tích cực có thể được sử dụng trong tổ chức hoạt động : Kĩ thuật động não, và kĩ thuật công đoạn.

Phương thức tổ chức hoạt động : Phương pháp nêu gương, thuyết trình và thảo luận nhóm.

Ở hoạt động này, giáo viên hướng dẫn học sinh đọc yêu cầu, sau đó làm việc theo nhóm để hoàn thành các nhiệm vụ trong mục a, b, c sách *Hướng dẫn học GDCD 7*.

Kết quả cần đạt :

– Học sinh nêu được các hành vi thực hiện đúng và hành vi vi phạm Hiến pháp trong cuộc sống hằng ngày mà các em quan sát được rồi điền vào bảng mẫu trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7*.

– Để hạn chế những biểu hiện vi phạm Hiến pháp và pháp luật cần : sống lành mạnh, không sa vào các tệ nạn xã hội và chấp hành đúng những quy định của Hiến pháp, pháp luật.

Đối tượng	Hành vi thể hiện trách nhiệm
Gia đình	Thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm của gia đình, chấp hành đúng những quy định của Hiến pháp, pháp luật.

Đối tượng	Hành vi thể hiện trách nhiệm
Công dân	Tin tưởng vào Hiến pháp, pháp luật. Sống lành mạnh, không sa vào các tệ nạn xã hội và chấp hành đúng những quy định của Hiến pháp, pháp luật.
Xã hội	Xây dựng xã hội lành mạnh, hiện đại, tạo điều kiện cho cá nhân được phát triển toàn diện. Nghiêm khắc và xử lý triệt để đối với hành vi vi phạm Hiến pháp, pháp luật.

Mọi hành vi trái quy định của Hiến pháp sẽ bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Lưu ý :

Giáo viên động viên học sinh nêu một số hành vi thực hiện đúng Hiến pháp, pháp luật và vi phạm Hiến pháp, pháp luật vào bảng mẫu theo gợi ý trong sách *Hướng dẫn học GDCD 7* hoặc giáo viên có thể yêu cầu học sinh kể về một tấm gương thực hiện tốt Hiến pháp, pháp luật hoặc một vụ việc vi phạm Hiến pháp, pháp luật để từ đó rút ra bài học cho bản thân trong cuộc sống, học tập.



HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

1. Nhiệm vụ 1, 2 và 3

Mục đích : Học sinh nhận diện được thế nào là Hiến pháp, cơ quan ban hành, sửa đổi và bổ sung Hiến pháp và các văn bản pháp luật khác, đồng thời biết lựa chọn đúng, khắc sâu được những kiến thức mà học sinh đã được tìm hiểu thông qua Hoạt động hình thành kiến thức.

Sản phẩm cần đạt :

– 1. Việc ban hành, sửa đổi, bổ sung Hiến pháp do (đáp án C. Quốc hội) thực hiện.

– 2a. Hiến pháp là đạo luật (đáp án C. cơ bản) của Nhà nước, có hiệu lực pháp lí cao nhất. Mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp, không được trái với Hiến pháp.

A. căn bản

B. cơ sở

C. cơ bản

D. quan trọng

– 2b. Một trong những nội dung của Hiến pháp nước ta là sự khẳng định tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về (đáp án D. nhân dân).

A. công nhân B. trí thức C. nông dân D. nhân dân

– 3. Ghép cơ quan ban hành với văn bản tương ứng :

+ Quy chế tuyển sinh Đại học do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành.

+ Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

+ Hiến pháp, Luật Giáo dục do Quốc hội ban hành.

+ Luật Doanh nghiệp do Quốc hội ban hành.

+ Luật Thuế giá trị gia tăng do Quốc hội ban hành.

2. Trò chơi ghép hình “cây Hiến pháp”

Mục đích : Tạo không khí sôi động cho lớp học sau khi học sinh học xong toàn bộ nội dung lí thuyết.

Phương thức tiến hành hoạt động : Phương pháp trò chơi.

Giáo viên có thể thực hiện tuần tự theo các bước và nội dung gợi ý của trò chơi trong sách *Hướng dẫn học GD&DC 7* hoặc có thể tổ chức trò chơi dưới dạng bảng ô chữ/ thi tuyên truyền viên về Hiến pháp...

Lưu ý :

Để thực hiện được hoạt động này, giáo viên cần chuẩn bị trước nội dung và các mảnh ghép của “cây Hiến pháp”, để sẵn vào góc học tập. Khi tổ chức trò chơi, giáo viên quan sát và yêu cầu học sinh thực hiện nghiêm túc, đúng luật.

Cách đánh giá : Giáo viên đánh giá thông qua sản phẩm ghép hình của học sinh là “cây Hiến pháp” và thuyết trình về “cây Hiến pháp” của nhóm mình.



HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Mục đích :

– Học sinh tự liên hệ và tự đánh giá trung thực về bản thân có những biểu hiện gì tốt hoặc chưa tốt trong việc chấp hành Hiến pháp, pháp luật và kỉ luật ở trường/ lớp/ gia đình/ ngoài xã hội của mình từ đó xây dựng kế hoạch rèn luyện nhằm phát huy những điều tốt và khắc phục những điều chưa tốt.

– Góp phần hình thành năng lực tự học, tự quản lí và năng lực giải quyết vấn đề.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Đây là hoạt động chủ yếu được thực hiện ở nhà, giáo viên cần động viên, khuyến khích học sinh tham gia thực hiện theo khả năng, sở thích. Vì vậy, giáo viên cần giao nhiệm vụ phù hợp với năng lực của học sinh.

Nhiệm vụ 1. Đánh giá việc thực hiện trách nhiệm của bản thân

Giáo viên động viên học sinh chia sẻ tối đa việc thực hiện tốt trách nhiệm, đồng thời cần khen ngợi các em nhận ra sai lầm của mình và đề xuất hướng sửa chữa. Giáo viên không nên có thái độ chỉ trích, phê phán những hành vi/ biểu hiện trong quá khứ của học sinh mà các em đã tự đánh giá và chia sẻ.

Nhiệm vụ 2. Xây dựng kế hoạch

Mục đích : Học sinh tự suy nghĩ về những việc mình có thể làm để nâng cao tinh thần, trách nhiệm của người công dân đối với việc chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước góp phần tạo nên một xã hội văn minh, hiện đại.

Phương thức tiến hành hoạt động : Phương pháp dự án.

Trước hết giáo viên hướng dẫn và yêu cầu các nhóm nêu ý tưởng của nhóm và dự kiến việc triển khai ý tưởng đó trong thực tiễn.

Cách đánh giá : Giáo viên tiến hành kiểm tra kết quả hoạt động của nhóm vào các giờ học kế tiếp.

Nhiệm vụ 3. Vẽ tranh và triển lãm về chủ đề “Tìm hiểu Hiến pháp”

Mục đích : Học sinh củng cố, khắc sâu thêm về Hiến pháp và vai trò của Hiến pháp đồng thời góp phần tuyên truyền mọi người thực hiện tốt Hiến pháp.

Phương thức tiến hành hoạt động : Phương pháp dự án và kĩ thuật phòng tranh.

Giáo viên hãy yêu cầu mỗi nhóm học sinh cần có một sản phẩm là bức tranh về chủ đề “Tìm hiểu Hiến pháp” và các sản phẩm cần được trình bày xung quanh lớp học.

Cách đánh giá : Sau khi học sinh các nhóm hoàn thành xong nhiệm vụ này, hãy cùng học sinh đi quanh lớp học quan sát các bức tranh và yêu cầu đại diện từng nhóm mô tả nội dung và ý nghĩa cũng như thông điệp từ sản phẩm của nhóm. Các nhóm khác theo dõi và nhận xét, góp ý. Giáo viên động viên, khích lệ kịp thời kết quả làm việc của các nhóm.

Nhiệm vụ 4. Trao đổi cùng người thân

Mục đích : Khích lệ sự tương tác giữa cha mẹ và con cái, thông qua đó cũng có thể giáo dục cả người lớn về ý thức và trách nhiệm công dân sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật vì hạnh phúc của chính mình và cộng đồng. Ngoài ra, học sinh học được nhiều kĩ năng khác nhau khi tham gia tương tác, trao đổi.

Trên cơ sở của các hoạt động trên, giáo viên hãy giao nhiệm vụ cho học sinh về trao đổi với cha mẹ, anh chị em, người thân... về các cách để nâng cao ý thức của người dân trong việc chấp hành Hiến pháp, pháp luật.

Phương thức tiến hành hoạt động : Phương pháp nêu vấn đề.

Cách đánh giá : Giáo viên kiểm tra, đánh giá kết quả của hoạt động này vào các giờ học kế tiếp.



HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

Mục đích : Học sinh tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức về Hiến pháp, biết nhìn nhận, đánh giá bản thân và có cách sống phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, đồng thời vận dụng năng lực quan sát, năng lực tự học và tự quản lí bản thân.

Phương thức tổ chức hoạt động :

Đây là hoạt động chủ yếu giao cho học sinh hoàn thành ở nhà vì thế giáo viên cần động viên và hướng dẫn học sinh suy ngẫm và trả lời câu hỏi trong sách *Hướng dẫn học GD&ĐT 7*.

Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu thêm về Hiến pháp

Hãy yêu cầu học sinh tìm hiểu thêm về các quy định của Hiến pháp năm 2013 liên quan đến quyền, nghĩa vụ của trẻ em mà chưa được học trên lớp.

Giáo viên kiểm tra, đánh giá hoạt động này của học sinh trong các giờ học kế tiếp.

Nhiệm vụ 2. Sưu tầm tranh cổ động

Giáo viên nhắc nhở các em tiếp tục tìm hiểu và sưu tầm tranh cổ động về chủ đề “Sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật”.

Tập san hoặc pa nô ảnh mà các em sưu tầm có thể thực hiện trước để phục vụ cho giờ học trên lớp.

Nhiệm vụ 3. Tìm hiểu tấm gương sống đẹp

– Yêu cầu học sinh kể về những tấm gương đã hoàn thành tốt nghĩa vụ công dân trong việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật mà các em quan sát được từ cuộc sống. Giải thích vì sao họ có thể làm được như vậy.

– Yêu cầu học sinh kể về những người sống xung quanh chưa thực hiện tốt trách nhiệm của công dân trong việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật. Hãy phân tích hậu quả của những hành vi đó.

Sau đó, yêu cầu học sinh rút ra bài học cho bản thân để có thể noi theo gương tốt và tránh được gương xấu trong việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật.

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

Để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập chủ đề này của học sinh, giáo viên có thể dựa trên việc hoàn thành các yêu cầu, nhiệm vụ của học sinh thông qua các hoạt động trong bài học để đánh giá các năng lực và kĩ năng được hình thành thông qua các hoạt động và việc thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ đó. Cấp độ đánh giá ở các hoạt động này là nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng sáng tạo. Do đó, việc đánh giá năng lực nhận thức của học sinh phải được kết hợp một cách linh hoạt các hình thức kiểm tra, đánh giá khác nhau.

Ở bài học này, ngoài những hình thức đánh giá thông thường như quan sát, trắc nghiệm, viết bài luận..., giáo viên cần sử dụng các bảng đánh giá tiến độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân tham gia các hoạt động nhóm.

Để đánh giá được mức độ thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ của từng học sinh khi tham gia làm việc nhóm, giáo viên có thể sử dụng *Bảng đánh giá học tập của cá nhân trong nhóm* theo mẫu sau :

Họ và tên người đánh giá Nhóm

Tên thành viên \ Tiêu chí	Nhiệt tình, nghiêm túc	Đóng góp ý tưởng	Xác định rõ mục tiêu	Tổ chức và quản lý nhóm	Làm việc hợp tác	Tính hiệu quả	Tổng điểm
Thành viên 1							
Thành viên 2							
Thành viên 3							
Thành viên 4							

Mỗi thành viên trong nhóm có một phiếu đánh giá. Mỗi thành viên sẽ đánh giá các thành viên còn lại thông qua việc cho điểm từng tiêu chí. Điểm 3 là tốt ; điểm 2 là trung bình ; điểm 1 là không tốt lắm ; điểm 0 là không tham gia hoạt động và không có đóng góp gì cho nhóm.

Cộng tổng điểm tất cả các tiêu chí của một thành viên do các thành viên khác đánh giá chia tổng điểm cho số người đánh giá.

Để đánh giá mức độ thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ của từng học sinh, giáo viên có thể sử dụng *Bảng đánh giá học tập của cá nhân* theo mẫu sau :

Họ và tên Lớp

Bảng đánh giá học tập

Mức độ thực hiện Hoạt động (yêu cầu)	Chưa hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành tốt
Hoạt động khởi động – Yêu cầu nhiệm vụ 1 – Yêu cầu nhiệm vụ 2 ...			
Hoạt động hình thành kiến thức mới – Yêu cầu nhiệm vụ 1 – Yêu cầu nhiệm vụ 2 ...			
Hoạt động thực hành – Yêu cầu nhiệm vụ 1 – Yêu cầu nhiệm vụ 2 ...			
Hoạt động ứng dụng – Yêu cầu nhiệm vụ 1 – Yêu cầu nhiệm vụ 2			
Hoạt động bổ sung – Yêu cầu nhiệm vụ 1 – Yêu cầu nhiệm vụ 2			

MỤC LỤC

	Trang
Mở đầu	3
Phần thứ nhất MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ	7
Phần thứ hai HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC CHỦ ĐỀ	21
BÀI 1. TỰ TIN VÀ TỰ TRỌNG	22
BÀI 2. GIẢN DỊ VÀ KHIÊM TỐN	34
BÀI 3. YÊU THƯƠNG CON NGƯỜI	45
BÀI 4. SỐNG TỰ LẬP	53
BÀI 5. SỐNG CÓ KẾ HOẠCH	60
BÀI 6. XÂY DỰNG TÌNH BẠN TRONG SÁNG, LÀNH MẠNH	66
BÀI 7. XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VĂN HOÁ	81
BÀI 8. QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN VÀ NGHĨA VỤ TÔN TRỌNG, BẢO VỆ TÀI SẢN	93
BÀI 9. HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	105

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên MẠC VĂN THIÊN
Tổng Giám đốc GS.TS. VŨ VĂN HÙNG
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập TS. PHAN XUÂN THÀNH

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học VŨ ĐÌNH CHUẨN
Phó Tổng biên tập NGUYỄN HIỀN TRANG
Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội VŨ BÁ KHÁNH

Biên tập lần đầu :

NGUYỄN TẮT THẮNG

Biên tập tái bản và sửa bản in :

HOÀNG KIM LIÊN – NGUYỄN TẮT THẮNG

Thiết kế sách :

HÀ VŨ

Trình bày bìa :

MINH PHƯƠNG

Chế bản :

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

NXBGDVN

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

Mã số : T7G14a6 – ĐTH

Mã số ISBN : 978-604-0-08026-4

In ... bản (QĐ...), khổ 20,5 x 27 cm

Đơn vị in : ... địa chỉ : ...

Cơ sở in : ... địa chỉ : ...

Số ĐKXB : 15-2016/CXBIPH/313-1895/GD

Số QĐXB : .../QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 2016

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 2016.